



Ngân hàng Xanh
Phát triển bền vững vì cộng đồng





Dự án "Green for life - Màu xanh cho cuộc sống" được Vietcombank triển khai, hướng tới việc nâng cao nhận thức cho học sinh tiểu học về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường.

VIETCOMBANK

GIỚI THIỆU VIETCOMBANK	04
Thông điệp của Chủ tịch HĐQT và TGD	06
Thông tin khái quát	10
Lịch sử hình thành và phát triển	12
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	18
10 dấu ấn tiêu biểu Vietcombank năm 2016	20
Thông tin về Mô hình quản trị & Cơ cấu bộ máy quản lý	26
Chỉ số tài chính cơ bản 2012 - 2016	28
Định hướng phát triển.	32
Danh hiệu và giải thưởng	36
BÁO CÁO CỦA LÃNH ĐẠO	44
Tình hình tài chính	46
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	48
Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	50
Đánh giá của Ban Điều hành	54
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Vietcombank	72
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	84
Tổ chức và Nhân sự	86
Giới thiệu Hội đồng Quản trị	88
Giới thiệu Ban Điều hành	90
Giới thiệu Ban Kiểm soát	93
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	94
Quản trị Công ty	96
Quản trị rủi ro	104
Mạng lưới hoạt động	106
CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI	110
Hoạt động an sinh xã hội Vietcombank 2016	112
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	130
Thông tin về Ngân hàng	133
Báo cáo của Ban Điều hành	135
Báo cáo Kiểm toán độc lập	136
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	138
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	141
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	143
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	145

CÙNG VIETCOMBANK HÀNH ĐỘNG
CHĂM SÓC MÔI TRƯỜNG SÔNG XANH

HỒ CHÍ MINH, NGÀY 7 THÁNG 12 NĂM 2016

GREEN FOR LIFE

TẠO BẢN SẮC CHO THÀNH CÔNG BỀN VỮNG

1 GIỚI THIỆU VIETCOMBANK

• Thông điệp của Chủ tịch HĐQT và TGD • Thông tin khái quát • Ngành nghề và địa bàn kinh doanh • Lịch sử hình thành và phát triển • 10 dấu ấn tiêu biểu Vietcombank năm 2016 • Thông tin về Mô hình quản trị & Cơ cấu bộ máy quản lý • Chỉ số tài chính cơ bản 2012 - 2016 • Định hướng phát triển • Danh hiệu và giải thưởng

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT & Tổng Giám đốc



Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Xuân Thành



Vietcombank đã đạt Lợi nhuận trước thuế 8.523 tỷ đồng, tăng gần 25% so với năm 2015, cao nhất trong các năm từ 2009 đến nay và cao nhất trong ngành ngân hàng; các chỉ số hiệu quả (ROA, ROE) được cải thiện mạnh mẽ. Với kết quả kinh doanh ấn tượng, Vietcombank tiếp tục giữ vững vị trí tổ chức tín dụng có giá trị vốn hóa lớn nhất thị trường.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
tăng 24,84% so với năm 2015

8.523

TỶ ĐỒNG

Thế giới đã trải qua năm 2016 với những biến động mang tính lịch sử. Nếu châu Âu chao đảo vì quyết định "Brexit" của Anh thì nước Mỹ lại gây sốc với chiến thắng của tỷ phú Donald Trump trong cuộc bầu cử tổng thống. Khủng hoảng nợ công của các nước Đông Âu vẫn chưa tới hồi kết, FED điều chỉnh lãi suất... là những điểm nhấn lớn của nền kinh tế thế giới trong năm qua. Kinh tế trong nước tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng (6,21%) song vẫn cao hơn mức trung bình 6 năm qua, với động lực là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và cầu tiêu dùng nội địa. Lạm phát được kiểm soát thấp hơn mức mục tiêu 5%; cán cân thanh toán quốc tế thặng dư và dòng vốn FDI ghi nhận mức tăng trưởng tích cực. Tỷ giá và thị trường ngoại hối cơ bản ổn định; mặt bằng lãi suất giảm đã hỗ trợ tích cực doanh nghiệp gia tăng mở rộng đầu tư sản xuất kinh doanh.

Ngành Ngân hàng tăng trưởng ổn định, hoàn thành các mục tiêu đề ra, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững. Tổng phương tiện thanh toán tăng ~18,38%, huy động vốn tăng ~17,75% và tín dụng tăng ~18,25%. Quá trình tái cơ cấu các TCTD tiếp tục được đẩy mạnh, an toàn hệ thống được đảm bảo, chất lượng tín dụng được kiểm soát.

Năm 2016, với việc nghiêm túc thực hiện chỉ đạo của Chính phủ và NHNN, đồng thời quyết liệt triển khai

phương châm "**Tăng tốc - Hiệu quả - Bền vững**" và quan điểm chỉ đạo điều hành "**Đổi mới - Kỷ cương - Trách nhiệm**", Vietcombank đã đạt những kết quả đặc biệt ấn tượng: Quy mô tăng trưởng mạnh (huy động vốn ~ 19,28%, tín dụng ~ 18,85%). Cơ cấu huy động vốn và sử dụng vốn ghi nhận những chuyển dịch tích cực phù hợp với định hướng phát triển của Vietcombank. Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh mẽ, tỷ lệ nợ xấu giảm từ 1,79% xuống còn 1,46%, tỷ lệ nợ nhóm 2 cũng giảm mạnh còn 1,67% - giảm 0,7 điểm % so với thời điểm cuối năm 2015, đồng thời Vietcombank đã trở thành ngân hàng đầu tiên và duy nhất hoàn tất việc trích lập toàn bộ dự phòng cho dư nợ đã bán cho VAMC, chính thức minh bạch hóa số liệu nợ xấu về mặt số.

Đặc biệt, về hiệu quả kinh doanh, Vietcombank đã đạt Lợi nhuận trước thuế 8.523 tỷ đồng, tăng gần 25% so với năm 2015, cao nhất trong các năm từ 2009 đến nay và cao nhất trong ngành ngân hàng; các chỉ số hiệu quả (ROA, ROE) được cải thiện mạnh mẽ. Với kết quả kinh doanh ấn tượng, Vietcombank tiếp tục giữ vững vị trí tổ chức tín dụng có giá trị vốn hóa lớn nhất thị trường.

Bên cạnh hoạt động kinh doanh, Vietcombank tiếp tục triển khai đồng bộ các Dự án chuyển đổi nhằm nâng cao năng lực quản trị điều hành hướng tới chuẩn mực quốc tế; hoàn thiện các quy trình, quy chế nội bộ, tạo

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT & Tổng Giám đốc



Tổng Giám đốc
Phạm Quang Dũng



Ban lãnh đạo Vietcombank cùng toàn thể hơn 15.000 cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống sẽ quyết tâm vượt qua những khó khăn, thử thách, nắm bắt cơ hội để phát triển cả về quy mô, chất lượng, hiệu quả; từng bước hiện thực hóa mục tiêu chiến lược của Vietcombank là trở thành ngân hàng số 1 tại Việt Nam, 1 trong 300 tập đoàn tài chính ngân hàng lớn nhất toàn cầu.

LỢI NHUẬN SAU THUẾ
tăng 28,49% so với năm 2015

6.851

TỶ ĐỒNG

cơ chế đồng bộ cho hoạt động kinh doanh. Công tác quản trị nguồn nhân lực có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần tạo nên nguồn nhân lực có chất lượng cao, hướng tới hoàn thành mục tiêu chiến lược là trở thành tổ chức tín dụng dẫn đầu về chất lượng nguồn nhân lực và mức độ gắn kết của nhân viên.

Năm 2017 trong bối cảnh chung còn nhiều thách thức, Vietcombank sẽ tiếp tục tập trung mọi nguồn lực với tinh thần trách nhiệm cao nhất để hiện thực hóa những mục tiêu kế hoạch đã đặt ra, hướng tới phát triển bền vững, góp phần vào sự ổn định chung của ngành ngân hàng. Tiếp tục quán triệt quan điểm chỉ đạo điều hành **"Đổi mới - Kỳ cương - Trách nhiệm"**, phương châm hoạt động cho năm 2017 được Vietcombank xác định là **"Chuyển đổi - Hiệu quả - Bền vững"** với các giải pháp chủ đạo gồm: (i) Kiên định công tác khách hàng là nhiệm vụ trọng tâm, (ii) Tập trung nâng cao năng lực tài chính, (iii) Đẩy mạnh hoạt động xử lý thu hồi nợ xấu, nợ đã xử lý dự phòng

rủi ro, (iv) Đổi mới mạnh mẽ hoạt động kinh doanh vốn, ngoại tệ và tài trợ thương mại, (v) Củng cố hoạt động của các công ty con, nâng cao hiệu quả đầu tư, (vi) Triển khai đúng lộ trình các dự án nâng cao năng lực quản trị, (vii) Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, (viii) Kiên toàn mô hình tổ chức, (ix) Tăng cường công tác quản trị rủi ro, và (x) Đầu tư nâng cấp cho công nghệ thông tin.

Ban lãnh đạo Vietcombank cùng toàn thể hơn 15.000 cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống sẽ quyết tâm vượt qua những khó khăn, thử thách, nắm bắt cơ hội để phát triển cả về quy mô, chất lượng, hiệu quả; xứng đáng với niềm tin và kỳ vọng của các cơ quan quản lý, của các cổ đông, các nhà đầu tư và của hàng triệu khách hàng; từng bước hiện thực hóa mục tiêu chiến lược của Vietcombank là trở thành ngân hàng số 1 tại Việt Nam, 1 trong 300 tập đoàn tài chính ngân hàng lớn nhất toàn cầu, được quản trị theo các thông lệ tốt nhất.

**Chủ tịch HĐQT
NGHIÊM XUÂN THÀNH**

**Tổng Giám đốc
PHẠM QUANG DŨNG**

Thông tin **khái quát**

TÊN GIAO DỊCH

Tên công ty bằng tiếng Việt:

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM.

Tên công ty bằng tiếng Anh:

JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR FOREIGN TRADE OF VIET NAM.

Tên giao dịch: VIETCOMBANK

Tên viết tắt: VIETCOMBANK

Giấy phép thành lập và hoạt động số 138/GP-NHNN
do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 23/05/2008.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp: 0100112437

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103024468 do Sở Kế hoạch và
Đầu tư TP. Hà Nội cấp ngày 02/6/2008 (đăng ký lần đầu).

Đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 16/12/2016

Vốn điều lệ: 35.977.685.750.000 đồng

Bằng chữ: *Ba mươi lăm nghìn chín trăm bảy mươi bảy tỷ sáu trăm tám mươi
lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng.*

Mã cổ phiếu: VCB

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 3.597.768.575

Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm,
TP. Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại: 84 - 4 - 3934 3137

Fax: 84 - 4 - 3826 9067

Website: www.vietcombank.com.vn

VỐN ĐIỀU LỆ
tăng 35% so với năm 2015

35.978

TỶ ĐỒNG



LÝ THÁI TỔ



Lịch sử hình thành và phát triển

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ CÁC TỔ CHỨC TIỀN THÂN

Ngày 6/5/1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh số 15/SL thành lập Ngân hàng Quốc gia Việt Nam. Sau khi hòa bình được lập lại ở miền Bắc, việc thiết lập quan hệ ngoại giao, quan hệ thương mại... với các nước được đặt ra. Vì vậy, Sở quản lý ngoại hối thuộc Ngân hàng quốc gia Việt Nam được thành lập theo Nghị định số 443/TTg ngày 20/01/1955 của Thủ tướng Chính phủ nhằm tham mưu cho chính phủ về công tác quản lý ngoại tệ, vàng bạc, thực hiện thanh toán mậu dịch, phi mậu dịch giữa Việt Nam và các quốc gia trên thế giới. Tiếp đó, ngày 26/10/1961 Chính phủ ra Nghị định số 171/CP đổi tên Ngân hàng Quốc gia Việt Nam thành Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trong đó có Cục Ngoại hối, thay cho Sở Quản lý ngoại hối trước đây. Đây là bước phát triển, tạo tiền đề thành

lập ngân hàng chuyên doanh và nghiệp vụ ngân hàng đối ngoại sau này.

Để phù hợp với tập quán quốc tế về hoạt động ngân hàng đối ngoại, ngày 30/10/1962 Hội đồng Chính phủ ra Nghị định số 115/CP thành lập Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam với nhiệm vụ kinh doanh ngoại hối, thanh toán quốc tế, tín dụng quốc tế, cho vay ngoại thương; Tham gia quản lý ngoại hối, góp phần bảo vệ tiền tệ và tài sản nhà nước, tăng cường mở rộng quan hệ kinh tế, chính trị và giao lưu văn hóa với nước ngoài. Sau một thời gian chuẩn bị, ngày 01/4/1963 Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam chính thức đi vào hoạt động, và cũng kể từ đó thương hiệu Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam chính thức ra đời.



Trong suốt quá trình hoạt động của mình, Vietcombank luôn xác định rõ và hướng tới việc xây dựng một ngân hàng hoạt động chuẩn mực, tuân thủ các quy định của pháp luật và bắt nhịp với các thông lệ quốc tế, đảm bảo hoạt động an toàn và bền vững.

NHIỆM VỤ CAO CẢ VỚI TỔ QUỐC VÀ NHỮNG MỐC SON CHÓI LỢI

Thời kỳ đầu từ 1963 - 1977, Vietcombank với vai trò độc quyền về hoạt động ngân hàng đối ngoại đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Chính phủ, ngành Ngân hàng giao phó, vừa đáp ứng nhu cầu ngoại tệ cho nền kinh tế của hậu phương miền Bắc, vừa làm trọn nhiệm vụ cung ứng ngoại tệ cho chiến trường miền Nam, hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước mà tiêu biểu là hoạt động của B29.

Cùng với các giải pháp hết sức táo bạo của chiến tranh nhân dân do Đảng ta mà trực tiếp là Ban Kinh tế Trung ương Cục miền Nam tổ chức và chỉ đạo, giải pháp thanh toán đặc biệt do B29 thực hiện đã có ý nghĩa lớn giúp cho việc cung cấp cho chiến trường miền Nam một số vật tư kỹ thuật, kể cả vũ khí, đạn dược ngay tại chỗ. Kết quả trong các năm cuối của cuộc chiến tranh, B29 đã thực hiện việc thanh toán đặc biệt an toàn cho hàng trăm chuyến hàng trị giá hàng trăm triệu USD. Đây là một chiến công thầm lặng trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc mà Cục Ngoại hối, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam có vinh dự được tham gia.

Ngoài ra trong quá trình tiếp nhận vốn ngoại tệ từ nước ngoài về đến khi đưa ngoại tệ chi viện vào miền Nam, B29 đã vận dụng linh hoạt các nghiệp vụ, chuyển đổi ngoại tệ này sang ngoại tệ khác, tranh thủ điều chuyển vốn từ ngân hàng không trả lãi sang ngân hàng trả lãi, ngân hàng trả lãi thấp sang ngân hàng trả lãi cao đã thu được khoản lãi gần 21 triệu USD, tăng thêm nguồn viện trợ cho chiến trường.

Sau ngày miền Nam giải phóng, bằng nhiều biện pháp tích cực, có hiệu quả, Ngân hàng Ngoại thương đã nhanh chóng tiếp quản hệ thống ngân hàng của chế độ cũ, thu về cho quốc gia một khối lượng tài sản, vốn lớn đang nằm ở nước ngoài, đấu tranh với các ngân hàng nước ngoài trong việc chuyển các tài khoản đứng tên ngân hàng quốc gia ngụy quyền Sài Gòn vào tài khoản đứng tên NHNN Việt Nam ở nước ngoài để sau khi bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ, đã thu về hàng trăm triệu USD, góp phần vào công cuộc khắc phục hậu quả sau chiến tranh, phát triển kinh tế xã hội đất nước.



Mục tiêu chiến lược của Vietcombank là trở thành ngân hàng số 1 tại Việt Nam, 1 trong 300 tập đoàn tài chính ngân hàng lớn nhất toàn cầu.



KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ NGÂN HÀNG CHỦ ĐẠO TRONG GIAI ĐOẠN ĐỔI MỚI

Bước vào thời kỳ đổi mới, từ những năm 90, cùng với việc ra đời các Pháp lệnh về ngân hàng, sau này là 2 bộ luật ngân hàng, Vietcombank đã đi tiên phong trong việc xây dựng và thực hiện Đề án tái cơ cấu nhằm đổi mới toàn diện tổ chức, hoạt động Vietcombank. Danh mục đầu tư của Vietcombank được chuyển đổi theo hướng tập trung và phục vụ cho các dự án lớn và trọng điểm, hỗ trợ tích cực cho các thành phần kinh tế đầy mạnh sản xuất kinh doanh góp phần không nhỏ cho tăng trưởng kinh tế đất nước thời bấy giờ.

Quán triệt tinh thần của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX là "chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế", Vietcombank đã từng bước thoát khỏi tư duy bao cấp, vượt qua những

rào cản cơ chế để tiếp cận, hội nhập với thị trường tài chính - tiền tệ thế giới; đi đầu trong việc thực hiện vai trò hỗ trợ xuất khẩu cho các doanh nghiệp trong nước, gương mẫu trong thực thi chính sách của NHNN, góp phần ổn định tiền tệ, kiểm chế lạm phát, điều hành tỷ giá và tăng cường dự trữ ngoại tệ quốc gia. Vào đầu những năm 90, Vietcombank đã chính thức tham gia vào thị trường tiền tệ thế giới, gia nhập tổ chức SWIFT; là thành viên của Hiệp hội ngân hàng châu Á, tổ chức thế quốc tế và là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam phát hành các loại thẻ tín dụng quốc tế như Master Card, Visa. Bên cạnh đó, Vietcombank đã tăng cường đầu tư, hiện đại hoá, nâng cao trình độ công nghệ, đa dạng hoá sản phẩm dịch vụ, mở rộng hoạt động sang các lĩnh vực khác bằng việc thành lập các công ty liên doanh, các công ty trực thuộc. Với lợi thế về nguồn

vốn, đặc biệt là vốn ngoại tệ, Vietcombank đã tham gia tài trợ vốn cho hàng loạt các dự án thuộc các lĩnh vực then chốt phục vụ các dự án trọng điểm phát triển của quốc gia như điện lực, dầu khí, hàng không, viễn thông.

Không chỉ đảm bảo an toàn, hiệu quả cho hoạt động của mình, trong những thời điểm khó khăn của ngành ngân hàng Việt Nam, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ và NHNN, Vietcombank còn tham gia vào việc chấn chỉnh, củng cố, kiểm soát và xử lý một số NHTM cổ phần. Với sự hỗ trợ hiệu quả của Vietcombank về nguồn vốn, nhân lực cũng như các giao dịch nghiệp vụ, các ngân hàng này đã vượt qua được những thời điểm khó khăn nhất của thị trường để từng bước ổn định và vươn lên.

Bên cạnh đó, Vietcombank cũng được biết đến là doanh nghiệp tiêu biểu trong các hoạt động cộng đồng với nhiều chương trình an sinh xã hội có ý nghĩa lớn, tập trung vào các lĩnh vực giáo dục, y tế, hỗ trợ người nghèo, gia đình chính sách..., được cộng đồng xã hội đánh giá cao, thương hiệu Vietcombank nhờ đó càng trở nên gắn gũi với các doanh nghiệp, dân cư và cộng đồng xã hội.

Những đóng góp của Vietcombank đã được Đảng, Nhà nước, nhân dân ghi nhận bằng nhiều danh hiệu và phần thưởng cao quý, được cộng đồng tài chính thế giới tôn vinh với danh hiệu "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam" liên tục trong nhiều năm qua.

NHỮNG BƯỚC CHUYỂN MÌNH LỊCH SỬ VÀ ĐỊNH HƯỚNG TƯƠNG LAI

Vietcombank đã vinh dự được lựa chọn là đơn vị đi tiên phong trong ngành ngân hàng về thực hiện chủ trương cổ phần hóa DNNN của Đảng, Nhà nước, Chính phủ. Ngày 26/12/2007 đã trở thành một dấu mốc quan trọng của hệ thống Vietcombank khi đợt phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO) đạt kết quả thành công hơn mức kỳ vọng, cổ phiếu Vietcombank đã nhanh chóng trở thành cổ phiếu hàng đầu trong các cổ phiếu ngân hàng kể từ đó đến nay.

Tiếp đó, vào tháng 9/2011, Vietcombank còn tạo một bước ngoặt quan trọng thông qua việc ký kết Hợp đồng cổ đông chiến lược với Mizuho Corporate Bank thuộc Tập đoàn Tài chính Mizuho – Tập đoàn tài chính lớn thứ ba tại Nhật Bản và thứ 20 trên thế giới. Việc bán cổ phần chiến lược của Vietcombank đã trở thành thương vụ M&A lớn nhất khu vực trong năm, là minh chứng cho niềm tin của nhà đầu tư nước ngoài vào tiềm năng và tương lai phát triển của thị trường tài chính Việt Nam nói chung, của Vietcombank nói riêng.

Ngày 01/04/2013, Vietcombank đã tổ chức Lễ kỷ niệm 50 năm thành lập (1963–2013) và đón nhận Huân chương Độc lập Hạng Nhất do Đảng và Nhà nước trao tặng. Nhân sự kiện đặc biệt này, Vietcombank cũng đã chính thức công bố hệ thống nhận diện thương hiệu mới với thông điệp "Chung niềm tin vững tương lai", khẳng định sự đổi mới toàn diện của Vietcombank cả về hình ảnh và chất lượng hoạt động để tiếp tục phát triển bền vững, giữ vững vị thế là ngân hàng hàng đầu trong nước và từng bước vươn xa trên trường quốc tế, khẳng định cam kết của Vietcombank luôn sẵn sàng đồng hành cùng khách hàng trên con đường hướng tới tương lai.

Giai đoạn 2013 – 2016 ghi nhận dấu ấn chuyển mình, bứt phá ngoạn mục của Vietcombank khi ngân hàng đã có sự tăng trưởng ấn tượng về quy mô và hiệu quả kinh doanh, thiết lập đỉnh cao với những thành công tiếp nối, mở ra vận hội lớn cho Vietcombank trong giai đoạn phát triển kế tiếp. Cùng với đó, Vietcombank vừa tập trung triển khai hiệu quả Đề án tái cơ cấu theo chỉ đạo của Chính phủ và NHNN, vừa triển khai đồng bộ, có hiệu quả nhiều dự án nâng cao năng lực quản trị, hoạt động nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo nền tảng vững chắc cho một giai đoạn phát triển mới, hội nhập quốc tế, góp phần hiện thực hóa tầm nhìn và mục tiêu chiến lược đến năm 2020 là xây dựng Vietcombank trở thành ngân hàng số 1 tại Việt Nam, một trong 300 tập đoàn tài chính lớn nhất toàn cầu, được quản trị theo các thông lệ quốc tế tốt nhất.

ĐƯA THƯƠNG HIỆU, VĂN HÓA VIETCOMBANK TIẾP TỤC VƯƠN XA

Trong suốt quá trình hoạt động của mình, Vietcombank luôn xác định rõ và hướng tới việc xây dựng một ngân hàng hoạt động chuẩn mực, tuân thủ các quy định của pháp luật và bắt nhịp với các thông lệ quốc tế, đảm bảo hoạt động an toàn và bền vững. Uy tín, chất lượng và hiệu quả hoạt động của Vietcombank không chỉ được bạn bè và khách hàng trong nước đánh giá cao mà còn được cộng đồng quốc tế ghi nhận.

Vietcombank trong mắt khách hàng, cổ đông, nhà đầu tư là một ngân hàng hiện đại, tin cậy, chuẩn mực, chuyên nghiệp, có khả năng đáp ứng một cách tổng thể các dịch vụ với chất lượng tốt nhất, là ngân hàng luôn minh bạch thông tin, hoạt động an toàn, hiệu quả và được quản trị theo các thông lệ quốc tế. Nói đến Vietcombank cũng là nói đến một ngân hàng có hạ tầng công nghệ tiên tiến hiện đại, có đội ngũ cán bộ lành nghề, tận tâm, gần gũi và luôn sẵn sàng sẻ chia.

Hơn 50 năm dựng xây, phát triển và cống hiến không chỉ tạo nên một thương hiệu lớn mang tên Vietcombank mà còn tạo dựng nên một văn hóa Vietcombank, một cốt cách Vietcombank rất đáng tự hào với những đặc trưng riêng có: Tin cậy, Chuẩn mực, Sẵn sàng đổi mới, Bền vững và Nhân văn. Thương hiệu và Văn hóa chính là những nhân tố đã tạo nên sức mạnh, giúp Vietcombank vượt qua những bước thăng trầm cùng lịch sử, luôn vươn đến những đỉnh cao mới, với những thành công tiếp nối thành công.



VIETCOMBANK CÓ

1.726

**NGÂN HÀNG ĐẠI LÝ tại 158 quốc gia
và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới.**

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- ▶ Dịch vụ tài khoản
- ▶ Dịch vụ huy động vốn (tiền gửi tiết kiệm, trái phiếu, kỳ phiếu)
- ▶ Dịch vụ cho vay (ngắn, trung, dài hạn)
- ▶ Dịch vụ bảo lãnh
- ▶ Dịch vụ chiết khấu chứng từ
- ▶ Dịch vụ thanh toán quốc tế
- ▶ Dịch vụ chuyển tiền
- ▶ Dịch vụ thẻ
- ▶ Dịch vụ thờ thu
- ▶ Dịch vụ mua bán ngoại tệ
- ▶ Dịch vụ ngân hàng đại lý
- ▶ Dịch vụ bao thanh toán
- ▶ Các dịch vụ khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Tính đến hết năm 2016, bên cạnh Trụ sở chính, Vietcombank có 101 chi nhánh với 395 phòng giao dịch hoạt động tại 52/63 tỉnh thành phố trong cả nước, phân bố cụ thể theo 07 khu vực sau: Bắc bộ có 20 chi nhánh, chiếm tỷ lệ 19,8%; Hà Nội có 15 chi nhánh, chiếm tỷ lệ 14,85%; Bắc và Trung bộ có 12 chi nhánh, chiếm tỷ lệ 11,88%; Nam Trung bộ và Tây Nguyên có 10 chi nhánh, chiếm tỷ lệ 9,9%; Hồ Chí Minh có 17 chi nhánh, chiếm tỷ lệ 16,83%; Đông Nam Bộ có 12 chi nhánh, chiếm tỷ lệ 11,88%; Tây Nam Bộ có 15 chi nhánh, chiếm 14,85%.

Vietcombank còn có 1.726 ngân hàng đại lý tại 158 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới.

10 dấu ấn tiêu biểu Vietcombank 2016

1

THIẾT LẬP ĐÌNH CAO LỢI NHUẬN

Năm 2016, cả hệ thống Vietcombank đã nỗ lực, quyết tâm thực hiện các mục tiêu kinh doanh để đạt được kết quả hết sức ấn tượng. Lợi nhuận trước thuế đạt 8.523 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng lợi nhuận cao nhất trong các năm gần đây và tiếp tục đạt kỷ lục mới, tạo đà cho bước phát triển mang tính bứt phá cho các năm tiếp theo, khẳng định sự phát triển ổn định, bền vững và hiệu quả theo đúng mục tiêu chiến lược mà Vietcombank đã đề ra cho giai đoạn từ nay đến năm 2020.

2

TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG ĐẦY ĐỦ CHO KHOẢN NỢ TẠI VAMC

Năm 2016, Vietcombank là ngân hàng đầu tiên trong ngành xử lý được hết dư nợ tại VAMC, vượt 3 năm so với quy định, đồng thời chính thức minh bạch và kiểm soát hoàn toàn về nợ xấu, trích lập dự phòng rủi ro. Tỷ lệ quỹ dự phòng rủi ro/nợ xấu duy trì ở mức cao (xấp xỉ 117,12%).



3

TIÊN PHONG, CHỦ ĐỘNG ĐỒNG HÀNH CÙNG CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP

Năm 2016, hưởng ứng lời kêu gọi của Thủ tướng Chính phủ và Thống đốc NHNN, Vietcombank là ngân hàng đầu tiên tiên phong trong giảm lãi suất đồng hành cùng cộng đồng doanh nghiệp. Ngoài ra còn có nhiều hoạt động thiết thực đồng hành cùng các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong Khởi nghiệp và phát triển, thúc đẩy quyết tâm kiến tạo và khởi nghiệp mà Chính phủ nhiệm kỳ mới đặt ra.



10

dấu ấn tiêu biểu Vietcombank 2016

4

TỔ CHỨC THÀNH CÔNG HỘI NGHỊ ABA LẦN THỨ 33

Với việc đăng cai tổ chức thành công Hội nghị thường niên Hiệp hội Ngân hàng Châu Á (ABA) lần thứ 33, Vietcombank đã để lại nhiều ấn tượng và cảm xúc trong cộng đồng tài chính - ngân hàng khu vực và quốc tế, mang đến hình ảnh Vietcombank thực sự là một sứ giả, là cầu nối các ngân hàng Việt Nam với cộng đồng ngân hàng Châu Á, khẳng định vị thế đặc biệt của Vietcombank trong hoạt động đối ngoại của hệ thống các ngân hàng thương mại tại Việt Nam.



6

KÍCH HOẠT NHIỀU DỰ ÁN QUAN TRỌNG

Năm 2016, Vietcombank kích hoạt nhiều dự án có tầm quan trọng đối với sự phát triển dài hạn và bền vững theo chuẩn mực quốc tế như Basel II, CTOM, ALM-FTP-MPA. Dự án Core Banking được tái khởi động, quyết định nền tảng phát triển trong thời gian tới.

Song song với việc kích hoạt, triển khai các dự án là quá trình truyền thông, đào tạo đối với toàn thể cán bộ nhân viên trong hệ thống.



5

PHÁT HÀNH THÀNH CÔNG TRÁI PHIẾU

Vietcombank đã tăng vốn điều lệ thêm 9.327 tỷ đồng và phát hành thành công 8.000 tỷ trái phiếu dài hạn, trong đó có 6.000 tỷ tăng vốn cấp 2. Với 2.000 tỷ đồng trái phiếu có kỳ hạn 10 năm được phát hành ra công chúng trong thời gian phát hành 1 tháng đã thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức trong nước và nước ngoài, khẳng định vị thế và uy tín của Vietcombank.



7

CẤU TRÚC LẠI MÔ HÌNH TỔ CHỨC

Ngay sau khi chuẩn hóa mô hình tổ chức và ban hành bộ chức năng chuẩn cho các phòng Trụ sở chính và chi nhánh. Năm 2016, Văn phòng đại diện phía Nam của Vietcombank được ra đời; Thành lập Ban KHDN 2 và phòng Công nợ 2 kéo dài tại Tp Hồ Chí Minh. Triển khai quản lý bản lẻ theo vùng thị điểm tại Hà Nội như một bước chuẩn bị cho việc triển khai trong năm 2017 trên toàn hệ thống.

Năm 2016, Vietcombank đưa vào hoạt động thêm 05 chi nhánh và 27 phòng giao dịch, nâng tổng số Chi nhánh và phòng Giao dịch của toàn hệ thống Vietcombank đến cuối năm 2016 lên con số 496. Công tác tuyển dụng được nâng cao. Đào tạo cán bộ gắn liền với chức danh làm việc và kết quả đào tạo là cơ sở để xem xét bổ nhiệm, phát triển cán bộ. Lần đầu tiên tổ chức thi kiểm tra tay nghề. Lần đầu tiên áp dụng việc luân chuyển cán bộ quản lý đã đảm nhiệm vị trí 2 nhiệm kỳ liên tiếp.



10 dấu ấn tiêu biểu Vietcombank 2016



8

RA ĐỜI DỊCH VỤ DIGITAL LAB

Năm 2016, Vietcombank là ngân hàng đầu tiên cho ra đời dịch vụ Digital lab. Khẳng định một xu thế tiên phong, phát triển các sản phẩm dịch vụ tiên tiến hiện đại đáp ứng nhu cầu đa dạng và ngày càng cao của khách hàng.

Vietcombank Digital Lab nằm trong tổng thể dự án xây dựng mô hình chi nhánh hiện đại Smart branch theo chiến lược phát triển ngân hàng số của Vietcombank, thể hiện sự đầu tư mạnh mẽ của Vietcombank cho công nghệ và khả năng ứng dụng công nghệ số trong cung ứng các dịch vụ ngân hàng với mục tiêu lớn nhất là hướng tới sự hài lòng cho khách hàng khi được trải nghiệm đồng nhất các dịch vụ trên tất cả các kênh giao dịch của ngân hàng, từ truyền thống đến hiện đại.

9

XÂY DỰNG MỚI CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN ĐẾN NĂM 2020 VÀ PHÊ DUYỆT CHIẾN LƯỢC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐẾN NĂM 2020

Năm 2016, Vietcombank đã xây dựng mới Chiến lược phát triển toàn diện đến năm 2020. Đây là nền tảng định hình cho một giai đoạn phát triển chinh phục đỉnh cao mới của Vietcombank, đó là: Trở thành Ngân hàng số 1 tại Việt Nam; nằm trong 300 tập đoàn tài chính lớn nhất toàn cầu và được quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế tốt nhất.

Cũng trong năm 2016, HĐQT Vietcombank đã phê duyệt Chiến lược công nghệ thông tin đến năm 2020 với phương châm tăng tốc, đuổi kịp và đáp ứng nhu cầu phát triển.



10

KHẲNG ĐỊNH UY TÍN VỚI NHIỀU GIẢI THƯỞNG VÀ TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG

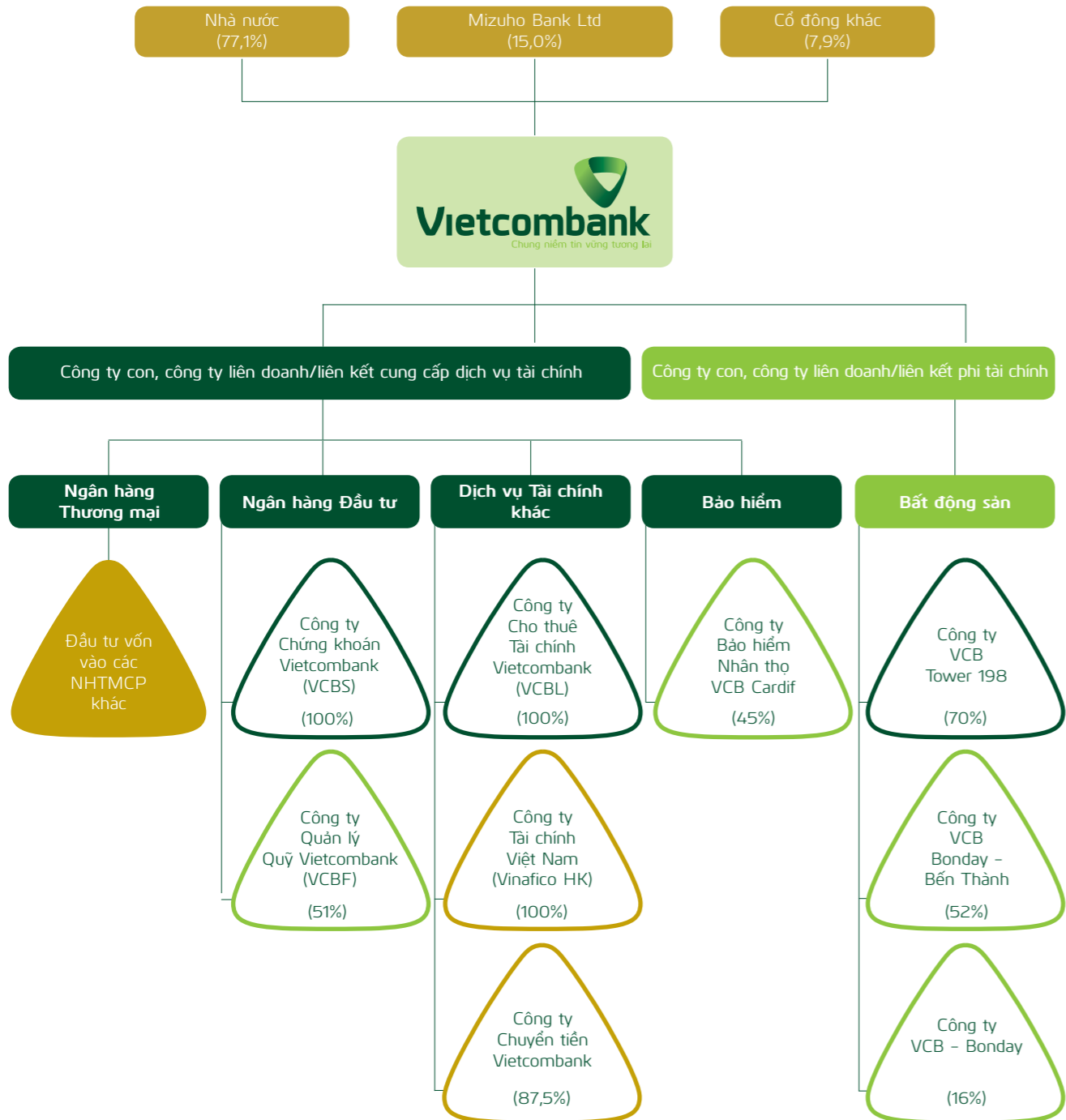
Năm 2016 ghi nhận một loạt các hoạt động an sinh xã hội đầy ấn tượng của Vietcombank: Ngoài việc đồng hành cùng các chương trình văn hóa xã hội, thể thao có tầm vóc quốc gia và quốc tế, Vietcombank còn khẳng định một vị thế hàng đầu trong việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội trên tất cả các mặt hoạt động về y tế, giáo dục, xóa đói giảm nghèo... trên khắp các vùng miền khó khăn nhất trong cả nước. Tạo dựng một hình ảnh Ngân hàng Xanh luôn hướng đến cộng đồng, vì cộng đồng.

Uy tín của Vietcombank được khẳng định với việc tiếp tục được Moody's xếp hạng tín nhiệm thuộc nhóm cao nhất, giá cổ phiếu tiếp tục dẫn đầu trong ngành ngân hàng. Trong năm, Vietcombank đạt một loạt những giải thưởng và danh hiệu ấn tượng: 5 lần liên tục đạt Thương hiệu quốc gia; Ngân hàng mạnh nhất Việt Nam; TOP 3 công ty dẫn đầu về phúc lợi cho nhân viên; Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam 4 năm liên tiếp; Top 10 Doanh nghiệp phát triển bền vững xuất sắc về lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ.



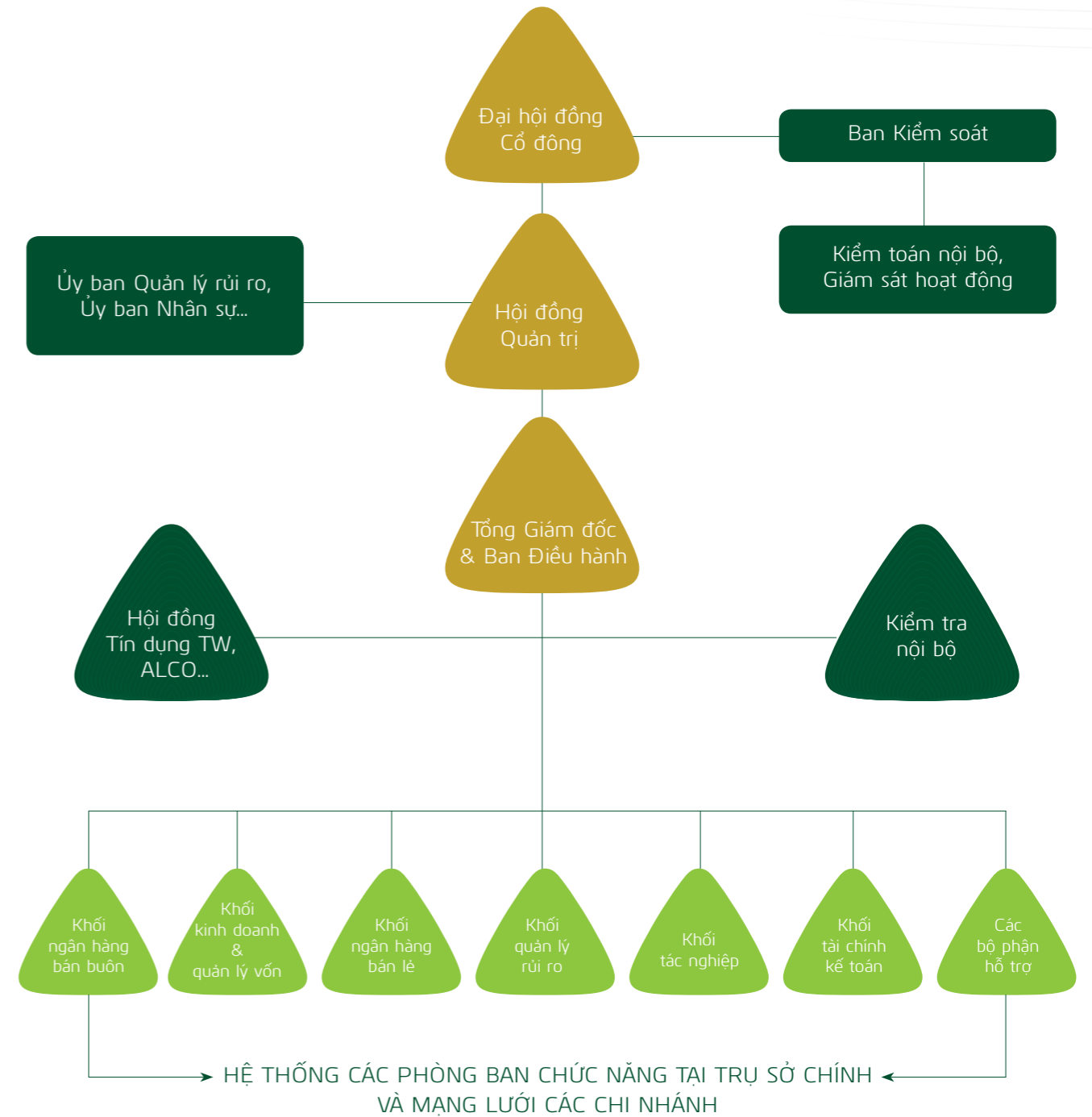
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



△ Công ty con trong nước
 △ Công ty liên doanh
 △ Công ty con nước ngoài

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



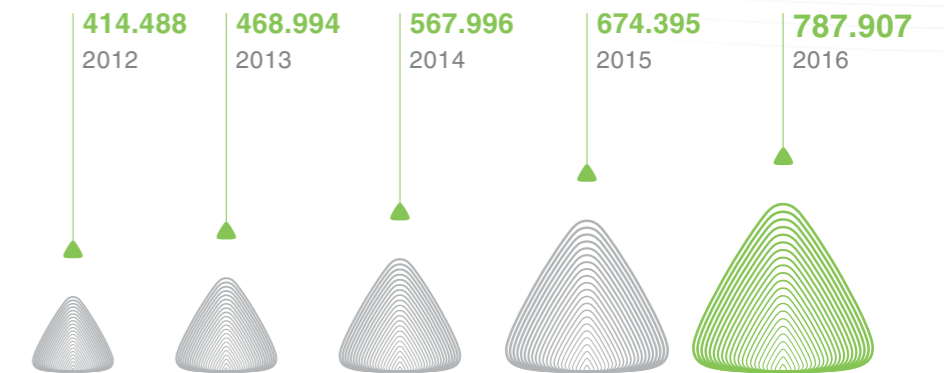
Chỉ số tài chính cơ bản 2012 – 2016

ĐVT: Tỷ VNĐ

	2012	2013	2014	2015	2016
MỘT SỐ CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
Tổng tài sản	414.488	468.994	576.996	674.395	787.907
Vốn chủ sở hữu	41.547	42.386	43.473	45.172	48.102
Tổng dư nợ TD/TTS	58.19%	58.49%	56.04%	57.4%	58.5%
Thu nhập ngoài lãi thuần	4.140	4.725	5.295	5.749	6.352
Tổng thu nhập hoạt động kinh doanh	15.081	15.507	17.286	21.202	24.880
Tổng chi phí hoạt động	-6.013	-6.244	-6.849	-8.306	-9.950
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	9.068	9.263	10.436	12.896	14.929
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	-3.303	-3.520	-4.591	-6.068	-6.406
Lợi nhuận trước thuế	5.764	5.743	5.844	6.827	8.523
Thuế TNDN	-1.343	-1.365	-1.258	-1.495	-1.672
Lợi nhuận sau thuế	4.421	4.378	4.586	5.332	6.851
Lợi nhuận thuần trong kỳ	4.397	4.358	4.567	5.314	6.832
CHỈ TIÊU HIỆU QUẢ					
NIM	2,93%	2,55%	2,35%	2,58%	2,63%
ROAE	12,61%	10,33%	10,76%	12,03%	14,69%
ROAA	1,13%	0,99%	0,88%	0,85%	0,94%
CHỈ TIÊU AN TOÀN					
Tỷ lệ dư nợ cho vay/huy động vốn	79,34%	80,62%	75,92%	76,76%	76,71%
Tỷ lệ nợ xấu	2,40%	2,73%	2,31%	1,79%	1,46%
Hệ số an toàn vốn CAR	14,63%	13,13%	11,35%	11,04%	11,13%
CỔ PHIẾU					
Cổ phiếu phổ thông	2.317	2.317	2.665	2.665	3.597
Tỷ lệ chi trả cổ tức	12%	12%	10%	10%	8%
Giá cổ phiếu (thời điểm cuối năm)	26.230	26.800	31.900	43.900	35.450
Giá trị vốn hóa thị trường	60.786	62.107	85.014	116.994	127.514
EPS	1.623	1.582	1.533	1.626	1.566
DPS	1.200	1.200	1.000	1.000	800

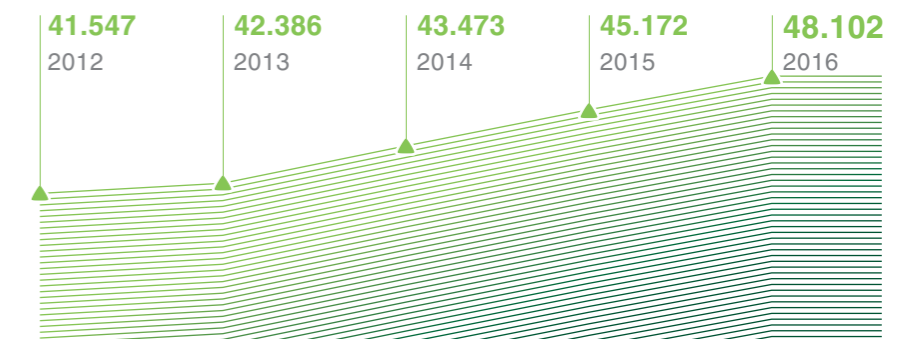
Tổng tài sản (Tỷ VNĐ)

787.907
Tăng 16,83% so với năm 2015



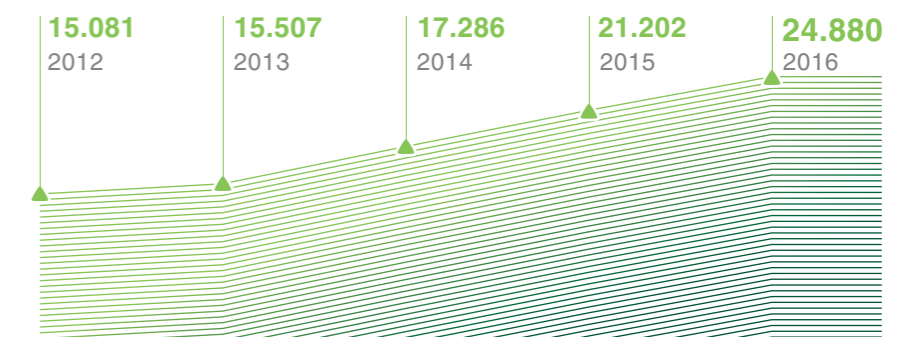
Vốn chủ sở hữu (Tỷ VNĐ)

48.102
Tăng 6,48% so với năm 2015



Tổng thu nhập hoạt động kinh doanh (Tỷ VNĐ)

24.880
Tăng 17,35% so với năm 2015

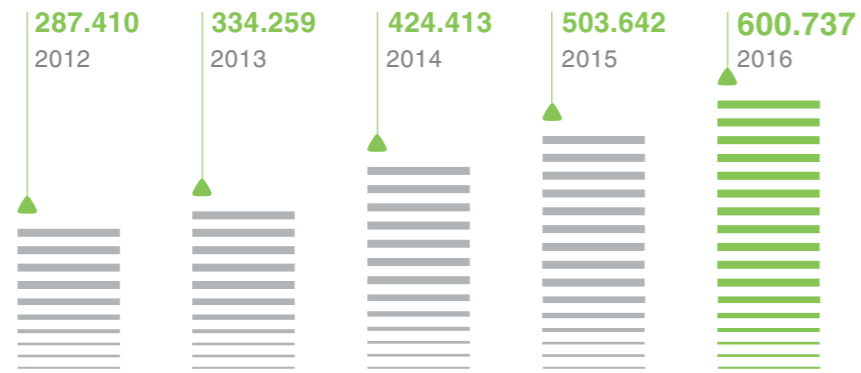


Chỉ số tài chính cơ bản 2012 – 2016

Huy động vốn (Tỷ VNĐ)

600,737

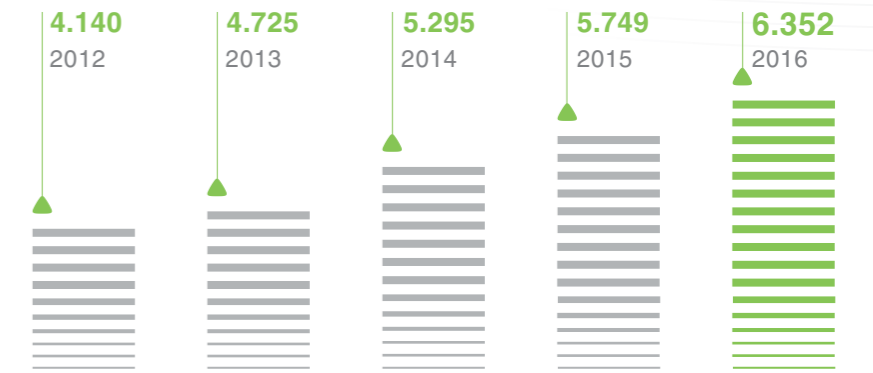
Tăng 19,28% so với năm 2015



Thu nhập ngoài lãi thuần (Tỷ VNĐ)

6,352

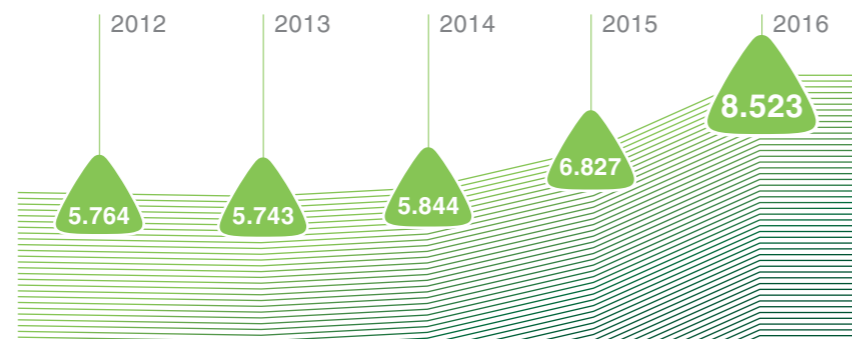
Tăng 10,49% so với năm 2015



Lợi nhuận trước thuế (Tỷ VNĐ)

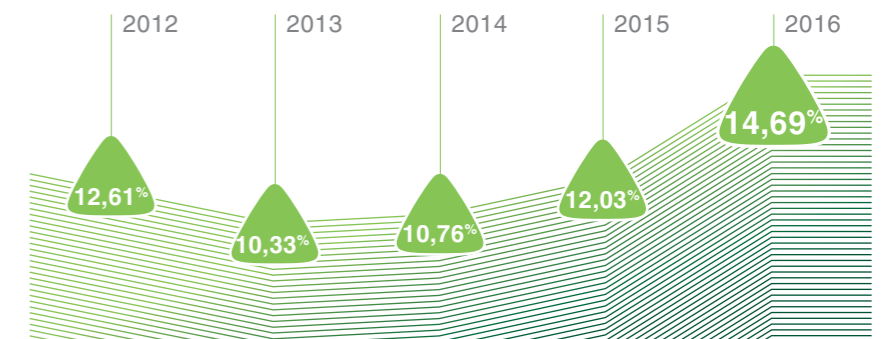
8,523

Tăng 24,84% so với năm 2015



ROAE (%)

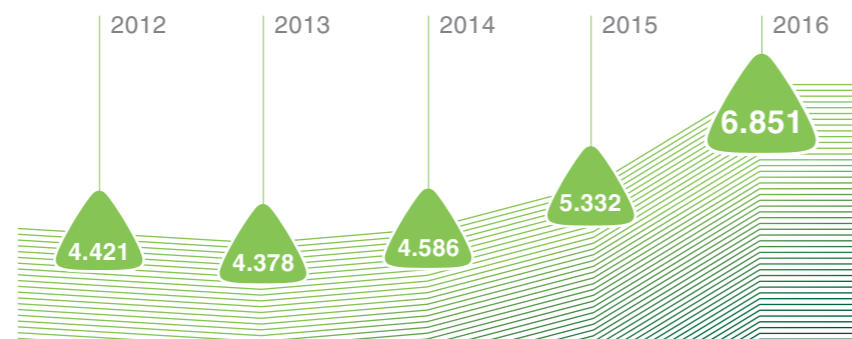
14,69



Lợi nhuận sau thuế (Tỷ VNĐ)

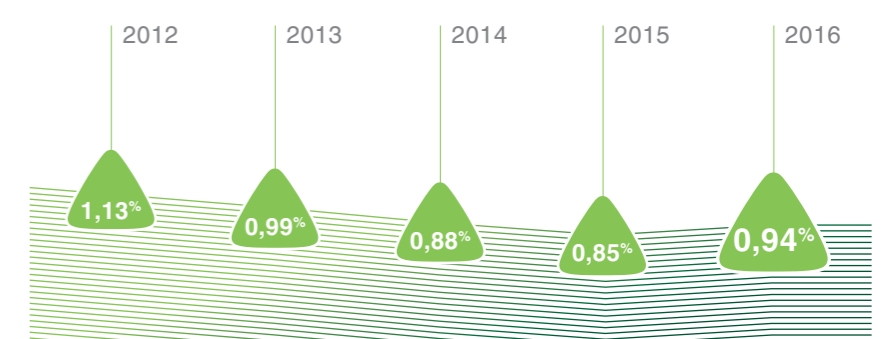
6,851

Tăng 28,49% so với năm 2015



ROAA (%)

0,94



Định hướng **phát triển**

TÂM NHÌN

Trở thành **Ngân hàng số 1**

tại Việt Nam, 1 trong 300 Tập đoàn ngân hàng tài chính lớn nhất thế giới và được quản trị theo các thông lệ quốc tế tốt nhất vào năm 2020.

CÁC MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC ĐẾN 2020

Ngân hàng đạt Top 1 Bán lẻ và Top 2 Bán buôn

Đạt vị trí ngân hàng số 1 tại Việt Nam, trong đó cụ thể: Đạt top 1 bán lẻ, top 2 bán buôn.

Ngân hàng có quy mô lợi nhuận lớn nhất với hiệu suất sinh lời cao

ROE đạt từ 13% - 15%, ROA đạt tối thiểu 1%.

Ngân hàng đứng đầu về mức độ hài lòng của khách hàng

Cung cấp sản phẩm dịch vụ tiện ích nhất; chăm sóc khách hàng tốt nhất và đảm bảo mức sinh lời của khách hàng cao nhất.

Ngân hàng đứng đầu về chất lượng nguồn nhân lực

Đạt năng suất lao động cao nhất và mức độ gắn kết của nhân viên (tỷ lệ EES) cao nhất.

Ngân hàng quản trị rủi ro tốt nhất

Tiên phong áp dụng Basel II tiêu chuẩn vào năm 2018 và Basel II nâng cao vào năm 2020.

ROE
13-15%

TOP 1
BÁN LẺ
TOP 2 BÁN BUÔN

ĐỨNG ĐẦU
VỀ MỨC ĐỘ HÀI LÒNG
CỦA KHÁCH HÀNG

ĐỨNG ĐẦU
VỀ CHẤT LƯỢNG
NGUỒN NHÂN LỰC

NGÂN HÀNG
QUẢN TRỊ RỦI RO
TỐT NHẤT

Định hướng phát triển

CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

“**Nhân văn**” là một trong những giá trị cốt lõi của văn hóa Vietcombank. Do đó, bên cạnh những định hướng phát triển hoạt động kinh doanh, Vietcombank luôn xác định trách nhiệm của mình đối với cộng đồng và luôn nỗ lực đóng góp tối đa cho sự phát triển chung của xã hội.

Không chỉ sẵn sàng sẻ chia với bạn hàng, khách hàng, đối tác, Vietcombank còn liên tiếp triển khai, tích cực tham gia các chương trình hỗ trợ người nghèo, đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số... Quan tâm và dành một nguồn lực không nhỏ cho công tác an sinh xã hội là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Vietcombank hàng năm.



Danh hiệu và giải thưởng



THÀNH TÍCH ẤN TƯỢNG VỮNG BƯỚC DẪN ĐẦU

Năm 2016, Vietcombank đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng tài sản, tích cực thu hồi và xử lý nợ xấu, chuẩn hóa và tăng cường minh bạch thông tin ngân hàng trong lộ trình cải thiện các hệ số an toàn, nâng mức xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Vietcombank là ngân hàng tiên phong thu hồi các khoản nợ từ VAMC, chính thức đưa nợ xấu về một số. Lợi nhuận trước thuế của Vietcombank đạt 8.523 tỷ đồng, tăng 25% so với cùng kỳ. Cổ phiếu Vietcombank tiếp tục có mức giá cao nhất ngành, liên tục nằm trong top 3 doanh nghiệp có mức vốn hóa lớn nhất thị trường.

Với rất nhiều giải thưởng cao quý trong nước và quốc tế, Vietcombank đã và đang khẳng định vị thế dẫn đầu vững chắc của mình.

GIẢI THƯỞNG TRONG NƯỚC

1

TOP 50 CÔNG TY KINH DOANH HIỆU QUẢ NHẤT VIỆT NAM TẠP CHÍ NHỊP CẦU ĐẦU TƯ

Kết quả dựa trên khảo sát chuyên sâu và xếp hạng doanh nghiệp thường niên do tạp chí Nhịp cầu Đầu tư phối hợp với các đơn vị khác tổ chức, nhằm tìm kiếm những công ty có hiệu quả kinh doanh tốt nhất thị trường chứng khoán Việt Nam.

Danh hiệu và **giải thưởng**

GIẢI THƯỞNG TRONG NƯỚC

2

TOP 500 DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO CÁO ĐÁNH GIÁ VIỆT NAM (VIETNAM REPORT)

Nghiên cứu của Vietnam Report được xây dựng dựa trên các nguyên tắc khoa học, độc lập và tuân theo chuẩn mực xếp hạng doanh nghiệp của quốc tế, đồng thời dựa trên phương pháp luận của mô hình Fortune 500 - Hoa Kỳ, đánh giá thứ hạng của doanh nghiệp dựa trên tiêu chí chủ yếu là tổng doanh thu.



3

NHÀ TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG XUẤT SẮC HIỆP HỘI THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU VIỆT NAM (VBMA)

Trong suốt những năm qua, Vietcombank đã luôn khẳng định vị thế nhà tạo lập thị trường hàng đầu trên thị trường trái phiếu Việt Nam, tham gia đóng góp tích cực vào các hoạt động của Hiệp hội với vai trò là một trong các thành viên sáng lập của VBMA.

4

TOP 10 DOANH NGHIỆP NỘP THUẾ LỚN NHẤT VIỆT NAM VIETNAM REPORT

Đây là năm thứ 6 liên tiếp Bảng xếp hạng được công bố để ghi nhận và tôn vinh các doanh nghiệp có kết quả kinh doanh tốt, tuân thủ luật pháp, đóng góp thuế thu nhập lớn nhất cho ngân sách quốc gia. Bảng xếp hạng tuân thủ nguyên tắc khách quan, độc lập, khoa học và phù hợp với chuẩn mực quốc tế.

5

TOP 50 DOANH NGHIỆP XUẤT SẮC NHẤT VIỆT NAM VIETNAM REPORT

Các doanh nghiệp trong danh sách là những đại diện tiêu biểu nhất của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam đã khẳng định được vị thế của mình thông qua các chỉ tiêu: Quy mô, lợi nhuận, có đóng góp nhiều nhất vào ngân sách nhà nước và có tốc độ tăng trưởng tốt nhất trong giai đoạn 2011 - 2014.



6

TOP 10 NGÂN HÀNG UY TÍN NĂM 2016 VIETNAM REPORT

Những ngân hàng có mặt trong các danh sách này đáp ứng các tiêu chí về năng lực tài chính, uy tín truyền thông. Ban tổ chức cũng căn cứ vào kết quả khảo sát về mức độ hài lòng của khách hàng đối với chất lượng sản phẩm và dịch vụ trong năm 2015-2016.

7

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA (LẦN THỨ 5) HỘI ĐỒNG THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

Thương hiệu quốc gia là chương trình duy nhất của Chính phủ nhằm xây dựng, quảng bá hình ảnh thương hiệu quốc gia thông qua việc xây dựng hình ảnh sản phẩm hàng hóa, dịch vụ. Vietcombank là ngân hàng duy nhất 5 lần liên tiếp được vinh danh.

Danh hiệu và giải thưởng

GIẢI THƯỞNG TRONG NƯỚC

8

NGÂN HÀNG CÓ MẠNG LƯỚI ĐƠN VỊ CHẤP NHẬN THẺ HIỆU QUẢ NHẤT IDG VÀ VNBA

Được trao tại sự kiện "Giải thưởng Ngân hàng tiêu biểu tại Việt Nam 2016 - Vietnam Outstanding Banking Awards 2016" do Tập đoàn Dữ liệu Quốc Tế IDG phối hợp với Hiệp hội ngân hàng Việt Nam (VNBA) tổ chức. Vietcombank hiện là ngân hàng chấp nhận nhiều thương hiệu thẻ nhất Việt Nam.



9

TOP 10 DOANH NGHIỆP DỊCH VỤ BỀN VỮNG XUẤT SẮC NHẤT VIỆT NAM HỘI ĐỒNG DOANH NGHIỆP VÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (VBCSD)

Bộ chỉ số Doanh nghiệp bền vững (CSI) là cơ sở để được lựa chọn vào Bảng xếp hạng. Bộ Chỉ số CSI được xây dựng như là thước đo giá trị của doanh nghiệp dựa trên các tiêu chí về phát triển bền vững trong các lĩnh vực kinh tế, môi trường và xã hội. Vietcombank là ngân hàng duy nhất trong Top 10.

10

DOANH NGHIỆP VÌ NGƯỜI LAO ĐỘNG TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

Bảng xếp hạng "Doanh nghiệp vì Người lao động" được đánh giá dựa trên bộ tiêu chí khắt khe do các chuyên gia về lao động và công đoàn xây dựng. Đây là lần thứ 3 liên tiếp, Vietcombank được vinh danh vì những chính sách, hành động và sự quan tâm đối với người lao động của mình.

GIẢI THƯỞNG QUỐC TẾ

11

DẪN ĐẦU CÁC NGÂN HÀNG TẠI VIỆT NAM TRONG DANH SÁCH 500 NGÂN HÀNG MẠNH NHẤT CHÂU Á THE ASIAN BANKER

Vietcombank được The Asian Banker xếp hạng 1 quốc gia, đứng thứ 62 trong bảng xếp hạng 500 ngân hàng mạnh nhất với khoảng cách khá xa so với ngân hàng xếp hạng thứ 2 tới gần 80 bậc.

Danh sách đánh giá toàn diện ngành ngân hàng của The Asian Banker - Tạp chí tài chính ngân hàng hàng đầu của khu vực Châu Á - bao gồm tất cả các hình thức sở hữu: Ngân hàng nước ngoài, Ngân hàng có vốn nhà nước, Ngân hàng cổ phần..., với 12 tiêu chí xem xét khắt khe về: Chất lượng tài sản, sự tăng trưởng tiền gửi, dư nợ cho vay, khả năng mở rộng về quy mô hoạt động, các yếu tố rủi ro, lợi nhuận... The Asian Banker đặc biệt tập trung vào việc đánh giá và xếp hạng các ngân hàng theo sức mạnh (strength) dựa trên sự quản lý hiệu quả nhất về tài sản và nợ, thể hiện tiềm năng tăng trưởng và khả năng sinh lời của ngân hàng đối với các hoạt động cốt lõi.

12

03 GIẢI THƯỞNG: NGÂN HÀNG GIAO DỊCH TỐT NHẤT VIỆT NAM; NGÂN HÀNG CUNG CẤP DỊCH VỤ TÀI TRỢ THƯƠNG MẠI TỐT NHẤT VIỆT NAM; NGÂN HÀNG CUNG CẤP SẢN PHẨM THẺ TÍN DỤNG TỐT NHẤT VIỆT NAM TẠP CHÍ THE ASIAN BANKER (TAB)

03 giải thưởng trên được TAB trao cho Vietcombank tại Hội nghị Thượng đỉnh Lãnh đạo các Ngân hàng Châu Á lần thứ 17 (The Asian Banker Summit 2016) do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và TAB đồng tổ chức tháng 5/2016. Hàng năm, TAB tổ chức bình chọn các danh hiệu ngân hàng liên quan tới một số mảng hoạt động quan trọng như tài trợ thương mại, quản lý tiền tệ, thanh toán... Các ngân hàng được TAB trao giải đều là các ngân hàng danh giá tại các quốc gia, có chất lượng dịch vụ tốt và uy tín cao.



Danh hiệu và giải thưởng

GIẢI THƯỞNG QUỐC TẾ

13

TOP 1.000 THƯƠNG HIỆU HÀNG ĐẦU CHÂU Á TẠP CHÍ CAMPAIGN ASIA VÀ CÔNG TY NGHIÊN CỨU THỊ TRƯỜNG NIELSEN

Khảo sát Top 1.000 thương hiệu hàng đầu châu Á là khảo sát lớn nhất và có ảnh hưởng nhất trong năm, chỉ ra những thương hiệu được người tiêu dùng đánh giá cao nhất trong khu vực. Năm 2016, thứ hạng của Vietcombank tăng 20 bậc so với năm 2015.

14

TOP 2.000 CÔNG TY ĐẠI CHỨNG LỚN VÀ QUYỀN LỰC NHẤT THẾ GIỚI TẠP CHÍ FORBES

Danh sách Global 2.000 gồm các công ty đại chứng lớn và quyền lực nhất thế giới. Các tiêu chí để đánh giá là doanh thu, lợi nhuận, tài sản và giá trị thị trường.

15

TOP 100 CÔNG TY CÓ MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC TỐT NHẤT VIỆT NAM ANPHABE VÀ NIELSEN

Khảo sát được triển khai từ tháng 9 - 12/2015 với 22.688 đáp viên hoàn thành thuộc 24 ngành nghề trên toàn quốc. Thứ hạng Vietcombank tăng mạnh 6 bậc so với năm 2014 và trở thành ngân hàng dẫn đầu danh sách trong khối ngân hàng (bao gồm cả ngân hàng nội lẫn ngân hàng ngoại).

16

TOP 300 CÔNG TY NĂNG ĐỘNG NHẤT CHÂU Á TẠP CHÍ NIKKEI

Danh sách quy tụ 300 công ty có quy mô lớn nhất và tăng trưởng nhanh nhất từ 11 quốc gia. Tạp chí Nikkei lựa chọn những doanh nghiệp dựa trên quy mô vốn hóa, tiềm năng tăng trưởng và kể cả mức độ phát triển về mặt địa lý. Vietcombank là ngân hàng Việt Nam duy nhất được Tạp chí Nikkei Nhật Bản bình chọn vào danh sách này.

17

NGÂN HÀNG TỐT NHẤT VIỆT NAM TẠP CHÍ EUROMONEY

Giải thưởng được trao cho một ngân hàng dẫn đầu tại Việt Nam hàng năm, dựa trên các yếu tố: Khả năng phát triển bền vững, kết quả hoạt động kinh doanh, quản lý rủi ro, công nghệ thông tin, chất lượng điều hành và những đóng góp cho thị trường tài chính ngân hàng nội địa. Vietcombank có 2 năm liên tiếp (2015-2016) đạt giải thưởng này.



GIẢI THƯỞNG QUỐC TẾ

18

NGÂN HÀNG CÓ BẢNG CÂN ĐỐI TÀI CHÍNH MẠNH NHẤT VIỆT NAM TẠP CHÍ THE ASIAN BANKER

Đây là giải thưởng thường niên nhằm đánh giá về hoạt động kinh doanh và tài chính của các ngân hàng thương mại trong khu vực châu Á. Giải thưởng được trao tặng cho 1 ngân hàng tốt nhất của mỗi quốc gia dựa trên các tiêu chí đánh giá ở 6 khía cạnh: Quy mô phát triển, tăng trưởng của bảng cân đối kế toán, quản trị rủi ro, lợi nhuận, chất lượng tài sản và tính thanh khoản.

19

TOP 50 THƯƠNG HIỆU GIÁ TRỊ NHẤT VIỆT NAM 2016 CÔNG TY ĐỊNH GIÁ THƯƠNG HIỆU HÀNG ĐẦU THẾ GIỚI BRAND FINANCE

Tổng giá trị thương hiệu của Top 50 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam được ghi nhận đạt 7,26 tỉ USD. Đây là bảng xếp hạng duy nhất có phương pháp định giá thương hiệu đáp ứng các tiêu chuẩn của ISO, giá trị thương hiệu do Brand Finance công bố được phép sử dụng với cơ quan thuế, kiểm toán và sử dụng trong các cuộc mua bán, sáp nhập doanh nghiệp (M&A). Chứng nhận của Brand Finance dành cho các thương hiệu trong Top 50 mang rất nhiều giá trị thiết thực.

20

TOP 50 CÔNG TY NIÊM YẾT TỐT NHẤT VIỆT NAM (4 NĂM LIÊN TIẾP) TẠP CHÍ FORBES

Trong lĩnh vực ngân hàng, Vietcombank đã xuất sắc vượt qua các ngân hàng thương mại lớn mà nhà nước giữ cổ phần chi phối để trở thành đại diện duy nhất trong số các ngân hàng tại Việt Nam có mặt trong danh sách bình chọn của Forbes liên tiếp trong 4 năm qua.



NÂNG GIÁ TRỊ VƯƠN TẦM CAO CUỘC SỐNG



2 BÁO CÁO CỦA LÃNH ĐẠO

- Tình hình tài chính • Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu • Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- Báo cáo đánh giá của Ban Điều hành • Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Vietcombank

Niềm vui của các em học sinh Trường tiểu học Đức Lợi (xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi) trong ngày đoàn công tác của Vietcombank đến thăm và trao tặng cặp phao cứu sinh, giúp các em học sinh vùng lũ, vùng sông nước an tâm đến trường.

Tình hình tài chính

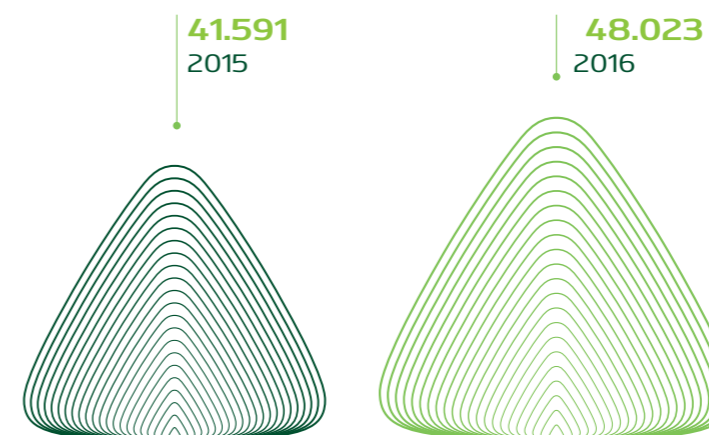
ĐVT: Tỷ VNĐ

Tình hình tài chính		2015	2016
A	Tình hình tài chính		
1	Tổng giá trị tài sản	674.395	787.907
2	Doanh thu	41.591	48.023
3	Thuế và các khoản phải nộp (Số đã nộp trong kỳ)	2.322	2.597
4	Lợi nhuận trước thuế	6.827	8.523
5	Lợi nhuận sau thuế	5.332	6.851
B	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu		
1 Quy mô vốn			
1.1	Vốn điều lệ	26.650	35.978
1.2	Tổng tài sản có	674.395	787.907
1.3	Tỷ lệ an toàn vốn	11,04%	11,13%
2 Kết quả hoạt động kinh doanh			
2.1	Doanh số huy động tiền gửi	7.791.347	9.561.306
2.2	Doanh số cho vay	1.085.971	1.216.539
2.3	Doanh số thu nợ	1.022.221	1.143.574
2.4	Nợ xấu	7.137	6.936
2.5	Tỷ lệ tín dụng/tổng vốn huy động (quy VNĐ)	76,76%	76,71%
2.6	Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	2,46%	1,13%
2.7	Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	1,64%	1,03%
2.8	Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ	1,79%	1,46%
3 Khả năng thanh toán			
3.1	Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	27,1%	30,5%
3.2	Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày		
	- VNĐ	169,9%	299,4%
	- USD và Ngoại tệ khác quy USD	85,3%	79,1%

Ghi chú:

- Số liệu theo BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2016.
- Các tỷ lệ khả năng thanh toán ngay và khả năng thanh toán trong 7 ngày theo quy định tại Thông tư 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 về các tỷ lệ khả năng chi trả (Phòng QLRRTT cung cấp).

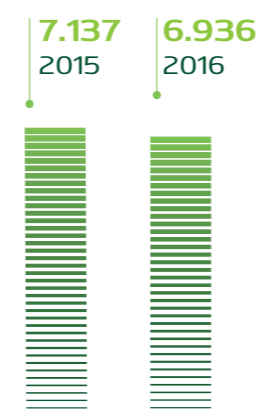
Doanh thu (Tỷ VNĐ)



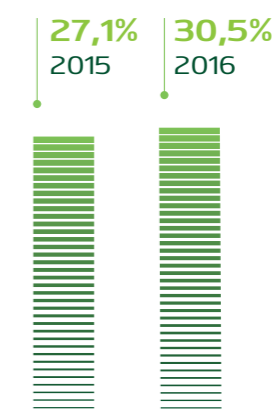
Lợi nhuận sau thuế (Tỷ VNĐ)



Nợ xấu (Tỷ VNĐ)



Tỷ lệ dự trữ thanh khoản (%)



Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần	Loại cổ phần	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng
3.597.768.575	Cổ phần phổ thông	283.667.444	3.314.101.131

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ SỐ CỔ PHẦN BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG

Stt	Tên cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng
1	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đại diện sở hữu vốn Nhà nước)	2.774.353.387	2.774.353.387*	Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Các TCTD số 47/2010/QH12: "Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ."
2	Cổ đông nội bộ	79.242	79.242	
	<i>Hội đồng Quản trị</i>	<i>65.606</i>	<i>65.606</i>	
	<i>Ban Kiểm soát</i>	<i>13.636</i>	<i>13.636</i>	
3	Cổ đông chiến lược nước ngoài Mizuho Bank Ltd.	539.668.502	539.668.502	5 năm kể từ ngày 28/12/2011
	Tổng	3.314.101.131	3.314.101.131	

* Theo QĐ số 2526/QĐ-NHNN v/v cử người đại diện phần vốn Nhà nước tại Vietcombank ngày 05/12/2014 của NHNN, ông Nguyễn Xuân Thành - Chủ tịch HĐQT Vietcombank đại diện 40% vốn Nhà nước, ông Phạm Quang Dũng - Ủy viên HĐQT, TGD Vietcombank đại diện 30% vốn Nhà nước tại Vietcombank.

SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG

24.428

CỔ ĐÔNG

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Stt	Tên cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông
I	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đại diện sở hữu vốn Nhà nước)	2.774.353.387	77,11%	1
II	Cổ đông chiến lược nước ngoài Mizuho Bank Ltd.	539.668.502	15,00%	1
III	Cổ đông khác	283.746.686	7,89%	24.426
1	Cổ đông là cá nhân trong nước	56.306.197	1,57%	23.512
2	Cổ đông là tổ chức trong nước	17.069.881	0,47%	158
3	Cổ đông là cá nhân nước ngoài	7.672.767	0,21%	602
4	Cổ đông là tổ chức nước ngoài	202.697.841	5,63%	154
	Tổng	3.597.768.575	100,00%	24.428

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	47-49 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	2.774.353.387	77,11%
2	Mizuho Bank Ltd.	1-5-5 Otemachi, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan	539.668.502	15%

(Nguồn: Danh sách cổ đông Vietcombank chốt tại ngày 30/12/2016 do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam - VSD cung cấp)





Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN TRONG NĂM 2016

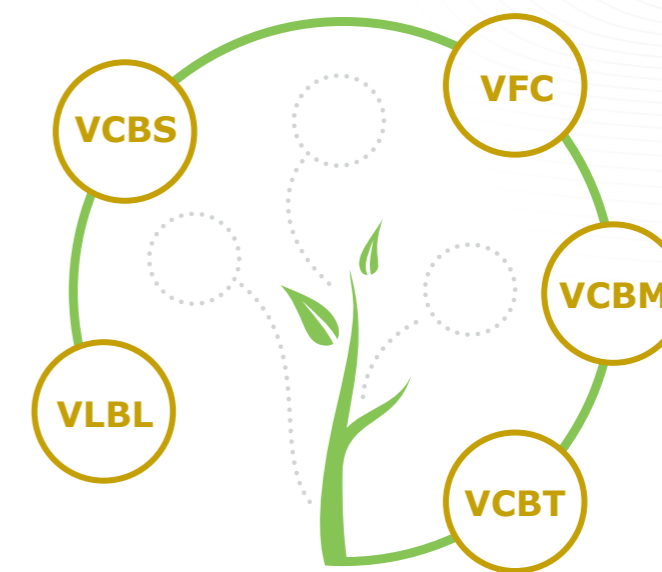
Trong năm 2016, Vietcombank đã không thực hiện đầu tư thêm/thoái vốn đầu tư.

CÔNG TY CON, LIÊN DOANH-LIÊN KẾT

Thông tin chung công ty con

ĐVT: Tỷ đồng

Tên	Tên viết tắt	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực	Vốn đầu tư 31/12/2016	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank	VCBS	Giấy phép hoạt động số 09/GPHDKD ngày 24/04/2002 sửa đổi lần cuối theo giấy phép số 25/GPDC-UBCK ngày 11/06/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.	Chứng khoán	700,00	100%
Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Vietcombank	VCBL	Giấy phép hoạt động số 05/GP-CTCTTC ngày 25/5/1998 của Ngân hàng Nhà nước.	Cho thuê tài chính	500,00	100%
Công ty tài chính Việt Nam tại Hồng Kông	VFC	Đăng ký kinh doanh số 0226 do Ủy ban Ngân hàng Hồng Kông cấp ngày 07/03/1978 và Bản sửa đổi lần 1 cấp ngày 03/11/1992 và Bản sửa đổi lần 2 cấp ngày 19/09/1995.	Dịch vụ Tài chính	116,90	100%
Công ty Chuyển tiền Vietcombank	VCBM	Giấy Đăng ký kinh doanh số E0321392009_6 do chính quyền bang Nevada cấp ngày 15/06/2009.	Chuyển tiền kiều hối	204,98	87,5%
Công ty TNHH Cao Ốc Vietcombank 198	VCBT	Giấy phép đầu tư số 1578/GP ngày 30/05/1996 và số 1578/GPDC1 ngày 18/04/2006 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	Cho thuê văn phòng	197,65	70%



Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của công ty con

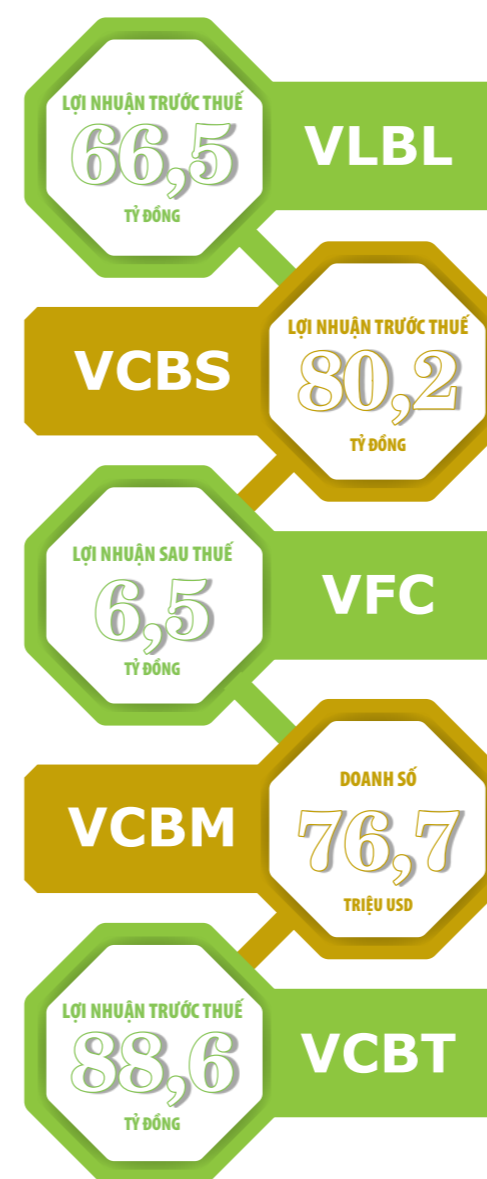
VCBL là Công ty do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực cho thuê tài chính. Năm 2016, hoạt động kinh doanh của VCBL tiếp tục ổn định và tăng trưởng. Lợi nhuận trước thuế năm 2016 đạt 66,5 tỷ đồng, vượt 14,6% kế hoạch lợi nhuận được giao. Đây là mức lợi nhuận cao nhất trong 05 năm gần đây và là kết quả tốt nhất trong quá trình hoạt động của Công ty. Dự nợ cho thuê tài chính của VCBL đến 31/12/2016 đạt 2.965,9 tỷ đồng, tăng 18,6% so với năm 2015.

VCBS là công ty do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán. Do thị trường chứng khoán có những diễn biến phức tạp trong năm 2016, kết quả kinh doanh của Công ty đạt mức trung bình. Lợi nhuận trước thuế của Công ty trong năm 2016 đạt 80,18 tỷ đồng, hoàn thành 65% kế hoạch.

VFC là công ty con do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực tài chính tại thị trường Hồng Kông. Một số mảng hoạt động chính của Công ty là: Nhận tiền gửi, tín dụng, dịch vụ thanh toán, chuyển tiền. Năm 2016, lợi nhuận sau thuế của VFC đạt 6,54 tỷ đồng, đạt kế hoạch đề ra.

VCBM là công ty cổ phần do Vietcombank nắm giữ 87,5% vốn điều lệ, hoạt động trong lĩnh vực chuyển tiền từ Mỹ về Việt Nam. Công ty đang trong giai đoạn phát triển kinh doanh nên chưa có lãi. Trong năm 2016, VCBM tiếp tục mở rộng mạng lưới thông qua xin giấy phép hoạt động tại các bang. Tính đến cuối năm 2016, Công ty đã triển khai được 01 phòng giao dịch và 76 đại lý và có giấy phép hoạt động tại 17 bang của Mỹ. Doanh số của VCBM năm 2016 đạt 76,7 triệu USD, tăng 43% so với năm 2015 và dự kiến tiếp tục tăng trong năm 2017.

VCBT là công ty liên doanh giữa Vietcombank và công ty FELS Property Holdings Pte, Ltd. của Singapore với tỷ lệ vốn góp là 70:30, hoạt động trong lĩnh vực cho thuê văn phòng tại tòa nhà Vietcombank Tower 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Do đặc thù thuận lợi về vị trí và khách hàng nên năm 2016 Công ty tiếp tục duy trì hoạt động ổn định, lợi nhuận trước thuế đạt 88,6 tỷ đồng, vượt 17,8% kế hoạch.





Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

CÔNG TY CON, LIÊN DOANH - LIÊN KẾT

Thông tin chung công ty liên doanh - liên kết

Tên	Tên viết tắt	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực	Vốn đầu tư 31/12/2016	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Vietcombank - Bonday - Bến Thành	VBB	Số 2458/GP do Bộ KH&ĐT cấp ngày 07/02/2005 và hai giấy phép điều chỉnh số 2458/GCND1/41/1 ngày 26/10/2011 và số 2458/GCND2/41/1 ngày 28/12/2012.	Cho thuê văn phòng	410,36	52%
Công ty liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank	VCBF	Số 06/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 02/12/2005; sửa đổi lần cuối theo giấy phép điều chỉnh số 17/GPĐC-UBCK ngày 06/08/2015.	Quản lý quỹ đầu tư	135,15	51%
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank Cardif	VCLI	Số 55/GP do BTC cấp ngày 23/10/2008.	Bảo hiểm nhân thọ	270,00	45%
Công ty TNHH Vietcombank Bonday	VCBB	Số 283/GP do Bộ KH&ĐT cấp ngày 05/12/1991; sửa đổi lần cuối theo giấy phép điều chỉnh số 283/GPĐC3 ngày 02/10/2000.	Cho thuê văn phòng	11,11	16%



Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của liên doanh-liên kết

VBB là công ty liên doanh giữa Vietcombank với Công ty CP DVTM TP.HCM (Setra Corp.) và đối tác Bonday Investments Ltd. (Hongkong) với tỷ lệ góp vốn lần lượt là 52%; 18% và 30%, hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và cho thuê tòa nhà văn phòng cao cấp (hạng A), đồng thời đáp ứng nhu cầu về trụ sở làm việc của chi nhánh và các đơn vị trực thuộc Vietcombank trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh. Tính đến hết năm 2016, 100% diện tích có thể cho thuê của tòa nhà đã được lấp đầy, và Công ty ghi nhận năm đầu tiên có lãi với lợi nhuận trước thuế đạt 105,10 tỷ đồng, vượt 210% kế hoạch.

VCBF là công ty liên doanh giữa Vietcombank và Franklin Templeton với tỷ lệ vốn góp tương ứng là 51% và 49%, hoạt động trong các lĩnh vực: Thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Lợi nhuận sau thuế năm 2016 là 1,58 tỷ đồng, vượt kế hoạch đề ra do các nguồn thu chính của Công ty được cải thiện trong khi chi phí được tiết kiệm. Hầu hết các danh mục đầu tư ủy thác được VCBF quản lý đều đạt kết quả tốt và vượt mục tiêu đề ra. Bên cạnh đó, hai quỹ mở của VCBF cũng đạt được các kết quả ấn tượng, cụ thể: Giá trị tài sản ròng (NAV)/01 Chứng chỉ Quỹ đầu tư cân bằng chiến lược VCBF tăng 14,6% và Giá trị tài sản ròng/01 Chứng chỉ Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF tăng 18,4% trong năm 2016.

VCLI là công ty liên doanh hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ của Vietcombank, BNP Paribas Cardif và SeAbank với tỷ lệ góp vốn lần lượt là 45%; 43% và 12%, chuyên về phân phối các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ qua ngân hàng (bancassurance). Hiện tại, Công ty cung cấp các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ như: Bảo hiểm tín dụng cá nhân; Bảo hiểm tín dụng nhóm; Bảo hiểm tín dụng cho hai người đồng vay, Bảo hiểm tử kỳ, Bảo hiểm hỗn hợp...

Năm 2016, Công ty tập trung công tác thúc đẩy bán hàng, đặc biệt là triển khai thí điểm mô hình tư vấn viên tài chính bán bảo hiểm (FC) tại hệ thống VCB. Nhờ vậy, Công ty đã đạt được mức tăng trưởng ấn tượng với tổng doanh thu phí năm 2016 là 156,476 tỷ đồng, tăng 87,4% so với năm 2015. Do đầu tư mạnh vào mô hình tư vấn tài chính nên chi phí hoạt động cũng tăng tương ứng dẫn tới Công ty bị lỗ sau thuế cả năm 2016 là -17,86 tỷ đồng.

VCBB là Công ty Liên doanh giữa Vietcombank, Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn, và đối tác Bonday Investments Ltd., Hồng Kông. Công ty điều hành Tòa nhà Harbour View Tower tại địa chỉ 35 Nguyễn Huệ, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động trên lĩnh vực cho thuê văn phòng.

Năm 2016, Công ty vẫn duy trì hoạt động ổn định, lợi nhuận sau thuế đạt 24,58 tỷ đồng, vượt 11,5% kế hoạch năm 2016.

Đánh giá của
Ban Điều hành

↑ **16,83%**
TỔNG TÀI SẢN ĐẠT
787.907
TỶ ĐỒNG

↑ **6,48%**
VỐN CHỦ SỞ HỮU ĐẠT
48.102
TỶ ĐỒNG

↑ **19,28%**
HUY ĐỘNG VỐN ĐẠT
600.737
TỶ ĐỒNG

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

HOÀN THÀNH CƠ BẢN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH ĐÃ ĐƯỢC ĐỀ RA TRONG NĂM 2016

Xuất phát từ những định hướng đúng đắn trong phương châm hành động và quan điểm chỉ đạo điều hành, trong năm 2016 Vietcombank đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch do ĐHĐCĐ giao đối với các chỉ tiêu kinh doanh trọng yếu:

Tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu tăng khá

- Tổng tài sản đạt 787.907 tỷ đồng, tăng 16,83% so với năm 2015.
- Vốn chủ sở hữu đạt 48.102 tỷ đồng, tăng 6,48% so với năm 2015, trong đó lợi nhuận chưa phân phối đạt 5.831 tỷ đồng.

Huy động vốn tăng trưởng khả quan, cơ cấu thay đổi tích cực: Gia tăng tỷ trọng nguồn vốn giá rẻ, đảm bảo tỷ trọng nguồn vốn ngoại tệ phù hợp, tiết giảm chi phí vốn cho ngân hàng và khách hàng

- Huy động vốn từ nền kinh tế đạt 600.737 tỷ đồng, tăng 19,28% so với năm 2015, vượt kế hoạch đã đặt ra trong năm 2016. Trong đó, huy động vốn tăng đều ở cả TCKT (17,25%) và dân cư (18,28%).
- Cơ cấu nguồn vốn huy động dịch chuyển phù hợp với định hướng phát triển của Vietcombank (tỷ trọng huy động vốn từ TCKT/dân cư tương ứng là 44,62%/55,38%).
- Huy động vốn không kỳ hạn tăng 13,64% so với cuối 2015 (chiếm tỷ trọng 28,09% tổng tiền gửi khách hàng) thể hiện kết quả của các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng nguồn vốn giá rẻ của toàn hệ thống.

Đánh giá của Ban Điều hành



Tín dụng tăng trưởng đúng định hướng và tăng ngay từ những tháng đầu năm, tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên của Chính phủ, mở rộng tín dụng bán lẻ; Cơ cấu tín dụng chuyển dịch đúng định hướng; Dự nợ tín dụng tập trung cho các lĩnh vực ưu tiên và các dự án tốt của các doanh nghiệp lớn

- ▶ Dự nợ cho vay khách hàng tăng trưởng khả quan, đạt 460.808 tỷ đồng, tăng 18,85% so với cuối năm 2015, cao hơn tăng trưởng tín dụng của toàn hệ thống (18,25%), đạt 101,7% kế hoạch năm.

- ▶ Theo định hướng của Vietcombank, tín dụng từ TCKT đã tăng trưởng chậm lại (11,32%) trong khi tín dụng thẻ nhân tăng mạnh ở mức 48,58%. Cơ cấu tín dụng theo kỳ hạn được kiểm soát, tỉ trọng dự nợ trung dài hạn được giữ ở mức 43,56% tổng dự nợ.

Chú trọng nâng cao chất lượng tín dụng; Chuẩn hóa và tăng cường minh bạch thông tin ngân hàng trong lộ trình cải thiện các hệ số an toàn, nâng mức xếp hạng tín nhiệm quốc tế

- ▶ Chất lượng tín dụng được cải thiện đáng kể. Dự

nợ nhóm 2 tại thời điểm năm 2016 là 7.923 tỷ đồng, giảm 1.454 tỷ đồng so với cuối 2015 (giảm ~15,5%). Tỷ lệ nợ nhóm 2: 1,67%, giảm 0,69 điểm % so với 2015. Dự nợ xấu nội bảng tại thời điểm 31/12/2016 là 6.936 tỷ đồng, giảm 201 tỷ đồng so với 2015 (giảm ~2,8%). Tỷ lệ nợ xấu: 1,46%, giảm 0,33 điểm % so với cuối 2015, thấp hơn mức khống chế kế hoạch (dưới 2,5%).

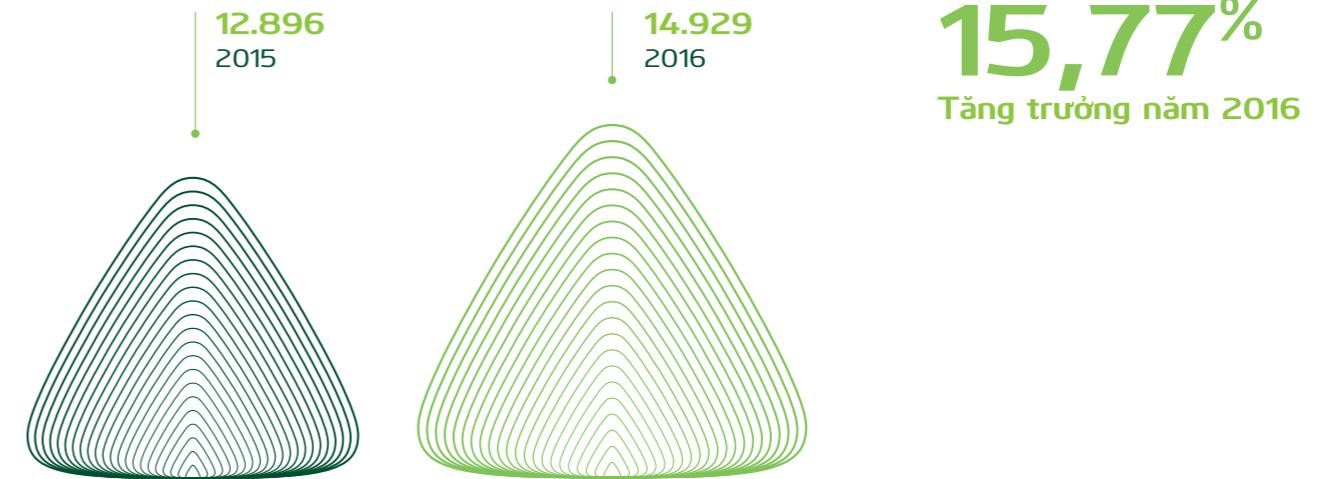
- ▶ Hệ số an toàn vốn (CAR) ở mức 11,13%, đáp ứng qui định của NHNN tối thiểu ở mức 9%. Tỷ lệ quỹ DPRR/ nợ xấu duy trì ở mức cao (~117,12%).

Tích cực thu hồi và xử lý nợ xấu, Vietcombank là ngân hàng tiên phong thu hồi các khoản nợ từ VAMC, chính thức đưa nợ xấu về một số

- ▶ Thu hồi nợ ngoại bảng đạt 2.303 tỷ đồng, đạt kế hoạch đề ra; trong đó thu nợ đã xử lý bằng DPRR đạt 2.121 tỷ đồng, thu nợ VAMC đã ghi vào thu nhập là 57,11 tỷ đồng.

Các hoạt động dịch vụ tăng trưởng tốt nhờ tiếp tục thực hiện chiến lược gia tăng nguồn thu từ dịch vụ, phát huy lợi thế truyền thống trong các

Lợi nhuận trước thuế trước dự phòng (Tỷ VNĐ)



mảng kinh doanh về xuất nhập khẩu, dịch vụ thẻ; đồng thời phát triển các lĩnh vực tiềm năng về dịch vụ ngân hàng trực tuyến và dịch vụ di động

- ▶ Doanh số thanh toán quốc tế - tài trợ thương mại (TTQT-TTTM): Đạt 54,02 tỷ USD, tăng 12,7% so cùng kỳ, hoàn thành 102,4% kế hoạch; thị phần cải thiện ở mức 15,47%.

- ▶ Tiếp tục giữ vững vị thế dẫn đầu thị trường về thị phần kinh doanh và dịch vụ ngoại tệ: Doanh số mua bán ngoại tệ (không bao gồm giao dịch liên ngân hàng) đạt 34,63 tỷ USD, tăng 14,6% so cùng kỳ, đạt 102,2% kế hoạch 2016.

- ▶ Dịch vụ chuyển tiền kiều hối đạt 1,64 tỷ USD, tăng 8,5% so cùng kỳ, đạt 96,9% kế hoạch 2016.

- ▶ Hoạt động thẻ tiếp tục giữ vững vị trí dẫn đầu thị trường. Các hoạt động thanh toán, phát hành và sử dụng thẻ của Vietcombank đều tăng trưởng mạnh so với năm 2015. Nhiều chỉ tiêu có mức tăng trưởng mạnh và hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2016. Cụ thể: (i) Doanh số thanh toán thẻ: Thẻ quốc tế tăng 28,7% so cùng kỳ, đạt 107,3% kế hoạch 2016; Thẻ nội địa tăng 58,0% so với cùng kỳ, đạt 107,5% kế hoạch 2016; (ii) Phát hành và sử dụng thẻ: Số lượng phát hành thẻ ghi nợ nội địa, ghi nợ quốc tế, tín dụng quốc tế vượt kế hoạch 2016, tương ứng 160,9%, 184,8% và 95,5%. (iii) Doanh số sử dụng thẻ: Thẻ tín dụng quốc tế và ghi nợ quốc tế tăng tương ứng 23,9%, 36,0% so cùng kỳ, xấp xỉ đạt và vượt kế hoạch 2016. Mạng lưới đơn vị chấp nhận thẻ: Tăng thêm 12.194 đơn vị, tăng 9,9% so với cùng kỳ, đạt 135,5% kế hoạch 2016.

- ▶ Dịch vụ Internet Banking, SMS Banking và Mobile Banking có mức tăng trưởng khá, thực hiện kế hoạch tương ứng ở mức 99,7%, 118,9% và 112,4%.

- ▶ Hoạt động vốn tín dụng quốc tế tiếp tục được chú trọng phát triển. Năm 2016, tổng giá trị các dự án ODA mới Vietcombank được giao làm ngân hàng phục vụ đạt hơn 2,08 tỷ USD, tăng 17,5% so với 2015.

Tỷ suất sinh lời tiếp tục được cải thiện; Lợi nhuận trước thuế tăng trưởng tốt và đạt mức lợi nhuận cao nhất từ trước tới nay

- ▶ Hiệu suất sinh lời trên tổng tài sản bình quân ROAA và hiệu suất sinh lời của vốn chủ sở hữu bình quân ROAE: Đạt tương ứng là 0,94% và 14,69%, cao hơn mặt bằng chung của thị trường và tăng so với cuối năm 2015.

- ▶ Tỷ lệ chi phí quản lý/tổng thu nhập: ~39,99%.

- ▶ Tỷ trọng thu ngoài lãi/tổng thu nhập: ~25,5%;

- ▶ Tỷ lệ thu nhập lãi thuần (NIM) cải thiện so với năm 2015 và duy trì ở mức 2,63%.

- ▶ Lợi nhuận trước thuế trước dự phòng: 14.929 tỷ đồng, tăng 15,77% so với cùng kỳ. Dự phòng rủi ro đã trích 6.406 tỷ đồng. Dự quỹ dự phòng rủi ro 8.124 tỷ đồng, bằng 117,12% tổng dự nợ xấu.

- ▶ Lợi nhuận trước thuế sau dự phòng năm 2016 đạt 8.523 tỷ đồng, tăng 24,84% so với năm 2015, vượt kế hoạch đã đề ra trong năm 2016. Thu nhập thuần từ lãi tăng 19,9% so với năm 2015; lãi thuần từ hoạt động dịch vụ tăng 12,5% so với năm 2015.

Vietcombank tiếp tục là TCTD có mức vốn hóa lớn nhất thị trường

- ▶ Với định hướng hiệu quả, an toàn, bền vững, cổ phiếu Vietcombank tiếp tục có mức giá cao nhất ngành, liên tục nằm trong top 3 doanh nghiệp có mức vốn hóa lớn nhất thị trường.

Đánh giá của Ban Điều hành

KẾT QUẢ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH NĂM 2016

Với mục tiêu trở thành Ngân hàng số 1 tại Việt Nam, 1 trong 300 tập đoàn ngân hàng tài chính lớn nhất thế giới và được quản trị theo các thông lệ quốc tế tốt nhất vào năm 2020; trong năm 2016, Vietcombank đã và đang tiếp tục tạo ra những bước đi đột phá.



Đánh giá của Ban Điều hành

Tích cực triển khai nhiều giải pháp hỗ trợ phát triển kinh tế, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp theo chỉ đạo của Chính phủ và NHNN

- ▶ Tích cực triển khai và đẩy mạnh các chương trình cho vay theo chỉ đạo của Chính phủ và NHNN như cho vay đối với 05 lĩnh vực ưu tiên; cho vay hỗ trợ nhà ở theo Thông tư số 11/2013/TT-NHNN ngày 15/05/2013, Thông tư số 32/2014/TT-NHNN ngày 18/11/2014; chương trình hỗ trợ giảm tổn thất trong nông nghiệp theo Quyết định 68/2014/QĐ-CP;... Đồng thời, nghiêm túc thực hiện các chính sách hỗ trợ tín dụng cho khách hàng bị ảnh hưởng/thiệt hại do các hiện tượng như thời tiết như bão lụt tại các tỉnh Miền Trung, rét đậm rét hại tại các tỉnh miền núi Phía Bắc;...
- ▶ Chủ động và đi đầu thị trường trong việc thực hiện các biện pháp chia sẻ, hỗ trợ khách hàng vay vốn thông qua việc giảm lãi suất cho vay và triển khai các chương trình lãi suất cạnh tranh.

Hoàn thiện công tác lập, giao kế hoạch, điều hành kinh doanh bám sát kế hoạch; đánh giá kế hoạch

thường xuyên, chính xác; kịp thời ghi nhận và xử lý các vướng mắc phát sinh của các chi nhánh

- ▶ Trong năm 2016, Ban lãnh đạo Vietcombank tiếp tục thường xuyên tổ chức các đoàn công tác tại 7 vùng kinh tế trọng điểm để rà soát, đôn đốc, đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các chi nhánh. Vietcombank áp dụng có hiệu quả kết quả Dự án KPI vào việc xây dựng, giao và đánh giá kế hoạch cho các Chi nhánh, các Trung tâm/Phòng/Ban tại Trụ sở chính.
- ▶ Triển khai quản lý bán hàng theo khu vực thí điểm tại Hà Nội nhằm phát triển kinh doanh bán lẻ, giữ chân khách hàng, hạn chế cạnh tranh nội bộ. Áp dụng các chính sách, sản phẩm phù hợp với từng vùng miền, đáp ứng tốt hơn yêu cầu về nhân lực, mạng lưới cho các chi nhánh.

Đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng đi đôi với kiểm soát chất lượng tín dụng; Cơ cấu tín dụng có sự dịch chuyển mạnh mẽ theo đúng định hướng chiến lược đã đề ra

- ▶ Tín dụng tăng trưởng vào các dự án hiệu quả và các ngành có chất lượng tín dụng đảm bảo, đồng thời kiểm soát và giảm dư nợ của các ngành có chất lượng tín dụng và tình hình thị trường chưa đảm bảo. Tăng trưởng tín dụng theo hướng đa dạng hóa danh mục đầu tư tín dụng, ưu tiên tăng trưởng tín dụng bán lẻ và giảm dần mức độ tập trung dư nợ vào các khách hàng doanh nghiệp lớn.
- ▶ Song song với việc tăng trưởng tín dụng, Vietcombank cũng luôn chủ động kiểm soát tốt chất lượng tín dụng, đảm bảo tăng trưởng hiệu quả, an toàn, bền vững.

Quyết liệt trong công tác quản lý chất lượng tài sản và xử lý nợ xấu; Kết nối chặt chẽ giữa các bộ phận có liên quan trong công tác xử lý thu hồi nợ có vấn đề, tạo chuyển biến quan trọng trong thu hồi nợ

- ▶ Vào cuộc quyết liệt, phối hợp và làm việc có hiệu quả với các cơ quan, ban, ngành để hỗ trợ công tác xử lý nợ đặc biệt là Tòa án nhân dân các cấp, Tổng cục thi hành án, các cục thi hành án địa phương, cơ quan

pháp luật tại các địa bàn có nợ có vấn đề lớn, có các hồ sơ vướng mắc trong quá trình khởi kiện, thi hành án, xử lý nợ.

- ▶ Tập trung mọi nguồn lực để thu hồi nợ xấu, nợ đã xử lý dự phòng rủi ro: Tiếp tục chỉ đạo trực tiếp công tác xử lý nợ có vấn đề đối với các Chi nhánh có nợ có vấn đề lớn; tiếp tục hỗ trợ Chi nhánh theo phương châm đổi mới, kỷ cương, trách nhiệm để xử lý, thu hồi nợ thông qua việc áp dụng linh hoạt đồng thời các biện pháp thu hồi nợ khác nhau, tại các Chi nhánh có nợ xấu cao, nghiêm túc triển khai "Đề án ngân hàng tốt, ngân hàng xấu".

Đẩy mạnh hoạt động tăng vốn điều lệ, nâng cao năng lực tài chính và khả năng cạnh tranh của Vietcombank

Trong năm 2016, Vietcombank đã thực hiện thành công hai đợt tăng vốn, đảm bảo các tỷ lệ an toàn và tạo điều kiện mở rộng hoạt động kinh doanh:

- ▶ Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu



Đánh giá của Ban Điều hành

với tỷ lệ ~35% (tương đương 9.327 tỷ đồng) từ nguồn lợi nhuận giữ lại và thặng dư vốn cổ phần.

- ▶ Phát hành thành công ~8.000 tỷ trái phiếu ra công chúng và cho các định chế tài chính, trong đó 6.000 tỷ trái phiếu tăng vốn cấp 2.

Công tác đào tạo cán bộ chuyển biến tích cực, số lượng và chất lượng các khóa đào tạo được nâng cao

- ▶ Công tác đào tạo năm 2016 đã có bước tiến vượt bậc, số lượng các khóa đào tạo đạt 122% kế hoạch với tỷ suất bình quân cán bộ được đào tạo trên tổng số cán bộ toàn hệ thống là 1,47 lượt; chủ yếu đào tạo tập trung nguồn nhân lực làm công tác Quản lý, Bán hàng, Quản trị rủi ro và triển khai các dự án trọng điểm.
- ▶ Triển khai kiểm tra tay nghề đối với nghiệp vụ tín dụng và đạt được những kết quả khả quan, là tiền đề thực hiện kiểm tra các nghiệp vụ ngân hàng còn lại trên toàn hệ thống Vietcombank.
- ▶ Các chương trình đào tạo đã gắn với chức danh cán bộ, hỗ trợ hiệu quả cho công tác phát triển nguồn nhân lực hướng tới chuẩn năng lực theo chức danh.

Đẩy mạnh hoàn thiện mô hình tổ chức, phát triển mạng lưới và kiện toàn công tác nhân sự

- ▶ Thường xuyên rà soát mạng lưới để có giải pháp chấn chỉnh và củng cố kịp thời; khai trương 05 CN mới Nam Đà Nẵng, Phú Quốc, Phố Hiến, Nam Hải Phòng, Bình Phước. Thành lập và đưa 25 PGD mới vào hoạt động. Sắp xếp lại mạng lưới PGD tại khu vực Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.
- ▶ Thành lập Văn phòng đại diện Vietcombank tại khu vực phía Nam, Phòng KHDN FDI trực thuộc Chi nhánh Vietcombank TP.Hồ Chí Minh, bộ phận Công nợ phía Nam trực thuộc Phòng Công nợ TSC, Ban KHDN tại khu vực phía Nam. Thành lập phòng Dịch vụ ngân hàng điện tử, Ban Hiện đại hóa công nghệ ngân hàng tại TSC.
- ▶ Triển khai các thủ tục thành lập Trung tâm xử lý tiền mặt, 03 Công ty con (Kiểu hối, tín dụng tiêu dùng, AMC), 01 Ngân hàng con (tại Lào), văn phòng đại diện tại Mỹ.
- ▶ Xây dựng Đề án trình NHNN thành lập 06 Chi nhánh mới tại Tuyên Quang, Vĩnh Phúc, Hòa Bình, Thanh Hóa, Gia Lai và Bình Dương; và 39 PGD.

- ▶ Sửa đổi, hoàn thiện và ban hành mới các quy chế, quy định: Quy chế chi trả tiền lương trong hệ thống Vietcombank, Quy chế Quản lý cán bộ trong hệ thống Vietcombank, Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ Vietcombank;..

Đẩy mạnh triển khai các dự án chuyển đổi nâng cao năng lực quản trị

- ▶ Năm 2016 là năm thứ 2 liên tiếp toàn hệ thống Vietcombank vào cuộc quyết liệt triển khai các Dự án chuyển đổi nhằm nâng cao năng lực quản trị điều hành hướng tới chuẩn mực quốc tế; cụ thể: (i) Chương trình Basel II: Vietcombank triển khai hiệu quả 29 sáng kiến (trên tổng số 37 sáng kiến) với mục tiêu đảm bảo là ngân hàng tiên phong tuân thủ các mốc thời gian theo quy định của NHNN; (ii) Chương trình CTOM: Triển khai 06 sáng kiến cốt lõi (thiết kế quy trình quản lý quan hệ khách hàng, thiết kế lại Báo cáo thẩm định & đề xuất tín dụng, thiết kế cam kết sử dụng dịch vụ (SLA) đối với chức năng quản lý nợ/bộ phận hỗ trợ tín dụng; triển khai 04 giải pháp quick-win); (iii) Dự án ALM/FTP/MPA: Đã lựa chọn được đơn vị tư vấn và đang triển khai phân tích hiện trạng để từ đó đề xuất lựa chọn giải pháp phù hợp; (iv) Triển khai giai đoạn 2 Dự án KPI đồng thời xây dựng và đưa vào vận hành chương trình quản lý KPI;..

Tăng cường xúc tiến các hoạt động hợp tác kinh doanh và hỗ trợ kỹ thuật với Mizuho

- ▶ Năm 2016 đánh dấu cột mốc 5 năm hợp tác với Mizuho. Kết thúc giai đoạn hạn chế chuyển nhượng, Vietcombank và Mizuho khẳng định cam kết tiếp tục duy trì quan hệ hợp tác chiến lược lâu dài giữa hai ngân hàng thông qua việc tiếp tục ký kết các Hợp đồng Hợp tác Chiến lược bao gồm Hợp đồng sửa đổi của Hợp đồng Mua cổ phần năm 2011 và Hợp đồng Hỗ trợ Kỹ thuật mới (thay thế Hợp đồng Hỗ trợ Kỹ thuật đã ký năm 2011).
- ▶ Các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật của Mizuho tiếp tục được thực hiện theo sát các yêu cầu từ Ban Lãnh đạo và các phòng ban tại TSC Vietcombank. Trong năm 2016, đã có hơn 31 phiên làm việc để hỗ trợ kỹ thuật cho Vietcombank về các nội dung mà Vietcombank đang rất quan tâm như: Triển khai Basel II, Quản lý rủi ro tín dụng, Phòng chống rửa tiền, Hoạt động kinh doanh bán lẻ qua E - Banking, Chức năng, nhiệm vụ, hoạt động của Ủy ban giám sát, Ủy ban quản lý rủi ro,....
- ▶ Sau 5 năm thực hiện hỗ trợ kỹ thuật cho Vietcombank trong nhiều mảng nghiệp vụ của ngân hàng, các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật của Mizuho trong năm 2016 đã đi vào chiều sâu, bám sát thực tiễn hoạt động của Vietcombank và theo đúng định hướng các dự án phát triển của Vietcombank.



Đánh giá của Ban Điều hành

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Việt Nam là một trong những quốc gia chịu sự tác động và ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường là trách nhiệm chung của toàn xã hội. Nhận thức rõ điều đó, năm 2015, Vietcombank đã nghiêm túc thực hiện Chỉ thị số 03/CT-NHNN ngày 24/03/2015 của Thống đốc NHNN về thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường và xã hội, Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 20/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 – 2020 cũng như các quy định khác có liên quan của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động cấp tín dụng.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Việt Nam là một trong những quốc gia chịu sự tác động và ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường là trách nhiệm chung của toàn xã hội. Nhận thức rõ điều đó, năm 2015, Vietcombank đã nghiêm túc thực hiện Chỉ thị số 03/CT-NHNN ngày 24/03/2015 của Thống đốc NHNN về thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường và xã hội, Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 20/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 – 2020 cũng như các quy định khác có liên quan của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động cấp tín dụng.

Khi thẩm định cấp tín dụng cho các dự án, Vietcombank thực hiện đánh giá các rủi ro môi trường và xã hội tác động đến hiệu quả sử dụng vốn và khả năng trả nợ của khách hàng. Bên cạnh đó, Vietcombank đưa ra yêu cầu chủ đầu tư các dự án được xem xét cấp tín dụng phải đáp ứng các tiêu chuẩn về bảo vệ

môi trường và xã hội, đồng thời thường xuyên, định kỳ kiểm tra giám sát việc quản lý rủi ro môi trường và xã hội đối với các khoản tín dụng đã cấp cho khách hàng. Đồng thời, Vietcombank cải tiến các chính sách, quy trình và thủ tục cấp tín dụng để tăng cường sự phối hợp trong công tác bảo vệ môi trường xã hội và quản lý tín dụng.

Không dừng lại ở đó, Vietcombank tiếp tục chú trọng truyền thông về trách nhiệm quản lý rủi ro môi trường của tổ chức tín dụng để tạo sự đồng thuận, ủng hộ của khách hàng. Cụ thể, hiện nay một số biểu mẫu yêu cầu cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực bán lẻ của Vietcombank được in trên giấy với cỡ chữ nhỏ để tiết kiệm giấy in và khuyến khích khách hàng đăng ký nhận thông tin qua kênh điện tử.

Chính sách liên quan đến người lao động

Trong những năm qua, Ban lãnh đạo Vietcombank luôn quan tâm, chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực, coi đây là chìa khóa đem lại thành công và hiệu quả của ngân hàng. Với mục tiêu hàng đầu là xây dựng chính sách đãi ngộ tối ưu cho người lao động, Vietcombank đã đạt được những thành tựu nhất định trong việc cải thiện, nâng cao thu nhập của cán bộ, góp phần nâng cao sự gắn bó, niềm tin của cán bộ đối với Vietcombank, tạo cơ hội để người lao động được phát huy năng lực, tạo cơ hội thăng tiến trong công việc cho người lao động, đảm bảo quyền lợi hợp pháp, chính đáng cho người lao động.

Cụ thể như sau:

Người lao động được đảm bảo việc làm ổn định

Năm 2016, lao động của Vietcombank được tiếp tục tăng so với cuối năm 2015. Tổng số lao động đến 31/12/2016 là



15.615 người, tăng ~ 5,83% so với năm 2015.

Toàn thể người lao động tại Vietcombank đều được ký hợp đồng lao động phù hợp, đúng quy định của Pháp luật.

Thời gian làm việc cho người lao động 8h/ngày, 5 ngày trong một tuần. Vietcombank bảo đảm chế độ nghỉ phép năm, nghỉ các ngày lễ, tết, nghỉ việc riêng của người lao động theo đúng quy định của Bộ Luật lao động, nghỉ thai sản, ốm đau theo đúng quy định tại Luật BHXH.

Việc tuyển dụng có quy chế rõ ràng, mỗi đợt thi tuyển đều do Hội đồng thi tuyển thực hiện theo quy chế đảm bảo trung thực, khách quan nên cán bộ được tuyển dụng đều có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí công tác được giao, đáp ứng được yêu cầu công việc. Người lao động mới tuyển được đảm bảo đúng quy định về thời gian thử việc và chế độ trả lương trong thời gian thử việc.

Việc tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động được thực hiện theo đúng quy định trong Bộ Luật lao động. Người lao động có nguyện vọng xin nghỉ hưu trước tuổi cũng được tạo điều kiện thuận lợi.

Xây dựng Cơ chế đãi ngộ tài chính và phi tài chính đảm bảo quyền lợi của người lao động

- Thu nhập bình quân của cán bộ Vietcombank có xu hướng tăng qua các năm.

- Người lao động làm việc tại Vietcombank ký hợp

đồng lao động từ một năm trở lên đều được đóng Bảo hiểm xã hội đầy đủ; đảm bảo chế độ nghỉ ốm đau, nghỉ thai sản theo đúng quy định của nhà nước.

- Bên cạnh cơ chế đãi ngộ về lương, các cán bộ Vietcombank được trợ cấp các khoản trợ cấp có tính chất phúc lợi, đảm bảo quyền lợi chính đáng của người lao động như nhận tiền hỗ trợ điều trị trong trường hợp bị thương tật, bị bệnh hiểm nghèo hoặc phẫu thuật bệnh, được nhận hỗ trợ khi gia đình bị ảnh hưởng bởi thiên tai, địch họa...

- Ngoài những cơ chế đãi ngộ về tài chính, Vietcombank đã mở rộng những chính sách đãi ngộ phi tài chính để tạo động lực cho người lao động trong công việc và tăng cường sự gắn bó, tạo niềm tin của người lao động đối với Vietcombank như mua bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, tổ chức kỳ kiểm tra sức khỏe hàng năm cho cán bộ, bồi dưỡng, đào tạo người lao động.

Như vậy, việc xây dựng chế độ đãi ngộ đảm bảo quyền lợi hợp pháp, chính đáng của người lao động đã góp phần đưa Vietcombank vào danh sách top những nơi làm việc tốt nhất tại Việt Nam.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Vietcombank luôn tích cực trong công tác an sinh - xã hội vì cộng đồng; đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội; Góp phần khẳng định và nâng cao uy tín thương hiệu của Vietcombank, cụ thể: Tài trợ các chương trình an sinh xã hội năm 2016 với giá trị thực hiện ~234,2 tỷ đồng, bao gồm các chương trình hỗ trợ huyện nghèo, xây dựng trung tâm y tế huyện Hoài Nhơn (Bình Định); Tài trợ An sinh xã hội "Vì sự nghiệp giáo dục" cho Tp. Hồ Chí Minh; Xây dựng trường mẫu giáo tuổi thơ Ngã 6 (Hậu Giang); Xây dựng trường mẫu giáo Phú Vinh 2 (An Giang); Xây dựng trường tiểu học Châu Hòa (Bến Tre); và các chương trình, hỗ trợ cộng đồng, các tỉnh miền Trung chịu hậu quả lũ lụt,...

Đánh giá của
Ban Điều hành

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2017

Kinh tế thế giới dự báo tăng trưởng cao hơn trong năm 2017 (~3,4%) nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất định. Hoạt động thương mại có khả năng phục hồi trong năm 2017. Biến động các đồng tiền quốc tế trở nên khó đoán định hơn sau động thái nâng lãi suất của Fed, kèm theo kỳ vọng lãi suất sẽ tăng nhanh khiến USD tiếp tục tăng giá và dòng vốn tiếp tục thoái lui khỏi các nước mới nổi. Năm 2017, kinh tế Việt Nam dự báo tăng trưởng GDP đạt trên 6,5%. Kim ngạch xuất khẩu dự báo tăng 7-8% so với năm 2016. Mục tiêu lạm phát dưới 5%. NHNN đặt mục tiêu kiểm soát lạm phát là ưu tiên hàng đầu; định hướng tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống 18%-20%, mặt bằng lãi suất ở mức tương đương năm 2016; kiểm soát chất lượng tín dụng và giám sát chặt chẽ quá trình tái cơ cấu các tổ chức tín dụng, an toàn hệ thống; tiếp tục phương thức điều hành tỷ giá linh hoạt như năm 2016.

Với phương châm hành động **Chuyển đổi - Hiệu quả - Bền vững** và Quan điểm chỉ đạo điều hành **Đổi mới - Kỷ cương - Trách nhiệm**, năm 2017 toàn hệ thống Vietcombank quyết tâm nỗ lực phấn đấu trên tất cả các mảng hoạt động, thực hiện thắng lợi và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch.

Một số chỉ tiêu chính như sau:

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2017	Kế hoạch 2017
(1). Tổng tài sản		Tăng ~11%
(2). Tín dụng		Tăng ~15%
(3). Huy động vốn từ nền kinh tế		Tăng ~14%
(4). Tỷ lệ nợ xấu		< 2,0%
(5). Lợi nhuận trước thuế		tăng 8% (9.200 tỷ đồng)

↑ 8%

TĂNG TRƯỞNG
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
2017 (9.200 TỶ ĐỒNG)

< 2,0%

TỶ LỆ NỢ XẤU
2017

↑ 14%

HUY ĐỘNG VỐN
TỪ NỀN KINH TẾ
2017

↑ 15%

TĂNG TRƯỞNG
TÍN DỤNG
2017

↑ 11%

TĂNG TRƯỞNG
TỔNG TÀI SẢN
2017

Đánh giá của Ban Điều hành



NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2017

Công tác khách hàng là nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt

- Công tác khách hàng tiếp tục được xác định là nhiệm vụ trọng tâm và xuyên suốt trong năm 2017. Phát triển công tác khách hàng một cách chủ động, thực hiện phân khúc và phân hạng khách hàng (KHDN lớn, KHDN thương mại, KHDN SMEs lớn...) dựa trên quy mô doanh thu, vốn, lợi nhuận, tình hình giao dịch với Vietcombank... nhằm đưa ra chính sách phù hợp với từng phân khúc/khách hàng; Chú trọng phát triển danh mục khách hàng FDI, tập trung đẩy mạnh quan hệ với khách hàng trọng điểm tài trợ thương mại; Thiết kế quy trình bán và mô hình bán hàng cho từng phân khúc khách hàng, gia tăng tương tác giữa cán bộ bán hàng và cán bộ sản phẩm để tăng cường bán chéo, khai thác cơ hội kinh doanh từ khách hàng.
- Triển khai các giải pháp đồng bộ nhằm từng bước cải thiện chất lượng dịch vụ ngân hàng bán lẻ. Tiếp tục

chuẩn hóa các quy trình và mẫu biểu cung ứng sản phẩm dịch vụ theo hướng tập trung, tự động hóa, huy động tối đa nguồn lực cho công tác phát triển khách hàng và bán hàng nhưng đảm bảo quản trị rủi ro hoạt động; Tiếp tục phát triển đa dạng sản phẩm dịch vụ tại tất cả các hoạt động kinh doanh bán lẻ, nâng cấp tính năng để mang lại nhiều giá trị gia tăng cho khách hàng.

- Tiếp tục mở rộng mô hình quản lý bán hàng theo khu vực cho toàn hệ thống với 3 bộ phận chuyên trách trực thuộc TSC tại miền Bắc - Trung - Nam, chú trọng công tác phát triển kinh doanh, tìm kiếm nguồn hàng, rà soát và tháo gỡ các vấn đề về nguồn lực bán hàng cho các chi nhánh.

- Đối với khách hàng tín dụng: Tăng cường cấp tín dụng theo chuỗi kết hợp cả bán buôn với bán lẻ, tăng cường kiểm soát các khách hàng là doanh nghiệp nhà nước, cơ cấu lại danh mục tín dụng theo hướng giảm dần danh mục các khách hàng có mức lãi suất cho vay thấp.

Đẩy mạnh hoạt động xử lý thu hồi nợ xấu, nợ đã xử lý DPRR

- Xây dựng lộ trình thu hồi đến từng khoản nợ có vấn đề và có kế hoạch hành động cụ thể, đồng thời gắn với trách nhiệm của từng thành viên trong Ban xử lý nợ để rút ngắn thời gian thu hồi nợ.



- Rà soát từng khoản nợ, đánh giá khó khăn vướng mắc và tích cực chủ động phối hợp với cơ quan chính quyền địa phương để thúc đẩy quá trình thu hồi nợ. Đề cao kỷ cương, nghiêm túc thực hiện các chỉ đạo của Ban Lãnh đạo về xử lý thu hồi nợ.

Đổi mới mạnh mẽ hoạt động kinh doanh vốn, ngoại tệ và tài trợ thương mại

- Giữ vững mục tiêu số một trên thị trường ngoại hối trong nước và đẩy mạnh tăng trưởng doanh số mua bán ngoại tệ với khách hàng. Duy trì vị trí Top 02 trên thị trường trái phiếu. Duy trì và nâng cao vai trò của Vietcombank trên thị trường tiền tệ liên ngân hàng.

- Phát triển mở rộng thanh toán bằng đồng bản tệ đối với các nước là đối tác thương mại lớn của Việt Nam, rà soát cải tiến dịch vụ đại lý thanh toán cho các ngân hàng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

- Nỗ lực mở rộng thị phần TTQT-TTTM thông qua tập trung khai thác có hiệu quả các ngành hàng có kim ngạch XNK lớn, các ngành thế mạnh của địa phương, các khách hàng FDI và doanh nghiệp phụ trợ.

- Đảm bảo chất lượng phục vụ, đẩy mạnh tiếp cận nhà tài trợ, Ban quản lý dự án, cơ quan phê duyệt để đề duy trì và phát triển thị phần phục vụ các dự án ODA.

Triển khai các dự án nâng cao năng lực quản trị

Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị điều hành đạt chuẩn mực quốc tế:

- Triển khai các sáng kiến của Dự án CTOM nhằm chuyển biến cơ bản hoạt động kinh doanh bán buôn.

- Triển khai các sáng kiến của Dự án Basel 2 nhằm chuyển đổi vững chắc công tác quản trị rủi ro, bám sát lộ trình triển khai Basel 2 của NHNN.

- Khởi động Dự án chuyển đổi hoạt động bán lẻ nhằm hiện thực hóa mục tiêu chiến lược số 1 về bán lẻ.

- Đẩy nhanh đầu tư và triển khai áp dụng các hệ thống khởi tạo tín dụng cho khách hàng DN và bán lẻ; hệ thống tài trợ thương mại.

- Tiếp tục triển khai các dự án ALM-FTP-MPA/ Corebanking/MIS toàn hàng.

Đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

- Duy trì và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo môi trường làm việc sáng tạo, hiệu quả, đảm bảo đủ nguồn lực cho công tác bán hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Đánh giá của Ban Điều hành

- Tăng cường hiệu quả, tính thực tiễn của công tác quy hoạch cán bộ nhằm tạo nguồn cán bộ quản lý chất lượng tốt cho toàn hệ thống.
- Tiếp tục triển khai công tác khảo thí, thi tay nghề, sử dụng kết quả đào tạo, khảo thí trong công tác đánh giá, điều động, bổ nhiệm cán bộ.
- Ưu tiên đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ bán hàng, cán bộ quản trị rủi ro và từng bước đào tạo chuyên gia trong các lĩnh vực nghiệp vụ.

Tiếp tục kiện toàn mô hình tổ chức; Rà soát, củng cố hoạt động của các công ty con, hiệu quả đầu tư.

- Triển khai thành lập mới 06 Chi nhánh và 39 Phòng giao dịch theo kế hoạch phát triển mạng lưới.
- Xây dựng và thực hiện cơ chế tuyển dụng nhân sự bán hàng cho khối bán lẻ linh hoạt và hiệu quả, ưu tiên hình thức cộng tác viên và được xét trở thành cán bộ chính thức của Vietcombank trên cơ sở đánh giá kết quả bán hàng thực tế.
- Triển khai thành lập Văn phòng đại diện Vietcombank tại New York (Mỹ), Ngân hàng con 100% vốn Vietcombank tại Lào, Công ty kiều hối, Công ty tín dụng tiêu dùng, và Công ty AMC; Triển khai thành lập Trung tâm xử lý tiền mặt tập trung tại Hà Nội.

- Giám sát chặt chẽ, tạo điều kiện thuận lợi và thúc đẩy sự liên kết/phối hợp giữa các CN/Khối kinh doanh với các công ty con nhằm cải thiện hiệu năng hoạt động của các công ty con; Hoàn thiện các đề án chuyển đổi hình thức sở hữu các công ty con: VCBL, VCBS.

Tăng cường công tác quản trị rủi ro

- Tiếp tục kiện toàn năng lực quản trị rủi ro trên tất cả các mảng rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng và rủi ro hoạt động.
- Về quản lý danh mục rủi ro tín dụng: (i) Thực hiện quản lý rủi ro tập trung theo khách hàng/nhóm khách hàng/ngành hàng; (ii) Tiếp tục chuẩn hóa các điều kiện tín dụng theo ngành hàng; (iii) Hoàn thiện, cụ thể hóa các định hướng về ngành hàng; và (iv) xây dựng GHTD/Giới hạn cho vay đối với các ngành có tỷ trọng dư nợ lớn/có rủi ro/có tiềm năng.

Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát

- Tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra/kiểm toán chi tiết, toàn diện các đơn vị trong hệ thống, triển khai nhiều cuộc kiểm tra/kiểm toán chuyên sâu theo chuyên đề.
- Duy trì và tăng cường công tác giám sát, theo dõi từ xa đối với các hoạt động kinh doanh tại các đơn vị

trong toàn hệ thống; áp dụng các ứng dụng công nghệ thông tin, đưa vào áp dụng các chương trình cảnh báo sớm nhằm hạn chế và kịp thời phát hiện rủi ro.

Đầu tư nâng cấp cho công nghệ thông tin

- Quy hoạch lại mô hình tổ chức và cơ chế vận hành của TT CNTT. Bổ sung sớm nhân sự, trong đó chú trọng tập trung nguồn lực cho các dự án chuyển đổi, đảm bảo tiến độ và chất lượng triển khai.
- Thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng việc nâng cấp một số hệ thống ứng dụng quan trọng (hệ thống thanh toán, hệ thống thẻ, hệ thống Contact Center, hệ thống LOS...) đảm bảo chất lượng dịch vụ và khả năng cung ứng dịch vụ 24/7.
- Thực hiện các nội dung đã cam kết theo khuyến nghị của kiểm toán trong việc tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy trình, quy định chung về an toàn bảo mật thông tin.

Các công tác khác

- Chú trọng đổi mới các hoạt động truyền thông về cả nội dung và hình thức, đặc biệt là truyền thông nội bộ đối với quá trình triển khai các dự án/chương trình/chính sách sản phẩm mới. Cải thiện hiệu quả hoạt động quảng cáo thương hiệu và sản phẩm dịch vụ, chú trọng phát triển các kênh digital/online.

Triển khai thành lập mới **06** Chi nhánh và **39** Phòng giao dịch

- Tiếp tục hoàn thiện công tác thi đua, khen thưởng và công tác công đoàn theo hướng gắn liền với mục tiêu phát triển.
- Triển khai thực hiện công tác an sinh xã hội theo các hạng mục đã cam kết trong năm 2016. Tích cực trong công tác hỗ trợ cộng đồng, tham gia phối hợp thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo của Đảng, Nhà nước, nâng cao đời sống cho người dân, giám sát chặt chẽ đảm bảo nguồn vốn tài trợ của Vietcombank được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng, hiệu quả, tuân thủ các quy trình, quy định về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản và quản lý tài chính hiện hành.

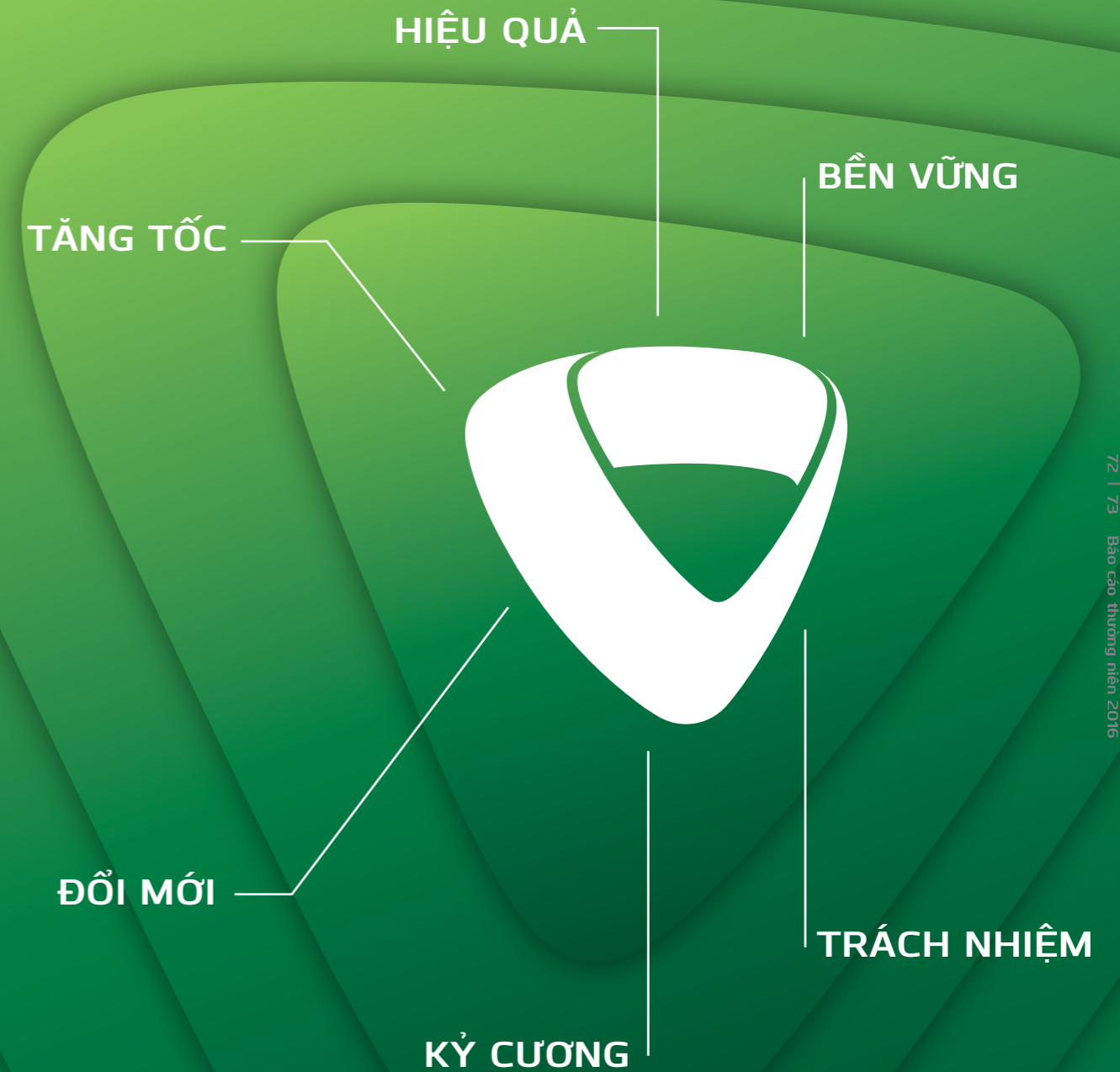


Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Vietcombank

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG

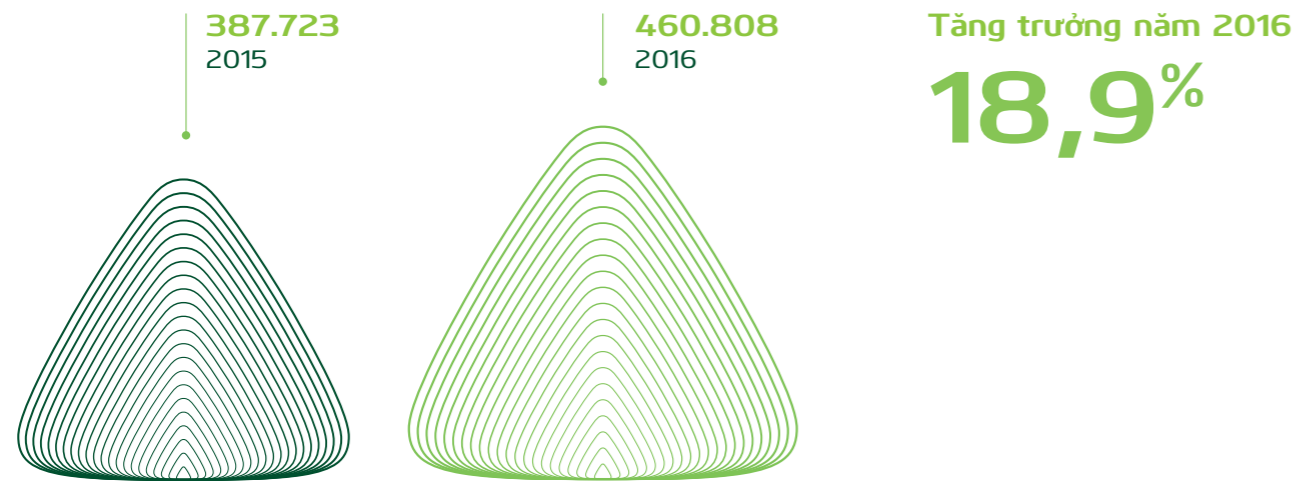
Năm 2016, quá trình tái cơ cấu toàn diện và triệt để các TCTD tiếp tục được đẩy mạnh với các biện pháp mạnh mẽ từ phía NHNN theo hướng cải thiện và nâng cao năng lực tài chính, năng lực quản trị; cơ cấu lại hoạt động theo hướng an toàn, hiệu quả, đảm bảo khả năng phát triển bền vững. Giữ vững vai trò là một trong những ngân hàng nòng cốt đi đầu trong hệ thống, Vietcombank đã nghiêm túc thực hiện các chủ trương của NHNN, góp phần thực hiện nhiệm vụ chung của ngành và ổn định kinh tế vĩ mô. Với phương châm **Tăng tốc – Hiệu quả – Bền vững** và quan điểm chỉ đạo điều hành **Đổi mới – Kỷ cương – Trách nhiệm** được đề ra ngay từ đầu năm 2016, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành đã định hướng, chỉ đạo quyết liệt, kịp thời hoạt động của Vietcombank theo các định hướng và mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 đã đề ra.

Với nỗ lực và quyết tâm của toàn hệ thống, Vietcombank đã vượt qua nhiều khó khăn thách thức của năm 2016, ghi dấu ấn mạnh mẽ về tăng trưởng, hiệu quả, tiếp tục củng cố và gia tăng vị thế cạnh tranh trên thị trường.



Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Vietcombank

Dư nợ cho vay khách hàng (Tỷ VNĐ)



Đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu mà ĐHQĐCB đề ra như sau:

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2016 đạt 787,9 ngàn tỷ đồng, tăng ~16,8% so với 31/12/2015 và đạt 103% kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông.

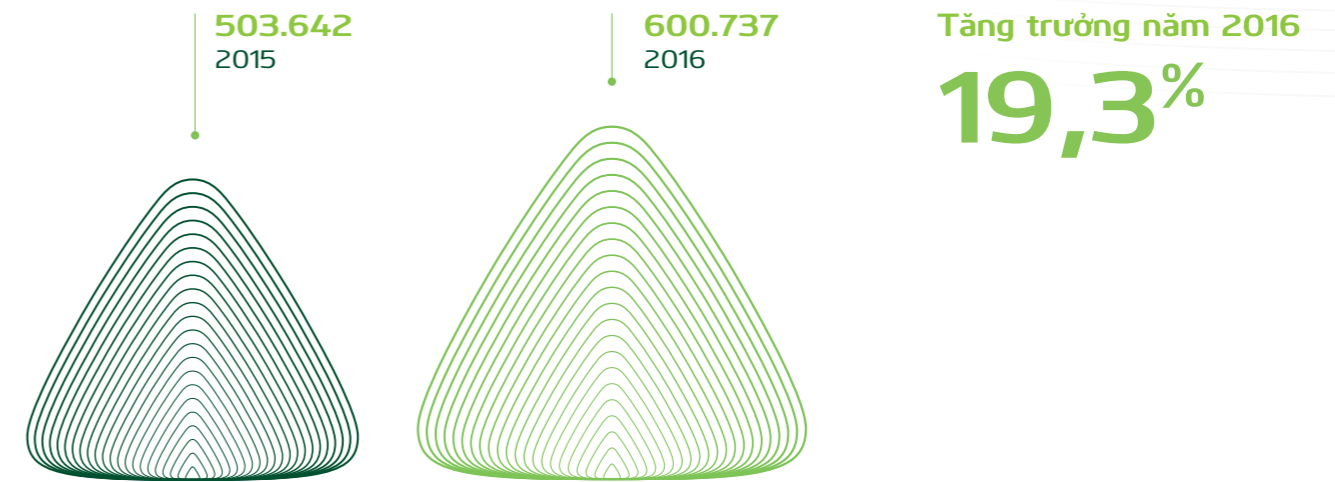
Dư nợ cho vay khách hàng tại thời điểm 31/12/2016 đạt 460,8 ngàn tỷ đồng, tăng ~18,9% so với 31/12/2015, đạt 102% kế hoạch đề ra và cao hơn bình quân chung của toàn ngành (18,25%). Cơ cấu cho vay tiếp tục chuyển dịch theo đúng định hướng của Vietcombank khi tốc độ tăng trưởng cho vay đối với KHDN đã chậm lại, trong khi tín dụng SME và tín dụng thể nhân tăng mạnh.

Huy động vốn từ nền kinh tế năm 2016 đạt 600,7 ngàn tỷ đồng, tăng 19,3% so với năm 2015. Cơ cấu nguồn vốn huy động theo loại hình khách hàng tiếp tục duy trì ở mức hợp lý với tỷ trọng vốn huy động từ cá nhân/tổ chức lần lượt là 55%/45%. Nguồn vốn giá rẻ tiếp tục được ưu tiên thu hút, với tăng trưởng tiền gửi Không kỳ hạn tăng 14% so với cuối năm 2015 (chiếm tỷ trọng 28% tổng tiền gửi khách hàng).

Năm 2016, công tác kiểm soát, quản lý rủi ro tín dụng và xử lý nợ xấu tiếp tục được chú trọng tại Vietcombank. Đến cuối năm, tỷ lệ nợ nhóm 2 giảm xuống còn 1,67% từ mức 2,36% của năm 2015. Số dư nợ xấu tại thời điểm 31/12/2016 là 6.936 tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu ở mức 1,46%, giảm 0,33 điểm % so với cuối năm 2015, thấp hơn mức khống chế kế hoạch (2,5%). Bên cạnh việc quản lý tốt nợ xấu, công tác thu hồi nợ ngoại bảng tiếp tục ghi nhận kết quả tích cực, phản ánh nỗ lực của toàn hệ thống và hiệu quả của tổng thể các giải pháp chỉ đạo, điều hành quyết liệt trong công tác thu hồi nợ. Số thu ngoại bảng ghi vào thu nhập đạt 2.121 tỷ đồng. Vietcombank cũng đã trở thành ngân hàng đầu tiên trong ngành ngân hàng hoàn tất việc trích lập dự phòng rủi ro cho trái phiếu VAMC sớm hơn so với lộ trình quy định.

Nhờ nỗ lực đẩy mạnh tăng trưởng trong mọi hoạt động kinh doanh, nâng cao hiệu quả và kiểm soát tốt chất lượng tín dụng, lợi nhuận trước thuế năm 2016 đã tăng trưởng mạnh mẽ 25% so với năm 2015, đạt 8.523 tỷ đồng, là mức tăng trưởng cao nhất trong giai đoạn 2010-2016 và trong ngành ngân hàng. Hiệu suất sinh lời của tổng tài sản bình quân (ROAA) và hiệu suất sinh lời của vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE) năm 2016 đạt tương ứng là 0,9% và 14,7%, cao hơn so với 2015. Hệ số an toàn tối thiểu (CAR) đạt ~ 11,13%, cao hơn tỉ lệ quy định của NHNN (tối thiểu 9%).

Huy động vốn (Tỷ VNĐ)



TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Thực hiện/Kế hoạch	Đánh giá
1	Tổng tài sản (tỷ đồng)	674.395	765.438	787.907	103%	Vượt
2	Dư nợ cho vay KH (tỷ đồng)	387.723	453.636	460.808	102%	Vượt
3	Huy động vốn (tỷ đồng)	503.642	579.188	600.737	104%	Vượt
4	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	6.827	7.500	8.523	114%	Vượt
5	Lao động cuối kỳ (người)	14.755	Tăng không quá 5%	15.615		Cao hơn 5%
6	Chi phí lương trên lợi nhuận trước thuế chưa bao gồm lương	37%	37%	37%		Đạt
7	Số CN tăng thêm	6	5	5		Đạt
8	Tỷ lệ nợ xấu	1,79%	<2,5%	1,46%		Kiểm soát nợ xấu tốt hơn
9	Mức chi trả cổ tức (%/mệnh giá)	10%	Tối đa 10%	8% (dự kiến)		Trong kế hoạch

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Vietcombank

CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH

Công tác quản trị ngân hàng được HĐQT đặc biệt chú trọng với các hoạt động nổi bật trong năm 2016, bao gồm:

Rà soát, hoàn thiện Đề án phát triển Vietcombank đến năm 2020 với các mục tiêu và giải pháp cụ thể; trên cơ sở đó xây dựng chương trình hành động cho từng khối kinh doanh, từng mảng hoạt động để hiện thực hóa tầm nhìn và mục tiêu chiến lược của Vietcombank đến năm 2020.

Triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao năng lực tài chính thông qua tăng vốn điều lệ, phát hành trái phiếu

Trong năm 2016, Vietcombank đã thực hiện thành công hai đợt tăng vốn, đảm bảo các tỷ lệ an toàn trên mức quy định và tạo điều kiện mở rộng hoạt động kinh doanh, bao gồm: Phát hành cổ phiếu thường với tỷ lệ 35% (tăng vốn điều lệ thêm 9.327 tỷ đồng) để tăng vốn điều lệ và phát hành ~8.000 tỷ trái phiếu (trong đó có 6.000 tỷ đồng trái phiếu tăng vốn cấp 2). Bên cạnh đó, Vietcombank cũng đã tích cực triển khai thực hiện kế hoạch tăng vốn điều lệ thông qua phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài.

Quyết liệt triển khai các Dự án chuyển đổi nhằm nâng cao năng lực quản trị điều hành hướng tới chuẩn mực quốc tế, tiên phong đảm bảo tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro, quản trị doanh nghiệp

Phối hợp với các đơn vị tư vấn triển khai 29 sáng kiến trên tổng số 37 sáng kiến thuộc Dự án Basel II, triển khai 06 sáng kiến cốt lõi của dự án CTOM

Tiếp tục triển khai các hạng mục tiếp theo của Dự án ALM/FTP/MPA (lựa chọn được đơn vị tư vấn, triển khai phân tích hiện trạng để từ đó đề xuất lựa chọn giải pháp phù hợp); Dự án KPI giai đoạn 2 (tiếp tục chuẩn hóa mô hình tổ chức của chi nhánh, xây dựng và ban hành Quy định quản lý đo lường và đánh giá hiệu quả hoạt động trong hệ thống; xây dựng và đưa vào vận hành chương trình quản lý KPI,...).

Kiến toàn mô hình tổ chức, tiếp tục phát triển mạng lưới

Khai trương 05 Chi nhánh mới: Nam Đà Nẵng, Phú Quốc, Phố Hiến, Nam Hải Phòng, Bình Phước; thành lập và đưa 27 PGD mới vào hoạt động.

Thành lập một số bộ phận chức năng quan trọng tại Khu vực phía Nam bao gồm Văn phòng đại diện Vietcombank, bộ phận Khách hàng doanh nghiệp, bộ phận Công Nghệ.

Triển khai các thủ tục thành lập Trung tâm xử lý tiền mặt, 03 Công ty con (Kiều hối, Tín dụng tiêu dùng, AMC), 01 Ngân hàng con (tại Lào), Văn phòng đại diện tại Hoa Kỳ.

Triển khai thí điểm mô hình quản lý bán theo vùng đối với hoạt động bán lẻ.

PHÁT HÀNH THÀNH CÔNG

8.000

**TỶ TRÁI PHIẾU
(TRONG ĐÓ 6.000 TỶ ĐỒNG TRÁI PHIẾU TĂNG VỐN CẤP 2)**

Nâng cao chất lượng công tác cán bộ, đẩy mạnh công tác đào tạo tập trung trong toàn hệ thống

Đổi mới công tác tuyển dụng theo hướng chuyên nghiệp hóa, tập trung hóa, giúp ngân hàng lựa chọn được đội ngũ nhân sự chất lượng tốt, khả năng cạnh tranh cao so với thị trường.

Tăng cường công tác luân chuyển cán bộ với các hình thức điều động cán bộ có kinh nghiệm để tăng cường cho các đơn vị mới thành lập, luân chuyển cán bộ các phòng ban tại Trụ sở chính về Chi nhánh, điều động cán bộ quản lý giữa các chi nhánh.

Số lượng các khóa đào tạo trong năm đạt 122% kế hoạch năm với tỷ suất bình quân cán bộ được đào tạo trên tổng số cán bộ toàn hệ thống là gần 1,5 lượt, tăng mạnh so với các năm trước. Đối tượng đào tạo tập trung vào nguồn nhân lực làm công tác Quản lý, Bán hàng, Quản trị rủi ro và triển khai các dự án trọng điểm, hỗ trợ hiệu quả cho việc triển khai các định hướng hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị trong năm.

Hoàn thiện các quy trình, quy chế nội bộ, tạo cơ chế đồng bộ cho hoạt động kinh doanh

Sửa đổi, hoàn thiện và ban hành mới nhiều văn bản quan trọng như: Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng tín dụng doanh nghiệp và Hội đồng tín dụng định chế tài chính; Quy chế tổ chức và hoạt động của bộ máy quản lý các Dự án nâng cao năng lực quản trị và hoạt động tại Vietcombank; Quy chế đào tạo; Quy chế chi trả tiền lương trong hệ thống Vietcombank; Quy chế sắp xếp tinh giảm lao động; Quy chế người phát ngôn,...

Tiếp tục chú trọng công tác an sinh xã hội

Bên cạnh các mục tiêu kinh doanh, Vietcombank luôn coi trọng phát triển bền vững vì cộng đồng. Trong năm 2016, Vietcombank tiếp tục tham gia đồng hành cùng các hoạt động từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn thông qua mạng lưới hoạt động của tổ chức đoàn thể tại nhiều chi nhánh trên toàn quốc, với tổng giá trị thực hiện trong năm ~234,2 tỷ đồng. Các hạng mục công trình y tế, giáo dục được xây dựng mới tại Bình Định, Hậu Giang, An Giang, Bến Tre,... cùng với nhiều chương trình hỗ trợ cộng đồng ý nghĩa khác với nguồn kinh phí do Vietcombank tài trợ đã góp phần cải thiện đời sống của đồng bào một số địa bàn khó khăn trong cả nước.

THỰC HIỆN
THÀNH CÔNG **02**
đợt tăng vốn



TRIỂN KHAI **29**
sáng kiến trên tổng thể
37 sáng kiến thuộc
dự án Basel II)



KHAI TRƯƠNG **05**
Chi nhánh mới



THÀNH LẬP
VÀ ĐƯA **27**
PGD mới
vào hoạt động



Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Vietcombank



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Hàng tháng HĐQT đã tổ chức họp thường kỳ đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh trên cơ sở đó ban hành Nghị quyết chỉ đạo hoạt động kinh doanh và giám sát Ban điều hành tổ chức thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị, Quy chế quản trị nội bộ và các quy định liên quan của Vietcombank.

Năm 2016, trước những thách thức do biến động địa chính trị, thiên tai, bất ổn trên thế giới nói chung và những khó khăn riêng của quá trình tái cơ cấu, cạnh tranh ngày càng cao trong ngành ngân hàng, Ban điều hành đã tiếp tục chỉ đạo điều hành sát sao, quyết liệt trên cơ sở các định hướng của HĐQT cũng như bám sát các mục tiêu chiến lược trung, dài hạn và các mục tiêu cụ thể cho năm 2016 do ĐHĐCĐ và HĐQT giao.

Các thành viên HĐQT, Ban điều hành luôn đặt lợi ích của cổ đông, của Nhà nước và Ngân hàng làm mục tiêu hoạt động hàng đầu, thực hiện tốt công tác chỉ đạo điều hành của mình và hoàn thành các chức trách, nhiệm vụ được giao.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

Dự báo tình hình vĩ mô và môi trường hoạt động

Kinh tế thế giới tiềm ẩn nhiều bất ổn trước hàng loạt các thay đổi trong chính sách đối ngoại và kinh tế của các quốc gia lớn. Kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ lấy lại đà tăng trưởng sau khi giảm tốc trong năm 2016 với GDP kỳ vọng ở mức ~6,7%, lạm phát nhiều khả năng được kiểm soát ở mức mục tiêu 4%;

Ngành ngân hàng sẽ tiếp tục thực thi chính sách tiền tệ hướng tới mục tiêu ổn định vĩ mô và hỗ trợ tăng trưởng. Bên cạnh việc tiếp tục thực hiện các giải pháp theo lộ trình tái cơ cấu các TCTD và xử lý nợ xấu, tăng cường công tác thanh tra giám sát ngân hàng và kiểm soát, nâng cao chất lượng tín dụng, các ngân hàng đứng trước sức ép từ môi trường kinh doanh nhiều biến động, cạnh tranh ngày càng cao với các xu hướng ngân hàng số, ngân hàng bán lẻ, biến đổi nhân khẩu học, hành vi khách hàng... đòi hỏi sự đổi mới và quyết tâm hơn nữa để khẳng định vị thế của mỗi ngân hàng.

Phương châm hành động, quan điểm chỉ đạo điều hành

Bám sát định hướng điều hành của Chính phủ và NHNN, năm 2017 Vietcombank đề ra phương châm **Chuyển đổi – Hiệu quả – Bền vững**; quan điểm chỉ đạo điều hành **Đổi mới – Kỷ cương – Trách nhiệm** với định hướng chủ đạo là: Phát huy mọi lợi thế, tận dụng mọi thời cơ, phát triển theo chiều sâu, lấy chất lượng và hiệu quả làm trọng tâm, nỗ lực trên tất cả các mảng hoạt động để thực hiện thắng lợi và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh được ĐHĐCĐ đề ra, hướng tới phát triển bền vững theo chuẩn mực quốc tế.

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Vietcombank

Định hướng chính trên một số lĩnh vực cụ thể như sau:

VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quán triệt quan điểm đổi mới mạnh mẽ công tác khách hàng làm nền tảng phát triển hoạt động kinh doanh với các giải pháp trọng tâm gồm:

- Thực hiện phân khúc và phân hạng khách hàng, trên cơ sở đó xây dựng chính sách, thiết kế quy trình bán, mô hình bán chuyên biệt phù hợp với đặc thù riêng của từng phân khúc khách hàng.
- Tiếp tục đa dạng hóa danh mục khách hàng với trọng tâm cho năm 2017 là phát triển danh mục khách hàng FDI; tăng cường bán chéo, khai thác cơ hội kinh doanh từ khách hàng.
- Tiếp tục mở rộng mô hình quản lý bán hàng theo khu vực cho toàn hệ thống với 3 bộ phận chuyên trách trực thuộc TSC tại miền Bắc - Trung - Nam.
- Triển khai các giải pháp đồng bộ về sản phẩm, về hỗ trợ công nghệ, về công tác chăm sóc khách hàng nhằm tạo thêm nhiều giá trị.

Đẩy mạnh hoạt động xử lý thu hồi nợ xấu, nợ đã xử lý DPRR, góp phần đảm bảo hoàn thành mục tiêu lợi nhuận của hệ thống:

- Xây dựng lộ trình thu hồi chi tiết đến từng khoản nợ có vấn đề và có kế hoạch hành động cụ thể.
- Tập trung thích đáng nguồn lực cho công tác xử lý thu hồi nợ, tích cực chủ động phối hợp với Trụ sở chính và các cơ quan chính quyền địa phương với nỗ lực tối đa để rút ngắn thời gian thu hồi nợ.

Dự kiến Lợi nhuận trước thuế 2017 (Tỷ VNĐ)



Đổi mới mạnh mẽ các mảng hoạt động kinh doanh vốn, ngoại tệ và tài trợ thương mại, gia tăng đóng góp vào kết quả thu nhập của toàn hệ thống:

- Duy trì vị trí tiên phong trên thị trường trái phiếu, thị trường ngoại hối trong nước và thị trường tiền tệ liên ngân hàng, gia tăng tỷ trọng đóng góp từ các mảng hoạt động này trong cơ cấu thu nhập của Vietcombank.
- Tập trung mở rộng thị phần TTQT-TTTM, đẩy mạnh hoạt động thanh toán bằng đồng bản tệ đối với các nước là đối tác thương mại lớn của Việt Nam, rà soát cải tiến dịch vụ đại lý thanh toán cho các ngân hàng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

Tiếp tục củng cố hoạt động của các công ty con, nâng cao hiệu quả đầu tư

- Giám sát chặt chẽ, tạo điều kiện thuận lợi và thúc đẩy sự liên kết/phối hợp giữa các Chi nhánh/Khối kinh doanh với các công ty con nhằm cải thiện hiệu năng hoạt động của các công ty con.
- Hoàn thiện các đề án chuyển đổi hình thức sở hữu một số công ty con.

Tập trung nâng cao năng lực tài chính

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng vốn, đảm bảo nguồn vốn cho phát triển kinh doanh và tuân thủ tỷ lệ an toàn, hướng tới tuân thủ Basel II.
- Tiếp tục thực hiện các thủ tục theo quy định để triển khai phát hành riêng lẻ cổ phiếu tăng vốn.
- Gia tăng hiệu quả kinh doanh, cơ cấu danh mục tài sản nợ-có, nâng cao chất lượng tài sản và xử lý nợ xấu, đảm bảo các giới hạn, cải thiện tỷ lệ an toàn hoạt động và các tỷ suất sinh lời.

Dự kiến một số chỉ tiêu chính trong kế hoạch kinh doanh năm 2017

TT	Chỉ tiêu	TH 2016	KH 2017	Tăng trưởng
1	Tổng tài sản (tỷ đồng)	787.907	874.577	11,00%
2	Dư nợ tín dụng (tỷ đồng)	475.768	547.133	15,00%
3	Huy động vốn (tỷ đồng)	600.737	684.841	14,00%
4	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	8.523	9.200	8,00%
5	Lao động cuối kỳ (người)	15.615	tăng không quá 5%	
6	Chi phí lương trên lợi nhuận trước thuế chưa bao gồm lương	37,00%	37,00%	
7	Số chi nhánh tăng thêm	5	6	
8	Tỷ lệ nợ xấu	1,46%	< 2,00%	
9	Tỷ lệ chi trả cổ tức (%/mệnh giá)	8%	8%	

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Vietcombank

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH

Tiếp tục hoàn thiện các chương trình hành động nhằm thực thi Đề án phát triển đến năm 2020, giám sát thực hiện, định kỳ rà soát để có các định hướng, điều chỉnh kịp thời.

Triển khai đúng lộ trình các dự án nâng cao năng lực quản trị

Đặc biệt chú trọng đẩy mạnh tiến độ triển khai các dự án: CTOM, Basel II, Dự án chuyển đổi mô hình hoạt động bán lẻ nhằm đáp ứng các yêu cầu quản trị rủi ro theo chuẩn mực quốc tế và hiện thực hóa mục tiêu chiến lược số 1 về bán lẻ.

Ưu tiên đẩy nhanh đầu tư và triển khai áp dụng các hệ thống khởi tạo tín dụng cho khách hàng doanh nghiệp và bán lẻ; hệ thống tài trợ thương mại.

Tiếp tục triển khai các dự án ALM-FTP-MPA, Corebanking, MIS toàn hàng.

Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực

Duy trì và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo môi trường làm việc sáng tạo, hiệu quả, đảm bảo đủ nguồn lực cho công tác bán hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Tăng cường hiệu quả, tính thực tiễn của công tác quy hoạch cán bộ nhằm tạo nguồn cán bộ quản lý chất lượng tốt cho toàn hệ thống.

Tiếp tục triển khai công tác khảo thí, thi tay nghề, sử dụng kết quả đào tạo, khảo thí trong công tác đánh giá, điều động, bổ nhiệm cán bộ.

Ưu tiên đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ bán hàng, cán bộ quản trị rủi ro và từng bước đào tạo chuyên gia trong các lĩnh vực nghiệp vụ.

Mở rộng mối quan hệ hợp tác với các trường đại học lớn, các trung tâm nghiên cứu lớn để tạo nguồn cho công tác tuyển dụng cán bộ.

Tiếp tục kiện toàn mô hình tổ chức

Triển khai thành lập mới 06 Chi nhánh và 39 Phòng giao dịch theo kế hoạch phát triển mạng lưới, trên cơ sở phê duyệt của NHNN.

Xây dựng và thực hiện cơ chế tuyển dụng nhân sự bán hàng cho khối bán lẻ linh hoạt và hiệu quả, ưu tiên hình thức cộng tác viên (hưởng lương trọn gói) và được xét trở thành cán bộ chính thức của Vietcombank trên cơ sở đánh giá kết quả bán hàng thực tế.

Triển khai thành lập Văn phòng đại diện Vietcombank tại New York, Ngân hàng con 100% vốn Vietcombank tại Lào, Công ty kiều hối, Công ty tín dụng tiêu dùng, và Công ty AMC.

Triển khai thành lập Trung tâm xử lý tiền mặt tập trung tại Hà Nội

Tăng cường công tác quản trị rủi ro, công tác kiểm tra, giám sát

Tiếp tục kiện toàn năng lực quản trị rủi ro trên tất cả các mảng rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng và rủi ro hoạt động.

Thực hiện quản lý rủi ro tập trung theo khách hàng/nhóm khách hàng/ngành hàng; chuẩn hóa các điều kiện tín dụng theo ngành hàng; hoàn thiện, cụ thể hóa các định hướng về ngành hàng.

Duy trì và tăng cường công tác giám sát, theo dõi từ xa đối với các hoạt động kinh doanh tại các đơn vị trong toàn hệ thống; áp dụng các ứng dụng công nghệ thông tin, đưa vào áp dụng các chương trình cảnh báo sớm nhằm hạn chế và kịp thời phát hiện rủi ro.

Đầu tư nâng cấp cho công nghệ thông tin

Quy hoạch lại mô hình tổ chức, cơ chế vận hành và bổ sung, củng cố nhân sự cho TT CNTT.

Thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng việc nâng cấp một số hệ thống ứng dụng quan trọng đảm bảo chất lượng dịch vụ và khả năng cung ứng dịch vụ 24/7.

Tổ chức triển khai lộ trình thực hiện Chiến lược CNTT đến năm 2020 theo đúng kế hoạch đã phê duyệt.

Các công tác khác

Tiếp tục thực hiện tốt các hoạt động truyền thông, cải thiện hiệu quả hoạt động quảng cáo thương hiệu và sản phẩm dịch vụ, chú trọng phát triển các kênh digital/online.

Triển khai, thực hiện công tác an sinh xã hội theo các hạng mục đã cam kết trong năm 2016, ưu tiên các lĩnh vực giáo dục, y tế, hỗ trợ khắc phục giảm nhẹ thiên tai...



**NÂNG CAO
NĂNG LỰC QUẢN TRỊ**



**PHÁT TRIỂN
NGUỒN NHÂN LỰC**



**KIỆN TOÀN
MÔ HÌNH TỔ CHỨC**



**NÂNG CẤP CÔNG
NGHỆ THÔNG TIN**



**QUẢN TRỊ RỦI RO,
CÔNG TÁC KIỂM TRA,
GIÁM SÁT**

3

TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

- Tổ chức và Nhân sự
- Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- Giới thiệu Ban Điều hành
- Giới thiệu Ban Kiểm soát

GẮN TRÁCH NHIỆM ĐỒNG HÀNH CÙNG CỘNG ĐỒNG

Những ánh mắt trong veo, đầy ước mơ của các em học sinh nghèo tại những địa phương còn nhiều khó khăn trên cả nước đã thôi thúc và là động lực to lớn để hoạt động an sinh xã hội của Vietcombank không ngừng được đẩy mạnh với tâm nguyện vì những điều tốt đẹp hơn cho cộng đồng

Tổ chức và nhân sự

NGUỒN NHÂN LỰC

Tổng số lao động của Vietcombank tính đến 31/12/2016 là 15.615 người (số hợp nhất bao gồm cả các công ty thành viên). Với quy mô lao động lớn và không ngừng tăng lên, Ban lãnh đạo Vietcombank luôn chú trọng việc phát triển nguồn nhân lực, coi đây là chìa khóa đem lại thành công và hiệu quả của ngân hàng:

- Nguồn nhân lực được quản trị theo thông lệ tốt nhất nhằm xây dựng, phát triển và duy trì đội ngũ nhân lực chất lượng cao, hỗ trợ thực hiện mục tiêu của Vietcombank là Ngân hàng đứng đầu về chất lượng nguồn nhân lực.
- Chất lượng nhân viên được kiểm soát từ đầu vào với một chính sách tuyển dụng nghiêm túc, chuyên nghiệp; cán bộ được tuyển dụng phù hợp với vị trí công việc.

- Chính sách và chế độ đãi ngộ người lao động liên tục được cải tiến, gắn liền lương với hiệu quả và kết quả công việc của đơn vị và người lao động.
- Công tác quy hoạch cán bộ được thực hiện đầy đủ và chuẩn mực, xây dựng được đội ngũ lãnh đạo là những người có kiến thức hiện đại và nhiều kinh nghiệm trong chuyên môn và quản lý điều hành.
- Công tác đào tạo được đẩy mạnh nhằm nâng cao số lượng và chất lượng các khóa đào tạo cho cán bộ, nhân viên.

Vietcombank sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển nguồn nhân lực, hoàn thiện các chính sách tuyển dụng, đào tạo, đãi ngộ, quy hoạch gắn với quyền lợi và trách nhiệm của người lao động nhằm mang lại hiệu quả cao nhất trong công việc.

THAY ĐỔI VỀ NHÂN SỰ TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH.

Thành phần Ban lãnh đạo có thay đổi như sau:

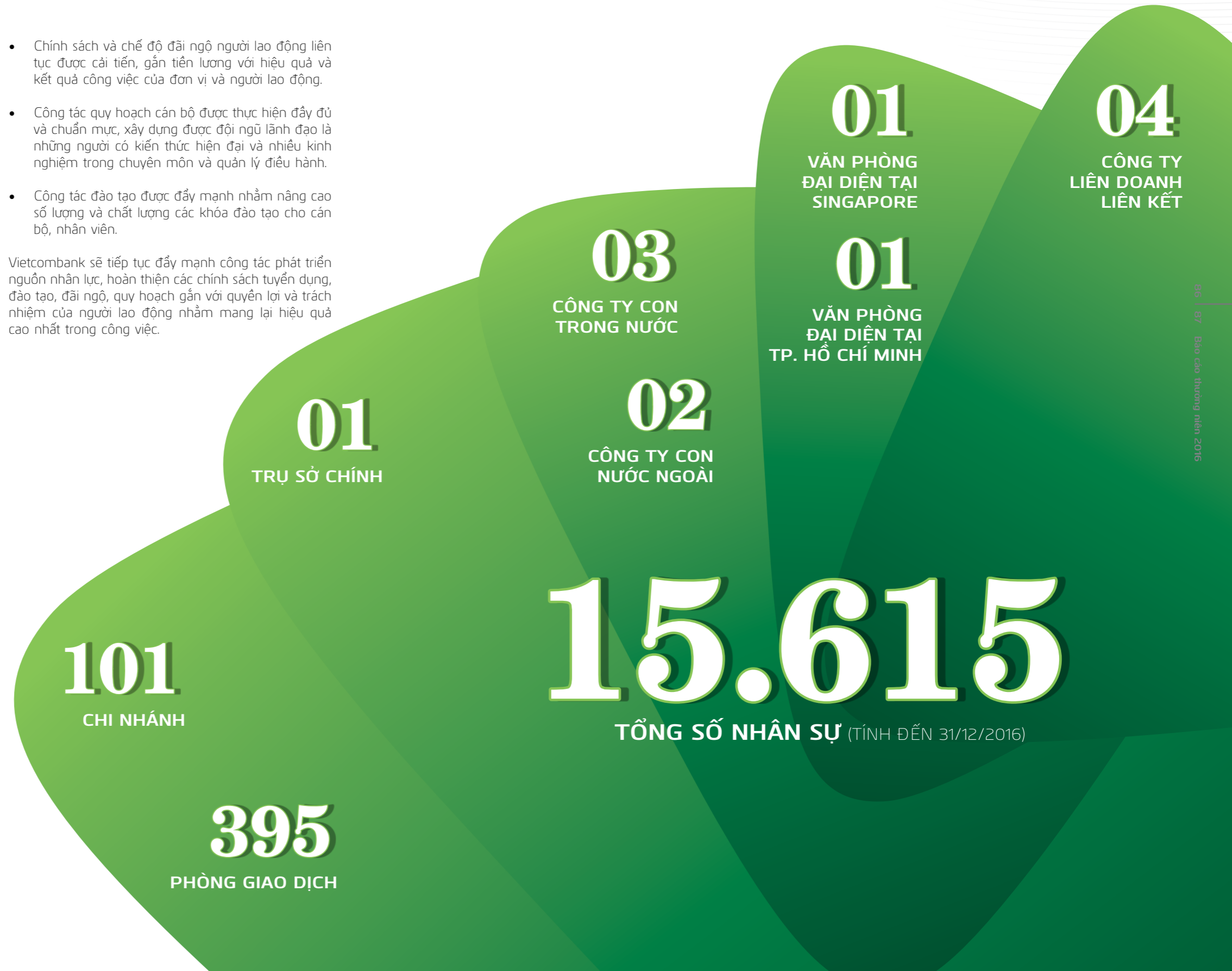
Giám: Ông Huỳnh Song Hào - Giám đốc Khối Bán lẻ được điều động và bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng Văn phòng đại diện Vietcombank tại khu vực phía Nam kể từ ngày 01/07/2016.

MẠNG LƯỚI VÀ TỔ CHỨC CỦA VIETCOMBANK

Trong năm 2016, Vietcombank khai trương hoạt động thêm 05 Chi nhánh và 27 phòng giao dịch trên địa bàn các tỉnh.

Tính đến 31/12/2016, mạng lưới hoạt động của Vietcombank bao gồm:

- Trụ sở chính.
- 101 chi nhánh.
- 395 phòng giao dịch.
- 03 công ty con trực thuộc trong nước.
- 02 công ty con tại nước ngoài.
- 01 văn phòng đại diện tại Singapore và 01 văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- 04 công ty liên doanh, liên kết khác.



Giới thiệu **Hội đồng Quản trị**



◀ Ông **NGHIÊM XUÂN THÀNH**
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn
Tiến sỹ Kinh tế - Học viện Ngân hàng.
Thạc sỹ Kinh tế - Học viện Ngân hàng.



◀ Ông **NGUYỄN DANH LƯƠNG**
Ủy viên Hội đồng Quản trị
kiêm Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn
Tiến sỹ Kinh tế - Học viện Ngân hàng;
Cử nhân Kinh tế - Học viện Ngân hàng.

Ông **PHẠM QUANG DŨNG** ▶
Ủy viên Hội đồng Quản trị
kiêm Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn
Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng -
Đại học Tổng hợp Birmingham (Anh Quốc);
Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.



Ông **YUTAKA ABE** ▶
Ủy viên Hội đồng Quản trị
kiêm Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn
Thạc sỹ Khoa học Quản lý - Đại học Stanford
(California, Hoa Kỳ);
Cử nhân Kinh tế - Đại học Hitotsubashi
(Tokyo, Nhật Bản)



◀ Bà **NGUYỄN THỊ DŨNG**
Ủy viên Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn
Đại học Tài chính Moscow;
Tiến sỹ kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội;
Thạc sỹ Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân;
Cử nhân Kinh tế - Đại học tài chính Moscow (Liên Xô)



◀ Bà **LÊ THỊ HOA**
Ủy viên Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn
Thạc sỹ Kinh tế (chương trình Pháp - Việt);
Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân.



Ông **NGUYỄN MẠNH HÙNG** ▶
Ủy viên Hội đồng Quản trị

Trình độ chuyên môn
Thạc sỹ kinh tế - Cao học Việt Nam - Hà Lan,
Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội



Giới thiệu Ban Điều hành



◀ Ông **PHẠM QUANG DŨNG**
Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn

Thạc sỹ Tài chính ngân hàng – Đại học Tổng hợp Birmingham (Anh Quốc);
Cử nhân Kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân.



◀ Ông **ĐÀO HÀO**
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kinh tế – Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;
Cử nhân Luật – Đại học Luật Hà Nội.

Ông **NGUYỄN DANH LƯƠNG** ▶
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn

Tiến sỹ kinh tế – Học viện Ngân hàng;
Cử nhân Kinh tế – Học viện Ngân hàng.



Ông **PHẠM THANH HÀ** ▶
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh –
Đại học George Washington (Hoa Kỳ);
Cử nhân Kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân.



◀ Ông **YUTAKA ABE**
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn

Thạc sỹ Khoa học Quản lý – Đại học Stanford
(California, Hoa Kỳ);
Cử nhân Kinh tế – Đại học Hitotsubashi
(Nhật Bản).



◀ Bà **TRƯƠNG THỊ THÚY NGÀ**
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – Trường Impac University;
Cử nhân Kế toán – Đại học Bách khoa Đà Nẵng;
Cử nhân Luật – Đại học Luật.

Ông **ĐÀO MINH TUẤN** ▶
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn

Thạc sỹ kinh tế – Học viện Ngân hàng;
Kỹ sư Toán ứng dụng – Đại học Bách khoa Hà Nội;
Cử nhân Kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân.



Ông **PHẠM MẠNH THẮNG** ▶
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn

Tiến sỹ Kinh tế – Học viện ngân hàng
Thạc sỹ Kinh tế – Học viện ngân hàng;
Cử nhân Kinh tế – Trường Cao cấp Nghiệp vụ
Ngân hàng.



Giới thiệu **Ban Điều hành**Giới thiệu **Ban Kiểm soát**

◀ Bà **NGUYỄN THỊ KIM OANH**
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn
Thạc sỹ Tài chính ngân hàng - Đại học New South Wales;
Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân.



◀ Bà **TRƯƠNG LỆ HIỂN**
Trưởng Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn
Thạc sỹ Kinh tế phát triển -
Cao học Việt Nam - Hà Lan;
Cử nhân Kinh tế - Học viện Ngân hàng.

Bà **ĐINH THỊ THÁI** ▶
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn
Thạc sỹ Kinh tế - Đại học Kinh tế quốc dân;
Cử nhân Kinh tế - Đại học Ngoại thương.



Bà **LA THỊ HỒNG MINH** ▶
Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn
Thạc sỹ Kinh tế -
Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội;
Cử nhân Kinh tế - Học viện Ngân hàng.



◀ Bà **ĐỖ THỊ MAI HƯƠNG**
Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn
Thạc sỹ Kinh tế - Đại học Ngoại thương;
Cử nhân Kinh tế - Đại học Ngoại thương.



◀ Bà **PHÙNG NGUYỄN HẢI YẾN**
Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn
Thạc sỹ Kinh tế - Học viện Ngân hàng -
CPA Australia;
Cử nhân Kinh tế - Học viện Ngân hàng.



Bà **VŨ THỊ BÍCH VÂN** ▶
Thành viên Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn
Thạc sỹ Kinh tế -
Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội;
Cử nhân Kinh tế - Học viện Ngân hàng.



TRAO HÀNH ĐỘNG
KẾT NỐI MỌI KHOẢNG CÁCH



Những cán bộ, đoàn viên, tình nguyện viên Vietcombank đến thăm, tặng quà và động viên các em học sinh người dân tộc Mông vượt khó vươn lên tại Trung Tâm Hy Vọng Sapa (tỉnh Lào Cai)

4

QUẢN TRỊ
DOANH NGHIỆP

- Quản trị Công ty • Quản trị rủi ro
- Mạng lưới hoạt động

Quản trị Công ty

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cơ cấu Hội đồng Quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Sở hữu cổ phần của Vietcombank		Ghi chú
			Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	
1	Nghiêm Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	29.025	0,00081%	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 25/04/2013. Được HĐQT Vietcombank bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT kể từ ngày 01/11/2014. Thành viên không điều hành
2	Phạm Quang Dũng	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc	3.281	0,00009%	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 25/04/2013. Được HĐQT Vietcombank bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/11/2014.
3	Nguyễn Danh Lương	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	21.612	0,00060%	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 25/04/2013.
4	Yutaka Abe	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	0	0,00000%	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 25/04/2013.
5	Nguyễn Thị Dũng	Ủy viên HĐQT	3.105	0,00009%	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 25/04/2013. Thành viên độc lập
6	Lê Thị Hoa	Ủy viên HĐQT	6.313	0,00018%	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 25/04/2013. Thành viên không điều hành
7	Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên HĐQT	2.270	0,00006%	Được ĐHĐCĐ bất thường 2014 bầu là TV HĐQT kể từ ngày 26/12/2014. Thành viên không điều hành

Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2016, HĐQT Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (VCB) đã tổ chức họp 62 phiên (16 phiên toàn thể và 46 phiên theo cơ chế thường trực) để định hướng, chỉ đạo hoạt động của Vietcombank trong từng thời kỳ, xem xét quyết định các công việc thuộc thẩm quyền xử lý của HĐQT, cũng như trao đổi về một số chuyên đề cụ thể khác. Ngoài ra HĐQT và Thường trực HĐQT còn xử lý một số nội dung thông qua các hình thức xin ý kiến các thành viên bằng văn bản (14 lần). Chi tiết thống kê các phiên họp của HĐQT và sự tham gia của các thành viên HĐQT như sau:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1.	Nghiêm Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	76/76	100%	
2.	Phạm Quang Dũng	TV HĐQT, TGD	76/76	100%	
3.	Nguyễn Danh Lương	TV HĐQT ⁽¹⁾ , Phó TGD	16/16	100%	
4.	Yutaka Abe	TV HĐQT ⁽¹⁾ , Phó TGD	16/16	100%	
5.	Lê Thị Hoa	TV HĐQT	76/76	100%	
6.	Nguyễn Mạnh Hùng	TV HĐQT	76/76	100%	
7.	Nguyễn Thị Dũng	Thành viên độc lập HĐQT ⁽²⁾	16/16	100%	

Ghi chú:

(1): Các ông Nguyễn Danh Lương và Yutaka Abe là các TV HĐQT kiêm nhiệm, chỉ tính tỷ lệ tham gia họp đối với các phiên họp toàn thể; Ngoài ra, căn cứ tính chất từng vụ việc cụ thể, thành viên HĐQT Nguyễn Danh Lương có thể được mời tham dự các phiên họp thường trực nhưng không thống kê tại bảng nêu trên.

(2): Bà Nguyễn Thị Dũng là TV độc lập HĐQT, chỉ tham gia các phiên họp toàn thể.

Quản trị Công ty

CÁC ỦY BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cơ cấu các Ủy ban

Ủy ban Quản lý rủi ro

Ủy ban Quản lý rủi ro tham mưu cho HĐQT trong việc phê duyệt các chính sách và định hướng phù hợp trong từng thời kỳ liên quan đến các loại rủi ro (rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động...), bao gồm cả việc xác định các tỷ lệ, giới hạn/hạn chế và mức độ chấp nhận rủi ro của Ngân hàng.

Thành viên Ủy ban Quản lý rủi ro gồm có:

1. Ông **Nguyễn Mạnh Hùng**, thành viên HĐQT - Trưởng ban;
2. Bà **Nguyễn Thị Dũng**, thành viên độc lập của HĐQT - Thành viên;
3. Ông **Yutaka Abe**, Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc - Thành viên;
4. Bà **Đinh Thị Thái**, Phó Tổng Giám đốc - Thành viên;
5. Ông **Đào Hào**, Phó Tổng Giám đốc - Thành viên;
6. Bà **Nguyễn Thị Kim Oanh**, Phó Tổng Giám đốc - Thành viên;
7. Ông **Phạm Thanh Hà**, Phó Tổng Giám đốc - Thành viên;
8. Ông **Phạm Anh Tuấn**, Trưởng Ban Hiện đại hóa ngân hàng - Thành viên.

Trong năm 2016, Ủy ban Quản lý rủi ro đã tổ chức 4 phiên họp định kỳ, phối hợp với các phòng ban có liên quan để tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế của Vietcombank, tham mưu đề xuất cho HĐQT về các chiến lược, chính sách quản lý rủi ro, các biện pháp phòng ngừa rủi ro trên nhiều mặt hoạt động. Căn cứ trên đề xuất của Ủy ban, tháng 7/2016 HĐQT đã có quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của UBQLRR mới thay thế quyết định được ban hành năm 2012. Ủy ban cũng đóng vai trò tích cực trong việc xúc tiến triển khai các sáng kiến nhằm từng bước áp dụng Basel II theo lộ trình đã được phê duyệt. Bên cạnh đó, trong năm, Ủy ban đã thực hiện các chuyến công tác tới các khu vực để trao đổi, nắm bắt tình hình kinh doanh trên địa bàn và việc thực hiện các cơ chế chính sách của chi nhánh.

Ủy ban nhân sự

Ủy ban nhân sự là ủy ban có vai trò tham mưu, tư vấn cho HĐQT đối với các vấn đề liên quan đến nhân sự, chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các chính sách đãi ngộ khác của Vietcombank.

Thành viên Ủy ban Nhân sự gồm có:

1. Ông **Nghiêm Xuân Thành**, Chủ tịch HĐQT - Trưởng ban;
2. Ông **Phạm Quang Dũng**, Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc - Thành viên;
3. Bà **Lê Thị Hoa**, Ủy viên HĐQT - Thành viên;
4. Ông **Nguyễn Mạnh Hùng**, Ủy viên HĐQT - Thành viên;
5. Ông **Hồng Quang**, Trưởng Ban Tổ chức cán bộ - Thành viên.

Trong năm 2016, sau khi các văn bản quy chế về quản lý cán bộ đã được rà soát, ban hành mới đồng bộ, UBNS đã tích cực, chủ động trong việc đánh giá quản lý cán bộ thuộc phân cấp thẩm quyền. Thực hiện Quy định về tổ chức và hoạt động của UBNS, các vấn đề liên quan nhân sự lãnh đạo chủ chốt thuộc Trụ Sở chính và các đơn vị kinh doanh đều được UBNS nghiên cứu và có ý kiến đề xuất HĐQT xem xét phê duyệt, góp phần nâng cao năng lực, chất lượng trong việc quản lý cán bộ.

Các thành viên Hội đồng Quản trị đều đã tham gia các chương trình đào tạo về quản trị công ty.

Quản trị Công ty

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát

Tại thời điểm 01/01/2016, Ban Kiểm soát gồm có 04 thành viên, trong đó có 03 thành viên chuyên trách và 01 thành viên kiêm nhiệm, trong năm 2016 cơ cấu BKS không thay đổi so với thời điểm đầu năm. Dưới đây là danh sách cụ thể các thành viên Ban Kiểm soát và số lượng cổ phần sở hữu Vietcombank tại thời điểm 31/12/2016:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Sở hữu cổ phần của Vietcombank	
			Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu
1.	Trương Lệ Hiền	Trưởng BKS	5.051	0,00014%
2.	Vũ Thị Bích Vân	Thành viên BKS	0	0,00000%
3.	La Thị Hồng Minh	Thành viên BKS	3.281	0,00009%
4.	Đỗ Thị Mai Hương	Thành viên BKS	5.304	0,00015%

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát

BKS đã thực hiện giám sát HĐQT, BĐH trong việc thực hiện các định hướng và mục tiêu kinh doanh năm 2016 của Vietcombank được ĐHĐCĐ thông qua, giám sát việc tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng trong việc quản trị, điều hành. Nhìn chung, trong năm 2016, HĐQT và BĐH đã chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của Vietcombank theo đúng mục tiêu, các chỉ tiêu kinh doanh đạt kết quả tốt so với kế hoạch đề ra; HĐQT và BĐH đã tuân thủ các quy định của Luật TCTD và Điều lệ Ngân hàng trong quản trị, điều hành.

Thực hiện theo quy định của Luật TCTD, BKS đã thực hiện theo dõi danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và người có liên quan của TV HĐQT, TV BKS, TGD và cập nhật thông tin định kỳ. Trong năm 2016, tại Vietcombank phát sinh một giao dịch nội bộ mua cổ phiếu Vietcombank, giao dịch được thực hiện đúng quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thực hiện Quy chế quản trị nội bộ Vietcombank, BKS thường xuyên tham gia các cuộc họp thường xuyên/định kỳ của HĐQT/thường trực HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng của BĐH. BKS cũng được cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của ngân hàng phục vụ cho việc kiểm soát của BKS. Các thành viên BKS được tham gia các khóa học, hội thảo nghiệp vụ nhằm nâng cao kiến thức quản trị, điều hành ngân hàng.

Thông qua hoạt động kiểm soát, BKS đã đưa ra các đề xuất, kiến nghị với HĐQT, BĐH các biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ngân hàng và hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh doanh năm 2016 của Vietcombank.

Trong năm 2016, BKS đã hoàn thành việc lập báo cáo đánh giá hệ thống KSNB năm 2015, thực hiện công tác thẩm định BCTC năm 2015 và 06 tháng đầu năm 2016, tổ chức thực hiện 20 cuộc kiểm toán tại các đơn vị và 4 cuộc kiểm toán theo chuyên đề, thực hiện giám sát với các mảng hoạt động của ngân hàng và giám sát hoạt động của các công ty con, theo dõi việc tuân thủ các tỷ lệ đảm bảo an toàn.

Năm 2016, BKS đã làm đầu mối triển khai dự án Nâng cao năng lực Kiểm tra/Kiểm toán nội bộ và chuyển đổi chức năng kiểm toán nội bộ (thuộc chương trình Basel II của ngân hàng) và dự án kiểm toán công nghệ thông tin; thực hiện đào tạo cán bộ thuộc BKS.

Danh sách và nội dung các phiên họp thường kỳ của Ban Kiểm soát

Ngày	Số lượng TV BKS dự họp	Nội dung cuộc họp
17/03/2016	4/4	<ul style="list-style-type: none"> Tổng kết hoạt động của BKS năm 2015 và định hướng hoạt động năm 2016. Thông qua báo cáo kết quả thẩm định BCTC năm 2015 của NHNT. Thông qua dự thảo báo cáo của BKS tại ĐHĐCĐ thường niên 2016.
02/08/2016	3/4	<ul style="list-style-type: none"> Sơ kết tình hình hoạt động của BKS 06 tháng đầu năm và định hướng công tác 06 tháng cuối năm 2016. Báo cáo kết quả thẩm định BCTC 06 tháng đầu năm 2016 của NHNT.
26/09/2016	4/4	<ul style="list-style-type: none"> Chuyển đổi chức năng của kiểm toán nội bộ theo yêu cầu quản trị rủi ro của Basel II.
26/12/2016	4/4	<ul style="list-style-type: none"> Thống nhất nội dung thẩm định Báo cáo tài chính năm 2016 của NHNT.

THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH VÀ CHI PHÍ CHO THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Tại Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên lần thứ chín của Ngân hàng ngày 15/04/2016, ĐHĐCĐ đã phê duyệt mức thù lao đối với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2016 bằng 0,35% lợi nhuận sau thuế.

Trên thực tế, Thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát được hưởng lương và các phúc lợi khác theo Quy chế tiền lương và các quy định hiện hành của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Tổng mức chi cho các Thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2016 không vượt quá mức được ĐHĐCĐ phê duyệt.

GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Trong năm 2016 có phát sinh giao dịch mua cổ phiếu của Chủ tịch HĐQT, cụ thể như sau:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu trước khi giao dịch		Số cổ phiếu sở hữu sau khi giao dịch		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ông Nghiêm Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	11.500	0,00043%	21.500	0,00081%	Mua

Quản trị Công ty

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Hoạt động quan hệ nhà đầu tư trong năm 2016 tiếp tục được đẩy mạnh và có nhiều đổi mới. Một mặt Vietcombank thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin, mặt khác thường xuyên tiếp xúc, trao đổi thông tin với nhà đầu tư, đảm bảo cung cấp thông tin minh bạch và kịp thời tới cộng đồng các nhà đầu tư. Hiệu quả hoạt động quan hệ nhà đầu tư đã củng cố niềm tin của nhà đầu tư, gây dựng mối quan hệ hai chiều chặt chẽ, ghi nhận những góp ý hữu ích từ các nhà đầu tư và kết nối các cơ hội hợp tác kinh doanh cho Vietcombank.

Tiếp xúc nhà đầu tư

- Tổ chức 85 cuộc tiếp xúc và làm việc tại Vietcombank với hơn 200 nhà đầu tư cá nhân/tổ chức, các công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ trong, ngoài nước.
- Các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm tìm hiểu về Vietcombank đến từ nhiều quốc gia khác nhau, trong đó nhiều nhất là các quỹ đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, tiếp sau đó là các nhà đầu tư Mỹ, Nhật Bản, Singapore, Châu Âu.

Qua tiếp xúc, các nhà đầu tư đã được cập nhật kịp thời về những diễn biến kinh tế vĩ mô và ngành ngân hàng, về tình hình hoạt động cũng như triển vọng phát triển của Vietcombank. Kết quả hoạt động kinh doanh tốt cùng hiệu quả công tác quan hệ nhà đầu tư là lý do chính giúp cổ phiếu Vietcombank luôn được giao dịch ở mức giá cao nhất so với các cổ phiếu cùng ngành và được các nhà đầu tư nước ngoài liên tục duy trì trạng thái mua ròng.

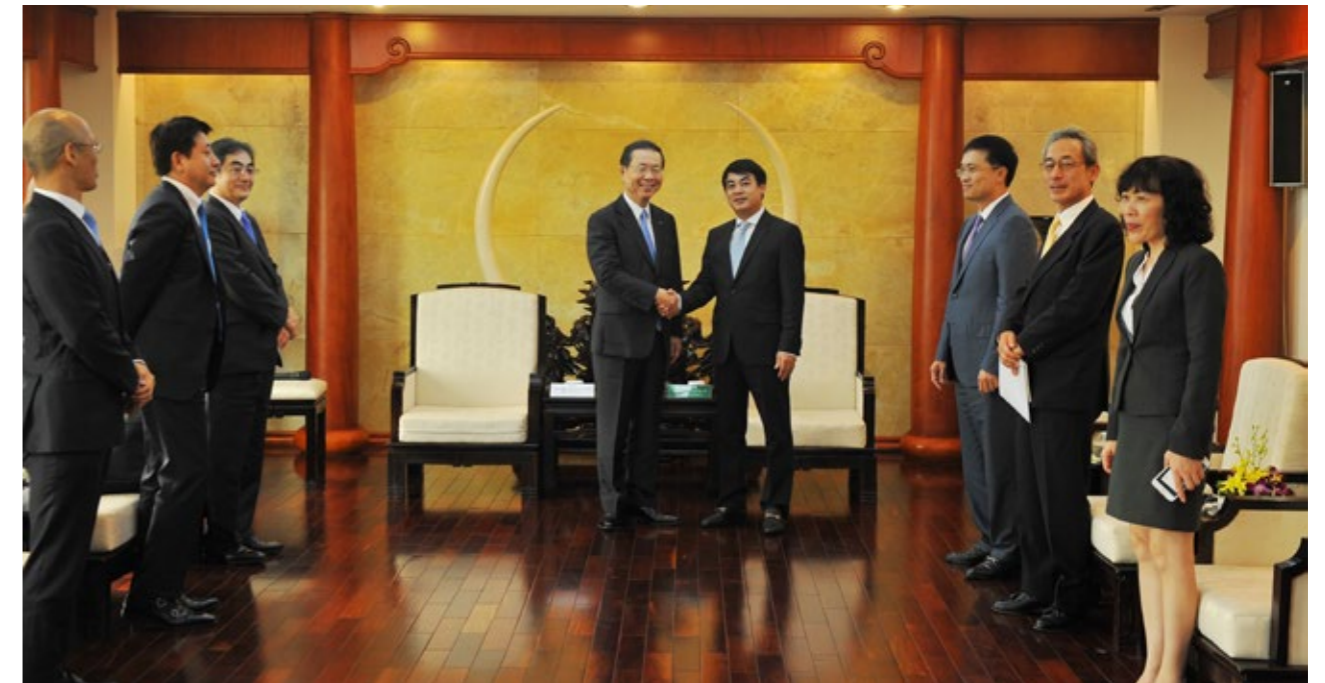
85 cuộc tiếp
xúc và làm việc
với hơn 200
nhà đầu tư
cá nhân/tổ chức



Tham dự các Hội nghị đầu tư quốc tế

Là công ty đại chúng lớn, có tầm ảnh hưởng, đồng thời với đội ngũ IR được đánh giá cao, hàng năm Vietcombank được mời tham gia nhiều sự kiện đầu tư trong và ngoài nước. Năm 2016, Vietcombank đã lựa chọn tham gia một số sự kiện tiêu biểu sau:

- **Chuỗi hội nghị Đầu tư quốc tế do Credit Suisse tổ chức tại các trung tâm tài chính lớn của thế giới:** Tại Singapore (01/2016), tại London và New York (02/2016), và tại Hongkong (04/2016). Đây là chuỗi sự kiện thường niên, có quy mô lớn và thu hút sự tham dự của trên 300 công ty niêm yết với khoảng 900 nhà đầu tư.
- **Chương trình đối thoại gặp gỡ nhà đầu tư Vietnam Access Day tại TP. Hồ Chí Minh (03/2016):** VAD là một trong những sự kiện đầu tư với quy mô lớn nhất tại Việt Nam, với sự góp mặt của trên 300 lãnh đạo, chuyên gia đại diện cho các công ty niêm yết hàng đầu tại Việt Nam cùng các quỹ đầu tư trong và ngoài nước.
- **Các sự kiện đầu tư do Daiwa Capital Markets (Nhật Bản), SGDC TP.HCM tổ chức tại Singapore (08/2016), Hong Kong (11/2016):** Là một công ty niêm yết hàng đầu tại HOSE, Vietcombank là một trong số ít các doanh nghiệp Việt Nam liên tục được mời tham gia các sự kiện trên, qua đó đã thông tin và kết nối với hàng trăm nhà đầu tư quốc tế có uy tín hoạt động tại thị trường Singapore và Hong Kong.



Quản trị rủi ro

Nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản trị rủi ro, Vietcombank đã thực hiện quản trị rủi ro một cách toàn diện, khoa học và có hệ thống nhằm nhận dạng, kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu những tổn thất có thể phát sinh.



RỦI RO TÍN DỤNG

Vietcombank luôn chủ động nghiên cứu và áp dụng các phương pháp quản trị rủi ro tín dụng hiện đại, phù hợp với thông lệ quốc tế tốt nhất, cụ thể:

- Vietcombank, 1 trong 10 ngân hàng được NHNN lựa chọn tham gia thực hiện Hiệp ước vốn Basel II tại Việt Nam, đã chủ động đánh giá hiện trạng và xây dựng lộ trình triển khai các sáng kiến để đáp ứng tiêu chuẩn Basel II, yêu cầu của cơ quan quản lý. Hiện nay, bám sát lộ trình thực hiện, Vietcombank đã đạt được những kết quả khả quan là nền tảng cho việc triển khai thành công Chương trình Basel II, như thiết lập văn hóa và khẩu vị rủi ro, kiện toàn bộ máy quản trị, phân tách rõ chức năng của 3 tầng bảo vệ trong quản trị rủi ro, hình thành cơ cấu tổ chức trong quản trị dữ liệu, xây dựng/rà soát các mô hình định lượng, các công cụ đo lường...;
- Hoàn thiện mô hình hoạt động tín dụng, hướng đến tập trung, chuyên môn hóa theo chức năng, phân tách giữa kinh doanh và quản trị rủi ro. Vietcombank đã xây dựng mô hình hoạt động mục tiêu phù hợp với thông lệ quốc tế, với điều kiện thị trường Việt Nam và chiến lược phát triển của Vietcombank. Thành công của quá trình chuyển đổi mô hình hoạt động sẽ là bước thay đổi lớn trong hoạt động tín dụng của Vietcombank trên tất cả các khía cạnh - mô hình tổ chức, quản trị, con người và hệ thống công nghệ;
- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cảnh báo sớm. Theo đó, một hệ thống cảnh báo sớm tốt sẽ giúp

Ngân hàng kịp thời phát hiện rủi ro có thể phát sinh, từ đó có kế hoạch hành động kịp thời trong quản lý khách hàng để hạn chế tối đa rủi ro, đồng thời tăng hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát;

- Để phát huy hiệu quả vai trò của 3 tầng bảo vệ, Vietcombank đã thực hiện nâng cấp, nâng cao năng lực của bộ máy kiểm tra, kiểm toán nội bộ. Theo đó, kiện toàn và tập trung hóa chức năng kiểm tra nội bộ tại Trụ sở chính, đồng thời thành lập các bộ phận kiểm tra nội bộ tại các khu vực trên toàn quốc. Đồng thời, triển khai việc thuê tư vấn quốc tế để thực hiện dự án nâng cao năng lực kiểm toán nội bộ nhằm đáp ứng các yêu cầu của chuẩn mực/thông lệ quốc tế.

RỦI RO THANH KHOẢN

Công tác quản trị rủi ro thanh khoản của Vietcombank luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của NHNN về tỷ lệ khả năng chi trả và thanh khoản trong hoạt động ngân hàng. Để đảm bảo nguyên tắc đó, Vietcombank đã thực hiện quản lý sát sao hơn tình hình biến động cung cầu vốn ngay trong ngày để có những biện pháp xử lý nhanh chóng, cân đối giữa an toàn thanh khoản và hiệu quả kinh doanh của Vietcombank.

Vietcombank luôn bám sát mục tiêu hướng tới đáp ứng các chuẩn mực và thông lệ quốc tế về quản lý rủi ro thanh khoản trong hoạt động ngân hàng. Vì vậy, ngoài việc tuân thủ quy định của cơ quan quản lý, Vietcombank đã chủ động hoàn thiện khả năng quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc thực hiện thử nghiệm căng thẳng thanh khoản trên cơ sở thống

kê và dự báo luồng tiền theo các kịch bản, có kế hoạch dự phòng trong điều kiện bình thường hoặc khi có các biến cố xảy ra gây ảnh hưởng tới thanh khoản của ngân hàng. Đồng thời, để kịp thời sẵn sàng ứng phó với những tình huống căng thẳng có thể xảy ra, Vietcombank đã thiết lập các kế hoạch dự phòng thanh khoản cụ thể tương ứng với từng kịch bản khủng hoảng.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Đối với công tác quản trị rủi ro lãi suất, Vietcombank đã thiết lập hệ thống chính sách, quy trình nhằm nhận diện, đo lường, giám sát và báo cáo rủi ro theo thông lệ quốc tế. Vietcombank đã tiến hành đo lường, quản lý chênh lệch kỳ hạn tái định giá giữa tài sản có nhạy cảm lãi suất và tài sản nợ nhạy cảm lãi suất, sử dụng sản phẩm phái sinh phù hợp để giảm thiểu tác động tiêu cực của biến động lãi suất.

Đối với công tác quản trị rủi ro ngoại hối, Vietcombank thiết lập hệ thống chính sách quản lý tập trung trạng thái ngoại tệ của toàn hệ thống và các biện pháp phòng ngừa rủi ro để hạn chế các tác động của biến động tỷ giá đến hoạt động ngân hàng.

Năm 2016, Vietcombank tiếp tục triển khai áp dụng khung quản lý rủi ro thị trường theo yêu cầu của Basel II, triển khai một số mô hình về quản trị rủi ro thị trường như: Mô hình đo lường rủi ro thị trường giao dịch, mô hình đo lường rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng... và áp dụng một số hạn mức rủi ro thị trường theo thông lệ quốc tế.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Song song với công tác quản lý rủi ro nói chung của toàn hàng, công tác quản lý rủi ro hoạt động (QLRRHĐ) của Vietcombank liên tục được cải thiện để đáp ứng yêu cầu quản lý rủi ro của chính ngân hàng, yêu cầu của cơ quan quản lý, cũng như chuẩn mực tiên tiến trên thế giới. Mô hình, cơ cấu tổ chức, và các chính sách, quy trình QLRRHĐ theo tiêu chuẩn Basel II tiếp tục được hoàn thiện, đồng thời các công cụ QLRRHĐ được triển khai rộng khắp trên toàn hệ thống. Trong năm 2016, việc triển khai các dự án nâng cao năng lực quản trị rủi ro của Vietcombank theo Hiệp ước vốn Basel II được thực hiện mạnh mẽ.

Để phát hiện, ngăn ngừa, và giảm thiểu rủi ro hoạt động, hệ thống kiểm tra, kiểm soát, quản lý rủi ro và kiểm toán nội bộ của Vietcombank thường xuyên đánh giá tính tuân thủ, tính đầy đủ, phù hợp của quy trình, quy chế, của các hoạt động nghiệp vụ cũng như cảnh báo rủi ro hoạt động có thể phát sinh trong mọi hoạt động ngân hàng.

Ngoài ra, với rất nhiều hoạt động được thực hiện dựa trên nền tảng công nghệ, sử dụng hệ thống CNTT cho hoạt động kiểm tra tài chính, QLRR, phân tích tín dụng, báo cáo, kế toán, dịch vụ khách hàng và các vấn đề khác, việc bảo đảm vận hành tốt hệ thống CNTT và nâng cao hơn nữa hiệu quả QLRRHĐ trong lĩnh vực CNTT được coi là một mục tiêu quan trọng của ngân hàng trong thời gian tới, và việc thành lập chức năng Quản trị rủi ro Công nghệ thông tin độc lập với Trung tâm CNTT trong năm 2016 thể hiện quyết tâm của Vietcombank trong thực hiện mục tiêu này.

Mạng lưới hoạt động

STT	Mã CN	Chi nhánh	Địa chỉ	Điện thoại	Fax
1	15	An Giang	30-32 Hai Bà Trưng, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	0763.841243	0763.841591
2	61	Ba Đình	521 Kim Mã, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	04.37665318	04.37665313
3	84	Bắc Bình Dương	Lô D1-4-TT, Đường NA3, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	0650.3697979	0650.3618787
4	73	Bắc Giang	179 Hùng Vương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	0240.3855576	0240.3855575
5	64	Bắc Hà Tĩnh	Số 52 Đường Trần Phú, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	039.6262555	039.6269555
6	89	Bạc Liêu	Số 14-15 lô B đường Bà Triệu, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.	0781.3953142	0781.3955055
7	35	Bắc Ninh	Ngã 6, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	0241.3811849	0241.3811848
8	50	Bắc Sài Gòn	Khu hành chính, đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, thành phố HCM	08.37654666 - 08.22275252	08.37651327
9	24	Bến Tre	Số 55B3, đại lộ Đồng Khởi, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	075.6252444	075.6253666
10	48	Biên Hòa	Số 22, đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	061.3995981	061.3991947
11	5	Bình Định	66C đường Lê Duẩn, phường Lý Thường Kiệt, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	056.3522498	056.3523181
12	28	Bình Dương	314 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	06503831221	06503837306
13	104	Bình Phước	Số 744 đường Phú Riêng Đò, phường Tân Xuân, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	06513 55 88 88	06513 386 7575
14	25	Bình Tây	129-129A Hậu Giang, phường 5, Quận 6, thành phố HCM	08.39600477	08.39606217
15	62	Bình Thuận	Số 187 - 189 đại lộ Tôn Đức Thắng, phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	062.3739064	062.3739290
16	19	Cà Mau	Số 07 đường An Dương Vương, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	0780.3833399	0780.3833466
17	11	Cần Thơ	03-05-07 Hòa Bình, phường Tân An, Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	0710.3820445 0710.3820192	0710.3817299
18	47	Châu Đốc	55 Lê Lợi, Phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang	076.3565603	076.3565703
19	54	Chương Dương	564 Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội	04.36523333	04.36522949
20	4	Đà Nẵng	140-142 Lê Lợi, phường Hải Châu, Quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	0511.3822110	0511.3826062
21	23	Đắk Lắk	06 Trần Hưng Đạo, phường Thắng Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	05003855039	05003855038
22	96	Đông Anh	Thôn Nghĩa Lại, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	04.38835999	04.38835888
23	12	Đồng Nai	Số 53-55, đường Võ Thị Sáu, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	0613.823666	0613.824191
24	53	Đồng Sài Gòn	Số 199 Điện Biên Phủ, phường 15, Quận Bình Thạnh, thành phố HCM	08.38407924	08.38407923
25	60	Đồng Tháp	Số 66, đường 30/4, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	067.3872110	067.3872119
26	57	Dung Quất	KCN Đông Dung Quất, KKT Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	055.3632333	055.3632336
27	88	Gia Định	Số 423-425 đường Lê Văn Việt, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh	08.37307799	08.37361199
28	29	Gia Lai	33 Quang Trung, phường Hội Thương thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	059.3828595	059.3828592
29	91	Gò Vấp	Số 366A33 đường Phan Văn Trị, phường 5, Quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh	08.39856868	08.39856869

STT	Mã CN	Chi nhánh	Địa chỉ	Điện thoại	Fax
30	52	Hạ Long	166 Đường Hạ Long, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	033.3811911	033.3844746
31	90	Hà Nam	TTTT DV Hải Hà, đường Lê Hoàn, phường Hai Bà Trưng, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam	0351.3616666	0351.3616567
32	2	Hà Nội	Tầng 1 đến tầng 5, số 11B Cát Linh, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.	04.39746666	04.39747065
33	69	Hà Tây	Lô HH-03, Điểm tiểu thủ công nghiệp làng nghề Vạn Phúc, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	043.3554545	043.3554444
34	85	Hà Thành	Số 344 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	04.36503333	04.32252222
35	20	Hà Tĩnh	Số 02 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	0239.3857003 - 0239.3777886	0239.3857002
36	34	Hải Dương	Số 66 Nguyễn Lương Bằng, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	0320.3891259	0320.3891807
37	3	Hải Phòng	Số 275 Lạch Tray, phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	0313842658	031.38421117
38	7	Hồ Chí Minh	Tòa nhà VBB, số 5 công trường Mê Linh, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố HCM	08.38297245	08.38297228
39	30	Hoàn Kiếm	23 Phan Chu Trinh, phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	043.9335566	043.9335580
40	93	Hoàng Mai	Tầng 1,2, Tower 1, Times City, 458 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	04.38383383	04.32115555
41	16	Huế	78 Hùng Vương, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	0234.3811900	0234.3824631
42	42	Hùng Vương	664 Sư Vạn Hạnh, phường 12, Quận 10, thành phố HCM	08.38682467	08.38624804
43	59	Hung Yên	Thị trấn Bản Yên Nhân, huyện Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên	0321.3941886	0321.3941044
44	6	Khánh Hòa	17 Quang Trung, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	0583.568899	0583.815114
45	9	Kiên Giang	Số 89, đường 3 tháng 2, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	077.3862749	077.3866243
46	76	Kon Tum	348 Trần Hưng Đạo, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	060.3703337	060.3913516
47	72	Kỳ Đồng	13-13 Bis Kỳ Đồng, phường 9, Quận 3, thành phố HCM	08.39318968	08.39318953
48	56	Lâm Đồng	Số 33 Nguyễn Văn Cừ, phường 1, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	063.3511811	063.3533666
49	98	Lạng Sơn	Tầng 1, trung tâm thương mại Phú Lộc, khu dự án Phú Lộc IV, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	025.3866363	025.3859859
50	95	Lào Cai	Số 79 đường Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai	0214.3828396	0214.3828261
51	63	Long An	Số 2A, Phạm Văn Ngũ, khu phố 5, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	072.3633684	072.3633687
52	87	Long Khánh	Số 165, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Xuân An, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	0613.646151	0613.646157
53	55	Móng Cái	Số 05, đường Hùng Vương, phường Trần Phú, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	033.3757575	033.3881676
54	41	Nam Bình Dương	Số 121 đường ĐT 743B, khu phố Thống Nhất 1, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	06507307777	06503710725
55	100	Nam Đà Nẵng	Số 137 đường Ngũ Hành Sơn, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng	0511.3932999	0511.3932009
56	83	Nam Định	Số 91 Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	0350.3558666	0350.3558333
57	97	Nam Hà Nội	Tầng 1,2,3, Tòa nhà "Nhà ở cao tầng và dịch vụ Cầu Tiên", 1277 Giải Phóng, phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	04.38699696	04.36281000

Mạng lưới hoạt động

STT	Mã CN	Chi nhánh	Địa chỉ	Điện thoại	Fax
58	103	Nam Hải Phòng	Số 11 Hoàng Diệu, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	031.3552299	031.3569611
59	18	Nam Sài Gòn	Tầng 1,2,3,4 Tòa nhà V6, plot V, Khu đô thị mới Himlam, 23 Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Hưng, Quận 7, thành phố HCM	08.37701634	08.37701635
60	10	Nghệ An	Số 21 Đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	038.3842033	038.3842192
61	92	Nhà Rong	Nguyễn Lâm Tower, số 133 đường Dương Bá Trạc, Phường 1, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh	08.38516688	08.38515567
62	58	Nha Trang	21 Lê Thành Phương, phường Vạn Thắng, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	058.3829689 - 3826279	058. 3829682
63	40	Nhon Trạch	Đường Nguyễn Hữu Cảnh, ấp Xóm Hố, xã Phú Nội, huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai	061.3521888	061.3521999
64	22	Ninh Bình	Số 872 Trần Hưng Đạo, phường Tân Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	030.3894444	030.3894446
65	81	Ninh Thuận	số 47 đường 16/4, phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận	0683.922755	0683.922756
66	102	Phố Hiến	Số 186 đường Chu Mạnh Trinh, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	0321.3596666	0321.3796666
67	101	Phú Quốc	Số 1A, đường Hùng Vương, khu phố 1, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	077.3626264	077.3626265
68	53	Quy Nhơn	433 Lạc Long Quân, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	056.3541377	056.3741007
69	80	Phú Thọ	1606A Đại Lộ Hùng Vương, phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	0210.3766666	0210.3766667
70	75	Phú Yên	194-196 Hùng Vương, phường 7, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	057.3811709	057.3818186
71	31	Quảng Bình	Số 03 Lý Thường Kiệt, phường Hải Đình, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	052.3840380	052.3828347
72	65	Quảng Nam	35 Trần Hưng Đạo, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	0235.3813062	0235.3813235
73	27	Quảng Ngãi	345 Hùng Vương, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	0553.828578	0553.711482
74	14	Quảng Ninh	Đường 25/4, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	033.3629215	033.3827206
75	77	Quảng Trị	51 TRẦN HƯNG ĐẠO, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	053.3555727	053.3555726
76	33	Sài Gòn	69 Bùi Thị Xuân, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	08.38359323	08.38325041
77	51	Sài Thành	2D-2E Lý Thường Kiệt, P12, Quận 5, thành phố HCM	08.39572974	08.39573380
78	1	Sở giao dịch	31-33 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	04.39368547	04.38241395
79	94	Sóc Sơn	Số nhà 51, đường Quốc Lộ 3, tổ 12, thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	04.35950000	04.35950505
80	32	Sóc Trăng	Số 3 Trần Hưng Đạo, khóm 6, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	079.3621752	079.3610137
81	46	Sóng Thần	Số 79/8 Khu phố Bình Đường 2, phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	0650.3792158	0650.3792387
82	44	Tân Bình	108 Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh	08.38157777	08.38106838
83	37	Tân Định	72 Phạm Ngọc Thạch, phường 6, Quận 3, thành phố HCM	08.38208762	08.38206846
84	39	Tây Cần Thơ	Lô 30A7A, Khu công nghiệp Trà Nóc, Quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	0710.3844272	0710.3843056
85	99	Tây Hồ	Số 565 Lạc Long Quân, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội	04.37581111	04.37585399
86	70	Tây Ninh	Số 313, đường 30/4, khu phố 1, phường 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh	066.3818997	066.3818998

STT	Mã CN	Chi nhánh	Địa chỉ	Điện thoại	Fax
87	17	Tây Sài Gòn	Số 321-323-325 đường Phạm Hùng, khu dân cư Him Lam, ấp 4A, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh	08.37589297	08.37589298
88	21	Thái Bình	Số 75, Đường Lê Lợi, phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	0363.836994	0363.836994
89	82	Thái Nguyên	Số 10 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	0280.3658200	0280.3658219
90	49	Thăng Long	Tòa nhà PVOIL Phú Thọ, số 148 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	04.37557194	04.37569006
91	45	Thành Công	Lô 3 Ô 4.1 CC Hoàng Đạo Thúy, phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	04.62578686	04.37761747
92	78	Thanh Hóa	05 Phan Chu Trinh, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	0373.728286	0373.728386
93	71	Thanh Xuân	448-450 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	04.35578589	04.35574140
94	38	Thủ Đức	Khu chế xuất Linh Trung I, phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	08.38966806	08.37291335
95	26	Thủ Thiêm	Số 55-56 đường Song Hành, phường An Phú, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	08.73079668	08.73079530
96	67	Tiền Giang	152 Đinh Bộ Lĩnh, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.	073.3976999	073.3975878
97	74	Trà Vinh	Số 28 đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	074.3868780	074.3868791
98	86	Vinh	Số 9, đường Nguyễn Sỹ Sách, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	038.8699567	038.8699568
99	79	Vĩnh Long	1D-1E, Hoàng Thái Hiếu, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	0703.837981	0703.836479
100	36	Vĩnh Phúc	Số 392A, đường Mê Linh, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	0211.3720920	0211.3720921
101	8	Vũng Tàu	Số 27 Trần Hưng Đạo, phường 1, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	064.3852309	064.3859859

VCB Leasing

Tầng 4, Tòa nhà 25T1 N05, phố Hoàng Đạo Thúy, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
[T] : (84.4) 3928 9289
[F] : (84.4) 3928 9150

VCBS

Tầng 12- Tầng 17 VCB Tower,
198 Trần Quang Khải, TP. Hà Nội
[T] : (84.4) 3936 6990
[F] : (84.4) 3936 0262

VCB Tower

Phòng 1406, Tầng 14, VCB Tower, 198 Trần Quang Khải, TP. Hà Nội
[T] : (84.4) 3934 0919
[F] : (84.4) 39340920

VINAFICO

Tầng 16, Tòa nhà Golden Star, 20 Lockhart Road, Hongkong
[T] : (852) 2865 39057
[F] : (852) 2865 3908

VCB Money

14482 Beach Blvd; Suite X&Y; Westminster, CA 92683, United States
[T] : 1-714-979-1055
[F] : 1-714-979-1278

VPĐD Singapore

1 Raffles Place, #26-03 OUB Centre, Singapore 048616
[T] : +65 6323 7558
[F] : +65 6323 7559

VPĐD TP. HCM

Tầng 33-34 Tòa nhà VBB, Số 5 Công Trường Mê Linh, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
[T] : (84.8) 3982 6468
[F] : (84.8) 3939 3948

VCBF

Tầng 15, VCB Tower, 198 Trần Quang Khải, TP. Hà Nội
[T] : (84.4) 3936 4540
[F] : (84.4) 3936 4542

VCB Bonday

35 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM
[T] : (84.8) 3821 3345
(84.8) 3821 3377
[F] : (84.8) 3821 3346

VCB Bonday Bến Thành

P.602, Lầu 6, Harbour View Tower, số 35 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM
[T] : (84.8) 3915 3365

VCLI

Tầng 11 Tháp Capital, 109 Trần Hưng Đạo, TP. Hà Nội
[T] : (84.4) 3936 8507

Các em học sinh tham gia trò chơi lắp ghép tranh với nội dung "Bảo vệ hành tinh Xanh" chương trình trong chuỗi dự án "Green for life - Màu xanh cho cuộc sống" mà Vietcombank triển khai.



GỬI NIỀM TIN
VUN ĐẮP CHO TƯƠNG LAI

5

CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

• Hoạt động an sinh xã hội Vietcombank 2016

Cộng đồng và xã hội



NĂM 2016,
VIETCOMBANK
ĐÃ DÀNH HƠN

234

TỶ ĐỒNG
CHO CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI

1.220

TỶ ĐỒNG
LÀ SỐ TIỀN VIETCOMBANK ĐÃ DÀNH CHO
HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2010-2016

HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI VIETCOMBANK

Với mục tiêu xuyên suốt là hướng tới một ngân hàng Xanh, phát triển bền vững vì cộng đồng, hoạt động an sinh xã hội của Vietcombank không ngừng được đẩy mạnh với nhiều chương trình thiết thực, có ý nghĩa, đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng, xã hội.

Chuỗi hoạt động an sinh xã hội được Vietcombank triển khai suốt nhiều năm qua với sự tham gia tích cực từ Trụ sở chính đến các chi nhánh trên toàn quốc, mục tiêu của các hoạt động không nằm ngoài việc chia sẻ khó khăn và nâng cao chất lượng đời sống dân nghèo tại những địa phương còn nhiều khó khăn trên cả nước.

Năm 2016, Vietcombank đã dành hơn 234 tỷ đồng cho công tác an sinh xã hội. Trong giai đoạn 2010-2016, số tiền cho hoạt động này là trên 1.220 tỷ đồng.



Cộng đồng và xã hội

HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI VIETCOMBANK (tiếp theo)

Một số chương trình an sinh xã hội tiêu biểu mà Vietcombank đã thực hiện trong thời gian qua:

TRIỂN KHAI
XÂY DỰNG **620**
căn nhà tình nghĩa



NGHĨA TÌNH TRƯỜNG SƠN

Chương trình do báo Sài Gòn giải phóng phát động nhằm vận động nguồn lực toàn xã hội chung tay góp sức chăm lo cho các gia đình thương binh liệt sĩ, cựu chiến binh, cựu thanh niên xung phong và đồng bào nghèo đang sinh sống dọc tuyến đường Trường Sơn. Vietcombank đã đồng hành cùng chương trình, đóng góp hơn 44 tỷ đồng triển khai xây dựng 620 căn nhà tình nghĩa, tặng 1.200 suất học bổng, xây dựng đền tưởng niệm liệt sĩ Trường Sơn tại Bến phà Long Đại (tỉnh Quảng Bình) và Bến Tắt (tỉnh Quảng Trị), xây dựng tháp chuông và đúc chuông tại nghĩa trang liệt sĩ Ba Dốc, tỉnh Quảng Bình.



THÔNG ĐIỆN XANH TỪ LÒNG ĐẤT

Đây là chương trình hành động quốc gia khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh được Ban Chỉ đạo nhà nước triển khai theo Quyết định số 504/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Mục tiêu mà chương trình đặt ra là huy động nguồn lực trong nước và quốc tế nhằm giảm thiểu và tiến tới khắc phục hoàn toàn ảnh hưởng của bom mìn, phục vụ phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an toàn cho nhân dân, giúp đỡ nạn nhân bom mìn hòa nhập đời sống xã hội. Vietcombank vinh dự được tham gia đồng hành cùng chương trình.



Cộng đồng và xã hội

HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI VIETCOMBANK (tiếp theo)

VIETCOMBANK
ĐÃ ĐỒNG HÀNH

04

năm

cùng giải thưởng
Nhân tài Đất Việt



NHÂN TÀI ĐẤT VIỆT

Giải thưởng Nhân tài Đất Việt do Hội Khuyến học Việt Nam cùng Báo Dân trí tổ chức thường niên, khởi đầu là khuyến khích và tôn vinh tài năng trong lĩnh vực CNTT - truyền thông. Qua các năm, Giải thưởng Nhân tài Đất Việt không ngừng mở rộng ra các lĩnh vực Khoa học công nghệ, Y dược, Môi trường và Khuyến tài.

Vietcombank đã đồng hành cùng Giải thưởng Nhân tài Đất Việt trong suốt 4 năm qua (2013-2016) với mong muốn được chung tay cùng Ban Tổ chức để khơi dậy sự sáng tạo từ cộng đồng, đặc biệt là những sáng kiến, nghiên cứu của các cá nhân, tập thể đem lại những giải pháp thiết thực cho cộng đồng, thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội Việt Nam trên nhiều lĩnh vực.



THẮP SÁNG ƯỚC MƠ THIẾU NHI VIỆT NAM

Chương trình **"Thắp sáng ước mơ thiếu nhi Việt Nam"** là hoạt động thường niên (được tổ chức lần đầu tiên năm 2008) do Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh phối hợp với Hội đồng Đội Trung ương thực hiện, dành cho trẻ em nghèo hiếu học và trẻ em lang thang đường phố, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn. Qua 9 năm thực hiện và được tổ chức tại các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Nghệ An, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Đà Nẵng, chương trình đã nhận được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, sự ủng hộ to lớn của các tổ chức, cá nhân với mục đích chung tay góp sức cùng cộng đồng, chia sẻ với các em thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn, tiếp thêm nghị lực và niềm tin cho các em vươn lên trong cuộc sống. Vietcombank đã đồng hành trong 9 năm qua với vai trò đơn vị đồng tổ chức chương trình.



Cộng đồng và xã hội

HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI VIETCOMBANK (tiếp theo)

MÀU XANH CHO CUỘC SỐNG

"Green for life - Màu xanh cho cuộc sống" là dự án hướng tới việc nâng cao nhận thức cho học sinh tiểu học về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường sống xung quanh, được Vietcombank triển khai tại một số trường tiểu học trên địa bàn Hà Nội trong thời gian cuối năm 2016, đầu năm 2017. Mong muốn lớn nhất của những người làm dự án là phát triển ý thức trách nhiệm cộng đồng cho học sinh thông qua các hoạt động ý nghĩa.

Với nội dung gần gũi, đội ngũ tình nguyện viên của chương trình **"Green for life"** khéo léo truyền cảm hứng bảo vệ môi trường cho các bạn nhỏ Hà Nội thông qua những trò chơi tương tác vô cùng lý thú. Tham gia vào chương trình, các học sinh tiểu học không chỉ được hòa mình vào nhiều hoạt động thú vị mà còn được hướng dẫn cách để nhận biết những loại rác thải nào là rác vô cơ và loại rác thải nào là rác hữu cơ, bỏ vào các thùng đựng rác màu xanh đậm hoặc xanh nhạt do Vietcombank tài trợ.

Qua từng hoạt động cụ thể, các em học sinh đã dần hiểu rõ hơn về sự cần thiết của việc phân loại rác, những loại rác có thể phân hủy và những loại rác không thể phân hủy cần phải được xử lý đúng cách để có thể tái chế trước khi thải ra ngoài môi trường. Đây đều là những kiến thức thực tế rất bổ ích mà các bạn nhỏ cần phải ghi nhớ để vận dụng thường xuyên trong cuộc sống hàng ngày. Ngoài ra, các em còn được tham gia các trò chơi như ghép tranh liên quan đến bảo vệ môi trường rất ý nghĩa.

Những trải nghiệm này đã mang đến cho các em học sinh những phút giây thật thoải mái khi được cùng chung tay lan tỏa thông điệp bảo vệ môi trường xanh - sạch - đẹp. Đây cũng là nỗ lực của Vietcombank trong việc không ngừng xây dựng hình ảnh một Ngân hàng Xanh phát triển bền vững vì cộng đồng.



Cộng đồng và xã hội

HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI VIETCOMBANK (tiếp theo)

Trao tặng
hàng nghìn
con bò giống
cho hộ nghèo



TẶNG BÒ GIÚP ĐỒNG BÀO MIỀN NÚI CÁC HUYỆN GIÁP TÂY NGUYÊN THOÁT NGHÈO BỀN VỮNG

Năm 2015 - 2016, Vietcombank đã triển khai dự án "Ngân hàng bò" với việc trao tặng hàng nghìn con bò giống cho hộ nghèo tại một số huyện trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên và giáp Tây Nguyên. Chương trình đã được Trường Ban chỉ đạo Tây Nguyên đánh giá rất cao về tính thiết thực, hiệu quả trong việc cải thiện đời sống kinh tế đồng bào miền núi các địa phương nêu trên, nhằm giúp các hộ phát triển kinh tế và thoát nghèo bền vững.



VẬN ĐỘNG 05 TỶ ĐỒNG "Vì Trường Sa thân yêu"

HƯỚNG VỀ BIỂN ĐẢO QUÊ HƯƠNG

Nhận thức được tầm quan trọng chiến lược trong việc gìn giữ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc, trong suốt chặng đường hơn nửa thế kỷ đồng hành cùng lịch sử đấu tranh, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và phát triển kinh tế - xã hội đất nước, với tấm lòng luôn hướng về biển đảo Tổ quốc, Vietcombank đã có nhiều hoạt động thiết thực như: Phát động cuộc vận động "Vì Trường Sa thân yêu" với việc quyên góp từ CBNV số tiền 5 tỷ đồng trong tổng số 50 tỷ đồng của toàn ngành ngân hàng để góp phần cải thiện đời sống người dân cũng như cán bộ, chiến sỹ đảo Trường Sa, tiếp thêm sức mạnh và ý chí cho quân, dân huyện đảo trong việc quyết tâm bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc; quyên góp ủng hộ các chương trình "Tấm lưới nghĩa tình vì ngư dân Hoàng Sa, Trường Sa"; "Góp đá xây Trường Sa"; Tài trợ dự án xây dựng công trình đưa điện lưới ra đảo Cô Tô; Trao tặng xuống Hải Quân CQ - 01 trị giá 3 tỷ đồng tới các cán bộ chiến sỹ Trường Sa; tặng hệ thống loa tuyên truyền đặc biệt trị giá 3 tỷ đồng cho lực lượng cảnh sát biển Việt Nam...



Cộng đồng và xã hội

HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI VIETCOMBANK (tiếp theo)

Bên cạnh đó, các chương trình phát triển vùng như Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ; phát triển các lĩnh vực y tế; giáo dục; hỗ trợ xây nhà tình nghĩa; hỗ trợ Quỹ phòng chống thiên tai miền Trung và nhiều lĩnh vực khác như: Chăm lo cho các gia đình chính sách; hỗ trợ người nghèo, người tàn tật, trẻ em nghèo và người già có hoàn cảnh đặc biệt luôn được Vietcombank quan tâm triển khai thực hiện với nhiều chương trình thiết thực, có ý nghĩa.

Giáo dục và Y tế là 2 lĩnh vực trọng điểm được Vietcombank đặc biệt quan tâm, các hoạt động an sinh xã hội đầu tư cho 2 lĩnh vực này được Vietcombank triển khai rộng khắp tại nhiều địa phương nghèo trên cả nước suốt thời gian qua.

ĐỐI VỚI LĨNH VỰC GIÁO DỤC

Không chỉ xây dựng những ngôi trường mới, Vietcombank còn luôn đi đầu trong việc tài trợ trang thiết bị học tập, giảng dạy và nâng cấp các hạng mục xây dựng tại các trường đang hoạt động. Những bộ bàn ghế, thư viện, phòng tin học hay đơn giản chỉ là những bể nước sạch, nhà để xe, sân thể thao... tuy đơn giản nhưng rất thiết thực với những ngôi trường còn nhiều khó khăn, góp phần không nhỏ trong việc cải thiện và nâng cao chất lượng dạy và học cho thầy cô, học sinh. Bên cạnh đó, tiếp sức cho học sinh nghèo an tâm vững bước trên con đường tới trường cũng được Vietcombank hết sức quan tâm thông qua việc tặng

hơn 10 nghìn chiếc cặp phao cứu sinh cho các em học sinh nghèo vùng lũ, vùng sông nước; tặng nhiều xe đạp cho học sinh, sinh viên nghèo hiếu học...

Hàng năm, Vietcombank đều quan tâm đến việc tặng học bổng cho các học sinh, sinh viên có thành tích học tập xuất sắc hoặc có nỗ lực học tập trong điều kiện khó khăn thông qua các Quỹ học bổng, Quỹ khuyến học tại các địa phương và các chương trình gây quỹ khuyến học trên phạm vi toàn quốc. Qua những hoạt động này, Vietcombank mong muốn được góp phần thấp lên niềm tin cho những em nhỏ có điều kiện chưa may mắn, thấp lửa cho những đam mê và truyền thống hiếu học của thế hệ trẻ Việt Nam.



Cộng đồng và xã hội

HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI VIETCOMBANK (tiếp theo)

ĐỐI VỚI LĨNH VỰC Y TẾ

Không chỉ tài trợ xây dựng các bệnh viện, trạm y tế, trang bị các thiết bị thiết yếu cho công tác khám, chữa bệnh. Vietcombank còn luôn quan tâm, chia sẻ khó khăn với các bệnh nhân như hỗ trợ chi phí phẫu thuật, thăm hỏi các bệnh nhân đặc biệt là trẻ em nghèo có hoàn cảnh khó khăn. Những phong trào ủng hộ xuất ăn cho bệnh nhân cũng được các nhóm đoàn thể Vietcombank thực hiện thường xuyên tại nhiều địa phương.

Bên cạnh những chương trình quy mô lớn do Vietcombank phối hợp với các địa phương và các cơ quan thực hiện, từng cá nhân cán bộ Vietcombank cũng luôn ý thức và hàng ngày vẫn có những đóng góp cho nhiều chương trình thiết thực, có ý nghĩa để cùng chung tay góp sức xây dựng một xã hội ngày càng văn minh, tươi đẹp.



Cộng đồng và xã hội

HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI VIETCOMBANK (tiếp theo)



Luôn xác định an toàn, hiệu quả trong kinh doanh là mục tiêu hàng đầu, Vietcombank cũng luôn đề cao tính “**Nhân văn**” bởi đó là giá trị cốt lõi của văn hóa Vietcombank, quan tâm và dành một nguồn lực không nhỏ cho công tác an sinh xã hội là một trong những mục tiêu quan trọng được Vietcombank đề ra hàng năm. Bởi vậy nếu trong kinh doanh, Vietcombank luôn coi chữ “**Tín**” là kim chỉ nam thì với hoạt động xã hội, Vietcombank luôn lấy chữ “**Tâm**” làm gốc, luôn nỗ lực để đem lại những giá trị thiết thực, lâu dài trong các lĩnh vực phát triển, chăm sóc cộng đồng nhằm góp phần nâng cao chất lượng đời sống dân nghèo. Đó chính là thông điệp và cũng là cam kết “**Chung niềm tin vững tương lai**” mà Vietcombank muốn gửi gắm tới tất cả khách hàng cùng mọi người dân Việt.



BẢNG SỐ LIỆU AN SINH XÃ HỘI

Tổng số liệu ASXH

TT	Nội dung	Năm (ĐVT: Triệu đồng)	
		2016	2010 - 2016
1	Tổng số tiền tài trợ cho hoạt động an sinh xã hội của Vietcombank	234.262	1.220.000

Khu vực

TT	Khu vực	Năm 2016 (ĐVT: Triệu đồng)
1	Khu vực Tây Bắc	47.489
2	Khu vực Tây Nguyên	29.633
3	Khu vực Tây Nam Bộ	38.082
4	Các tỉnh/thành phố khác	119.058

Các lĩnh vực

TT	Mục đích tài trợ	Giá trị thực hiện năm 2016 (ĐVT: Triệu đồng)
1	Giáo dục	135.749
2	Y tế	35.600
3	Xây dựng nhà cho người nghèo/nhà đại đoàn kết	16.396
4	Khắc phục hậu quả thiên tai	10.190
5	Lĩnh vực khác	36.327

Một số chương trình/công trình an sinh xã hội tiêu biểu Vietcombank đã triển khai trong năm 2016

Tên chương trình	Số tiền
Xây dựng Trung tâm y tế huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định	15 tỷ đồng
Xây dựng trường mẫu giáo Tuổi thơ, thị trấn Ngã 6, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	10 tỷ đồng
Xây dựng trường mẫu giáo Phú Vĩnh 2, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang	7 tỷ đồng
Xây dựng tiểu học Trần Phú, phường Trần Phú, Thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	6 tỷ đồng
Tài trợ trường tiểu học Duy nhất 1, xã Duy nhất, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	3 tỷ đồng
Xây dựng trường tiểu học Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, Bến Tre	7 tỷ đồng
Tài trợ 100 nhà tình nghĩa trên địa bàn tỉnh Gia Lai	5 tỷ đồng
Xây dựng trường Khiếm thính, tỉnh Lâm Đồng	9 tỷ đồng
Xây dựng trường Dân tộc nội trú huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai	5 tỷ đồng

MANG THÀNH CÔNG XÂY ĐẮP TRỌN ƯỚC MƠ

Ước nguyện mang đến cho cộng đồng, cho các em nhỏ những điều tốt đẹp nhất, ở đâu Vietcombank cũng gặp những **"mầm xanh"** đầy ước mơ, đầy khát khao với một ý chí vươn lên



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Thông tin về Ngân hàng
- Báo cáo của Ban Điều hành
- Báo cáo Kiểm toán độc lập
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

MỤC LỤC	TRANG
Thông tin về ngân hàng	133
Báo cáo của ban điều hành	135
Báo cáo kiểm toán độc lập	136
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	138
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	141
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	143
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	145

Giấy phép Thành lập và Hoạt động

Giấy phép số 138/GP-NHNN ngày 23 tháng 5 năm 2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Quyết định số 2179/QĐ-NHNN ngày 27 tháng 12 năm 2011, Quyết định số 523/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 3 năm 2012, Quyết định số 1547/QĐ-NHNN ngày 6 tháng 8 năm 2014 và Quyết định số 2182/QĐ-NHNN ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép về hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với mã số doanh nghiệp 0103024468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 2 tháng 6 năm 2008, mã số doanh nghiệp 0100112437 cấp đổi lần 12 ngày 16 tháng 12 năm 2016.

Hội đồng Quản trị trong năm tài chính và cho đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất

Ông Nghiêm Xuân Thành	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2014
Bà Lê Thị Hoa	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Danh Lương	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 4 năm 2013
Ông Yutaka Abe	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 4 năm 2013
Ông Phạm Quang Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 4 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2014

Ban Điều hành trong năm tài chính và cho đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất

Ông Phạm Quang Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2014
Ông Đào Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 15 tháng 6 năm 2012
Ông Nguyễn Danh Lương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 2 tháng 10 năm 2014
Ông Đào Hào	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 1 tháng 8 năm 2015
Ông Phạm Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 1 tháng 8 năm 2015
Ông Yukata Abe	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2012
Bà Trương Thị Thúy Nga	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 12 năm 2012
Ông Phạm Mạnh Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 3 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2014
Bà Đinh Thị Thái	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2015

Ban Kiểm soát trong năm tài chính và cho đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất

Bà Trương Lệ Hiền	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 4 năm 2013
Bà La Thị Hồng Minh	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 4 năm 2013
Bà Đỗ Thị Mai Hương	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 4 năm 2013
Bà Vũ Thị Bích Vân	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 25 tháng 4 năm 2013

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG (tiếp theo)

Kế toán Trưởng	Bà Phùng Nguyễn Hải Yến Bổ nhiệm lại ngày 16 tháng 6 năm 2016
Đại diện theo pháp luật	Từ ngày 1 tháng 11 năm 2014 Ông Nghiêm Xuân Thành Chức danh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Người được ủy quyền ký báo cáo tài chính (Theo Giấy ủy quyền số 528/UQ-VCB-TH&CDKT ngày 1/11/2014)	Từ ngày 1 tháng 11 năm 2014 Ông Nguyễn Danh Lương Chức danh: Phó Tổng Giám đốc
Trụ sở chính	198 Trần Quang Khải Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Đơn vị kiểm toán	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Ngân hàng đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành Ngân hàng cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và cũng đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Ngân hàng cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Công bố của Ban Điều hành Ngân hàng

Theo ý kiến của Ban Điều hành Ngân hàng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Điều hành Ngân hàng:

Ông **Nguyễn Danh Lương**
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 61039047/18715793-HN

**Kính gửi: Các cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng") và các công ty con được lập ngày 29 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 138 đến trang 211, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Ông **Trịnh Hoàng Anh**
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2071-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2017

Bà **Trần Mai Thảo**
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2466-2013-004-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B02/TCTD-HN

	Thuyết minh	31/12/2016 Triệu VNĐ	31/12/2015 Triệu VNĐ
A TÀI SẢN			
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	4	9.692.053	8.519.334
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	5	17.382.418	19.715.035
III Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	151.845.570	131.527.373
1 Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		103.236.053	92.587.537
2 Cho vay các tổ chức tín dụng khác		48.609.517	38.939.836
3 Dự phòng rủi ro		-	-
IV Chứng khoán kinh doanh	7	4.233.529	9.925.046
1 Chứng khoán kinh doanh		4.271.362	9.941.389
2 Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(37.833)	(16.343)
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	18	230.658	628
VI Cho vay khách hàng		452.684.316	379.113.059
1 Cho vay khách hàng	8	460.808.468	387.722.937
2 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9	(8.124.152)	(8.609.878)
VIII Chứng khoán đầu tư		131.771.107	107.597.495
1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	10(a)	51.931.950	42.468.041
2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	10(b)	80.019.284	65.818.278
3 Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(180.127)	(688.824)
IX Góp vốn, đầu tư dài hạn		3.627.814	3.556.750
1 Vốn góp liên doanh	11(a)	803.098	753.772
2 Đầu tư vào công ty liên kết	11(b)	9.645	9.349
3 Đầu tư dài hạn khác	11(c)	2.829.418	2.829.418
4 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	11(c)	(14.347)	(35.789)
X Tài sản cố định		5.639.382	5.039.473
1 Tài sản cố định hữu hình	12	3.717.046	3.385.622
a Nguyên giá tài sản cố định		8.621.996	7.661.735
b Hao mòn tài sản cố định		(4.904.950)	(4.276.113)
2 Tài sản cố định vô hình	13	1.922.336	1.653.851
a Nguyên giá tài sản cố định		2.518.777	2.211.799
b Hao mòn tài sản cố định		(596.441)	(557.948)
XII Tài sản Có khác		10.800.045	9.400.447
1 Các khoản phải thu	14(a)	2.950.677	2.953.963
2 Các khoản lãi, phí phải thu	14(b)	5.786.098	4.849.535
3 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		1.943	1.943
4 Tài sản Có khác	14(c)	2.062.264	1.596.073
5 Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(937)	(1.067)
TỔNG TÀI SẢN CÓ		787.906.892	674.394.640

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B02/TCTD-HN

	Thuyết minh	31/12/2016 Triệu VNĐ	31/12/2015 Triệu VNĐ
B NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	15	54.151.413	41.479.553
II Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	16	72.238.405	72.135.381
1 Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		53.282.230	51.743.682
2 Vay các tổ chức tín dụng khác		18.956.175	20.391.699
III Tiền gửi của khách hàng	17	590.451.344	501.162.550
VI Phát hành giấy tờ có giá	19	10.286.376	2.479.070
VII Các khoản nợ khác		12.677.844	11.965.744
1 Các khoản lãi, phí phải trả	20(a)	6.454.174	4.988.305
2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả		18.461	19.444
3 Các khoản phải trả và công nợ khác	20(b)	6.205.209	6.957.995
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		739.805.382	629.222.298
VIII Vốn chủ sở hữu			
1 Vốn của tổ chức tín dụng		36.022.846	32.420.681
a Vốn điều lệ		35.977.686	26.650.203
b Thặng dư vốn cổ phần		-	5.725.318
c Vốn khác		45.160	45.160
2 Quỹ của tổ chức tín dụng		5.936.667	4.941.362
3 Chênh lệch tỷ giá hối đoái		84.245	79.969
4 Chênh lệch đánh giá lại tài sản		83.285	89.222
5 Lợi nhuận chưa phân phối		5.830.946	7.475.808
a Lợi nhuận để lại năm trước		1.204.902	3.921.494
b Lợi nhuận để lại năm nay		4.626.044	3.554.314
6 Lợi ích của cổ đông thiểu số		143.521	165.300
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	21(a)	48.101.510	45.172.342
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		787.906.892	674.394.640

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B02/TCTD-HN

	Thuyết minh	31/12/2016 Triệu VNĐ	31/12/2015 Triệu VNĐ
STT CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
1	Bảo lãnh vay vốn	222.549	74.143
2	Cam kết giao dịch hối đoái	24.605.699	19.757.401
a	Cam kết mua ngoại tệ	9.019.812	8.852.550
b	Cam kết bán ngoại tệ	15.585.887	10.904.851
3	Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	44.755.947	30.826.079
4	Bảo lãnh khác	36.683.048	27.283.715
5	Các cam kết khác	63.624	26.797
	36	106.330.867	77.968.135

Hà Nội, Ngày 29 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Bà **Nguyễn Thị Thu Hương**

Phó phòng
Tổng hợp và Chế độ Kế toánBà **Phùng Nguyễn Hải Yến**


Kế toán Trưởng

Người duyệt:

Ông **Nguyễn Danh Lương**

Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mẫu B03/TCTD-HN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Thuyết minh	Năm kết thúc 31/12/2016 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VNĐ
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	37.713.172	31.360.729
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(19.185.461)	(15.907.697)
I	Thu nhập lãi thuần	18.527.711	15.453.032
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	4.326.483	3.557.304
4	Chi phí từ hoạt động dịch vụ	(2.219.778)	(1.684.656)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	24	2.106.705
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	25	1.850.118
IV	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	26	495.768
V	(Lỗ)/ lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	27	(89.416)
5	Thu nhập từ hoạt động khác	2.293.539	2.140.550
6	Chi phí hoạt động khác	(376.349)	(235.271)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	28	1.917.190
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	29	71.556
	TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	24.879.632	21.201.797
VIII	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	30	(9.950.443)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	14.929.189	12.895.548
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	31	(6.406.106)
XI	TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	8.523.083	6.827.457

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B03/TCTD-HN

	Thuyết minh	Năm kết thúc 31/12/2016 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VNĐ
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	(1.672.082)
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	(290)
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.672.082)	(1.495.390)
XIII	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	6.851.001	5.332.067
XIV	Lợi ích của cổ đông thiểu số	(19.276)	(18.139)
XVI	Lợi nhuận thuần trong năm	6.831.725	5.313.928
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ) (*)	21(c)	1.566

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2015 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2015 do thay đổi về lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (xem Thuyết minh số 21(c)).

Hà Nội, Ngày 29 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Bà **Nguyễn Thị Thu Hương**

Phó phòng
Tổng hợp và Chế độ Kế toán

Người duyệt:

Bà **Phùng Nguyễn Hải Yến**


Kế toán Trưởng

Ông **Nguyễn Danh Lương**

Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B04/TCTD-HN

	Thuyết minh	Năm kết thúc 31/12/2016 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	36.779.872	30.098.366
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(17.717.796)	(15.705.220)
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	2.106.705	1.872.648
4	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	2.488.711	2.121.067
5	Thu nhập khác/(Chi phí khác)	(209.799)	67.753
6	Tiền thu từ các khoản nợ đã được xử lý, bù đắp bằng nguồn rủi ro	2.121.544	1.834.236
7	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(9.305.422)	(7.138.869)
8	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	34	(1.739.934)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động	14.523.881	11.486.376
	(Tăng)/Giảm về tài sản hoạt động		
9	Các khoản tiền, vàng gửi và cho vay tổ chức tín dụng khác	331.414	5.898.690
10	Các khoản về kinh doanh chứng khoán	(22.008.457)	(49.255.547)
11	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(230.030)	(628)
12	Các khoản cho vay khách hàng	(73.085.531)	(63.813.586)
13	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	(7.403.039)	(4.031.616)
14	Tài sản hoạt động khác	(203.801)	(1.073.098)
	Tăng/(Giảm) về công nợ hoạt động		
15	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	12.671.860	(12.613.519)
16	Các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng	103.024	28.897.583
17	Các khoản tiền gửi của khách hàng	89.288.794	78.324.486
18	Các khoản phát hành giấy tờ có giá	7.807.306	270.429
20	Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	(75.278)
21	Công nợ hoạt động khác	(1.231.890)	(254.738)
22	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng	(1.199.774)	(497.726)
I	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh	19.363.757	(6.738.172)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B04/TCTD-HN

	Thuyết minh	Năm kết thúc 31/12/2016 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1	Mua sắm tài sản cố định	(1.272.248)	(1.194.037)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	7.206	5.254
3	Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	(1.762)	(2.059)
4	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	12.540	12.100
5	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	-	(108.464)
6	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	24.549	86.693
7	Tiền thu cổ tức đã có quyết định trả cổ tức năm trước	7.123	3.562
II	Lưu chuyển tiền sử dụng vào hoạt động đầu tư	(1.222.592)	(1.196.951)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1	Cổ tức năm trước đã trả bằng tiền mặt	(2.665.020)	(2.665.020)
III	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính	(2.665.020)	(2.665.020)
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	15.476.145	(10.600.143)
V	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm	33	164.412.853
VI	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm	33	179.888.998

Hà Nội, Ngày 29 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Người duyệt:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Bà Phùng Nguyễn Hải Yến

Ông Nguyễn Danh Lương



Phó phòng
Tổng hợp và Chế độ Kế toán



Kế toán Trưởng



Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B05/TCTD-HN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Các thuyết minh là một bộ phận hợp thành và phải được đọc kèm với báo cáo tài chính hợp nhất này.

1. Đơn vị báo cáo**a. Thành lập và hoạt động**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng") được chuyển đổi từ một ngân hàng thương mại nhà nước theo phương án cổ phần hóa Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quy định có liên quan khác của pháp luật. Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 138/GP-NHNN ngày 23 tháng 5 năm 2008 với thời gian hoạt động là 99 năm và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103024468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 2 tháng 6 năm 2008, mã số doanh nghiệp 0100112437 cấp đổi lần 12 ngày 16 tháng 12 năm 2016.

Các hoạt động chính của Ngân hàng theo Quyết định số 2719/QĐ-NHNN ngày 27 tháng 12 năm 2011 và Quyết định số 2182/QĐ-NHNN ngày 26 tháng 10 năm 2015 sửa đổi, bổ sung Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 138/GP-NHNN về nội dung hoạt động của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cấp tín dụng cho các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán, ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép; thực hiện đầu tư vào công ty liên kết, công ty liên doanh và các công ty khác, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu, kinh doanh ngoại tệ và một số hoạt động kinh doanh bất động sản theo quy định của pháp luật; kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất theo quy định của pháp luật.

b. Vốn điều lệ

Theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 138/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 23 tháng 5 năm 2008 và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103024468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 2 tháng 6 năm 2008, vốn điều lệ của Ngân hàng là 12.100.860.260.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh với mã số doanh nghiệp 0100112437 cấp đổi lần 12 ngày 16 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ của Ngân hàng là 35.977.685.750.000 đồng. Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

	31/12/2016		31/12/2015	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
Số cổ phần của Nhà nước	2.774.353.387	77,10%	2.055.076.583	77,10%
Số cổ phần của cổ đông chiến lược nước ngoài (Mizuho Bank Ltd., Nhật Bản)	539.668.502	15,00%	399.754.446	15,00%
Số cổ phần của các chủ sở hữu khác	283.746.686	7,90%	210.189.305	7,90%
	3.597.768.575	100%	2.665.020.334	100%

c. Địa điểm và hệ thống chi nhánh

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ngân hàng có một (1) Trụ sở chính, một (1) Trung tâm Đào tạo và một trăm linh một (101) chi nhánh trên toàn quốc, ba (3) công ty con tại Việt Nam, hai (2) công ty con tại nước ngoài, ba (3) công ty liên doanh, một (1) công ty liên kết, một (1) văn phòng đại diện đặt tại Singapore và một (1) văn phòng đại diện đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng và các công ty con sau đây gọi chung là "Vietcombank".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

1. Đơn vị báo cáo (tiếp theo)**d. Công ty con, công ty liên doanh, liên kết**

Công ty con

Công ty con	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn sở hữu trực tiếp của Ngân hàng
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Vietcombank	Giấy phép hoạt động số 05/GP-CTCTTC ngày 25 tháng 5 năm 1998 của NHNN	Cho thuê tài chính	100%
Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank	Giấy phép hoạt động số 09/GPHDKD ngày 24 tháng 4 năm 2002, sửa đổi lần cuối theo giấy phép số 25/GPDC-UBCK ngày 11 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN")	Chứng khoán	100%
Công ty TNHH Cao ốc Vietcombank 198	Giấy phép đầu tư số 1578/GP ngày 30 tháng 5 năm 1996 và số 1578/GPDC1 ngày 18 tháng 4 năm 2006 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.	Cho thuê văn phòng	70%
Công ty TNHH Tài chính Việt Nam	Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0226 do Ủy ban Ngân hàng Hồng Kông cấp ngày 07 tháng 03 năm 1978 và Bản sửa đổi lần 1 cấp ngày 03 tháng 11 năm 1992 và Bản sửa đổi lần 2 cấp ngày 19 tháng 09 năm 1995.	Dịch vụ tài chính	100%
Công ty Chuyển tiền Vietcombank	Giấy phép đăng ký kinh doanh số E0321392009-6 do Chính quyền Bang Nevada cấp ngày 15 tháng 6 năm 2009	Chuyển tiền kiểu hối	87,5%

1. Đơn vị báo cáo (tiếp theo)**d. Công ty con, công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)**

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn sở hữu trực tiếp của Ngân hàng
Công ty TNHH Vietcombank - Bonday - Bến Thành	Giấy phép hoạt động số 2458/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 7 tháng 2 năm 2005 và hai Giấy phép điều chỉnh số 2458/GCND1/41/1 ngày 26 tháng 10 năm 2011 và số 2458 /GCND2/41/1 ngày 28 tháng 12 năm 2012	Cho thuê văn phòng	52%
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank	Giấy phép hoạt động số 06/UB-CK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005, sửa đổi lần cuối theo Giấy phép điều chỉnh số 17/GPĐC-UBCK ngày 6 tháng 8 năm 2015	Quản lý quỹ đầu tư	51%
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank - Cardif	Giấy phép đầu tư số 55/GP do Bộ Tài chính cấp ngày 23 tháng 10 năm 2008	Bảo hiểm nhân thọ	45%

Công ty liên kết

Công ty liên doanh	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn sở hữu trực tiếp của Ngân hàng
Công ty TNHH Vietcombank - Bonday	Giấy phép hoạt động số 283/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 5 tháng 12 năm 1991, sửa đổi lần cuối theo giấy phép điều chỉnh số 283/GPĐC3 ngày 2 tháng 10 năm 2000	Cho thuê văn phòng	16%

e. Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Vietcombank có 15.615 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 14.755 nhân viên).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Vietcombank áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất, trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VNĐ"), được làm tròn đến hàng triệu gần nhất ("Triệu VNĐ"), được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng ("TCTD") Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ngân hàng cũng lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

(b) Các thay đổi về chính sách kế toán và thuyết minh báo cáo tài chính

Các chính sách kế toán Ngân hàng sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán và thuyết minh liên quan đến nghiệp vụ:

(i) Thay đổi chính sách kế toán tại Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("VCBS")

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán ("Thông tư 210"). Thông tư này thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2016. Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Ngày 27 tháng 12 năm 2016, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 334").

Theo đó các khoản mục tiền gửi, chứng khoán, các khoản phải trả của nhà đầu tư của VCBS được quản lý tách biệt và sẽ không nằm trên Bảng cân đối kế toán của Vietcombank.

Thông tư 210 và Thông tư 334 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Vietcombank đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu bị ảnh hưởng trọng yếu do việc áp dụng Thông tư 210 và Thông tư 334 đối với VCBS cho phù hợp trong báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này như trình bày tại Thuyết minh số 42.

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(c) Năm tài chính

Năm tài chính của Vietcombank bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Các giao dịch ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Vietcombank, tất cả các nghiệp vụ phát sinh được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc tiền tệ khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá áp dụng tại ngày kết thúc kỳ báo cáo. Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong kỳ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Các giao dịch thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ được hạch toán bằng VNĐ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ giá mua bán giao ngay tại ngày phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hoạt động kinh doanh ngoại tệ trong kỳ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Để lập báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp hợp nhất cho các công ty con và theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho các công ty liên doanh và liên kết có đồng tiền hạch toán khác với VNĐ, các tài sản, công nợ và vốn của các công ty này được chuyển đổi sang VNĐ theo các tỷ giá giao dịch áp dụng tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được chuyển đổi theo bình quân tỷ giá áp dụng trong kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi báo cáo được ghi nhận trên phần vốn chủ sở hữu trong bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(e) Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

(i) Công ty con

Công ty con là công ty chịu sự kiểm soát của Ngân hàng. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp. Khi đánh giá quyền kiểm soát có thể xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các số dư nội bộ và thu nhập/chi phí của các giao dịch nội bộ giữa các công ty con và Ngân hàng được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

Lợi ích của cổ đông thiểu số là một phần lợi nhuận và giá trị tài sản thuần của các công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do Ngân hàng sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con.

(ii) Công ty liên kết và công ty liên doanh

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Ngân hàng có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể, nhưng không nắm quyền kiểm soát đối với các chính sách và hoạt động của doanh nghiệp.

Công ty liên doanh là doanh nghiệp mà Ngân hàng có quyền đồng kiểm soát, được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí giữa các bên liên doanh đối với các quyết định tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(e) Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

(iii) Công ty liên kết và công ty liên doanh (tiếp theo)

Vietcombank áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu để hạch toán các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Vietcombank hưởng lợi nhuận hoặc chịu phần lỗ trong các công ty liên kết và liên doanh từ sau ngày hợp nhất và ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Nếu phần sở hữu của Vietcombank trong khoản lỗ của các công ty liên kết và liên doanh lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh, Vietcombank không phải tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó trên báo cáo tài chính hợp nhất trừ khi Vietcombank có nghĩa vụ thực hiện thanh toán các khoản nợ thay cho các công ty liên kết và liên doanh. Các chính sách kế toán của các công ty liên kết và liên doanh cũng được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Vietcombank áp dụng.

(f) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại NHNN, tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện tái chiết khấu với NHNN, tiền gửi tại các TCTD khác đảo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi, chứng khoán có thời hạn thu gốc không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

(g) Cho vay khách hàng

(i) Dự nợ cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo số dư nợ gốc tại ngày báo cáo.

Dự phòng rủi ro tín dụng của các khoản cho vay khách hàng được hạch toán và trình bày thành một dòng riêng.

(ii) Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể

Theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ("Thông tư 02") ngày 21 tháng 1 năm 2013 về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ("Thông tư 09") ngày 18 tháng 3 năm 2014 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02, dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể được tính bằng tỷ lệ trích lập dự phòng theo nhóm nợ nhân với dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 11 sau khi trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm:

Tỷ lệ dự phòng

Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
Nhóm 2 - Nợ cần chú ý	5%
Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ	50%
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	100%

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(g) Cho vay khách hàng (tiếp theo)

(ii) Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể (tiếp theo)

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2010, Vietcombank đã được NHNN chấp thuận thực hiện phân loại nợ theo quy định tại Điều 7, Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN. Tuy nhiên, theo Thông tư 02, Vietcombank phải thực hiện phân loại nợ và cam kết ngoại bảng theo quy định tại Điều 10 và khoản 1 Điều 11, Thông tư 02 trong thời gian 3 năm kể từ ngày 1 tháng 6 năm 2014. Theo đó, trong trường hợp kết quả phân loại đối với một khoản nợ theo quy định tại Điều 10 và khoản 1 Điều 11, Thông tư 02 khác nhau, khoản nợ phải được phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro cao hơn.

Bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải sử dụng kết quả phân loại nhóm nợ đối với khách hàng do Trung tâm thông tin tín dụng (CIC) cung cấp tại thời điểm phân loại để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ, cam kết ngoại bảng.

(iii) Dự phòng rủi ro tín dụng chung

Vietcombank trích lập và duy trì khoản dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị số dư nợ cho vay khách hàng được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 tại ngày 30 tháng 11.

(iv) Xử lý nợ xấu

Theo Thông tư 02, Vietcombank sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong các trường hợp sau:

- Khách hàng là tổ chức bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật; cá nhân bị chết, mất tích;
- Các khoản nợ được phân loại vào nhóm 5.

(v) Bán nợ cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam

Vietcombank thực hiện bán nợ cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC") theo giá trị ghi sổ theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 9 tháng 7 năm 2013 về "Thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam", Thông tư số 19/2013/TT-NHNN có hiệu lực từ ngày 15 tháng 9 năm 2013 quy định về việc "Mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam", Công văn số 8499/NHNN-TCKT về việc "Hướng dẫn hạch toán nghiệp vụ mua bán nợ xấu của VAMC và TCTD", và các quy định sửa đổi, bổ sung các quy định trên. Theo đó, giá bán là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập.

Đối với trường hợp bán nợ và nhận trái phiếu VAMC, sau khi hoàn thành thủ tục bán nợ xấu cho VAMC, Vietcombank tiến hành hạch toán tất toán gốc, sử dụng dự phòng cụ thể đã trích lập và ghi nhận mệnh giá trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành bằng giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng cụ thể đã trích của khoản nợ bán. Khi nhận lại khoản nợ đã bán cho VAMC, Vietcombank sử dụng nguồn dự phòng rủi ro đã trích lập hàng năm cho trái phiếu đặc biệt để xử lý nợ xấu, phần chênh lệch giữa dự phòng giảm giá đã trích lập và giá trị khoản vay/trái phiếu còn lại chưa thu hồi được sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "Thu nhập khác".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(h) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn và các chứng khoán khác được mua và nắm giữ trong vòng một năm nhằm thu lợi nhuận do chênh lệch giá.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo nguyên tắc thấp hơn giữa giá trị trên sổ sách và giá trị thị trường. Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được phân loại theo hai loại: chứng khoán sẵn sàng để bán, và chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn. Vietcombank phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Vietcombank được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn hoặc chứng khoán khác được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán khi có lợi. Đối với các chứng khoán vốn, Vietcombank không phải là cổ đông sáng lập hoặc là đối tác chiến lược, hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia hội đồng quản trị/ban điều hành.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, Vietcombank có ý định và có khả năng nắm giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí giao dịch và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Sau đó, chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo nguyên tắc thấp hơn giữa giá gốc trên sổ sau khi phân bổ và giá thị trường. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Ngoài ra, theo Thông tư 02 và Thông tư 09, các chứng khoán đầu tư là trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết cũng phải được phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng tương tự các khoản cho vay khách hàng được trình bày tại Thuyết minh 2(g).

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(h) Các khoản đầu tư (tiếp theo)

(ii) Chứng khoán đầu tư (tiếp theo)

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Vietcombank. Trái phiếu đặc biệt được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo mệnh giá trong thời gian nắm giữ. Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt được phát hành tương ứng với giá bán nợ xấu và là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập cho khoản vay được bán.

Trái phiếu đặc biệt đến hạn thanh toán trong các trường hợp sau đây:

- Số tiền dự phòng rủi ro đã trích lập cho trái phiếu đặc biệt không thấp hơn giá trị ghi sổ số dư nợ gốc của khoản nợ xấu có liên quan đang theo dõi trên sổ sách của VAMC, trong đó bao gồm cả các trường hợp sau đây:
 - » VAMC bán khoản nợ xấu cho tổ chức, cá nhân, kể cả trường hợp bán lại khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt cho TCTD bán nợ theo giá trị thị trường hoặc giá thỏa thuận;
 - » VAMC chuyển toàn bộ khoản nợ xấu đã mua thành vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay là doanh nghiệp.
- Trái phiếu đặc biệt đến hạn thanh toán.

Theo Thông tư số 14/2015/TT-NHNN, trong thời gian nắm giữ trái phiếu đặc biệt, hàng năm, trong thời hạn 5 ngày trước ngày tương ứng với ngày đáo hạn của trái phiếu đặc biệt, Vietcombank tính toán và trích lập dự phòng cụ thể tối thiểu của năm trích lập đối với từng trái phiếu đặc biệt. Dự phòng cụ thể phải trích hàng năm được tính theo thời hạn của trái phiếu, số tiền đã thu hồi được từ khoản nợ đã bán và mệnh giá trái phiếu.

Dự phòng rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng".

Trong năm, Vietcombank đã thu hồi toàn bộ danh mục trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành để trích lập dự phòng và xử lý nợ.

(iii) Góp vốn, đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Vietcombank có dưới 11% quyền biểu quyết và Vietcombank là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược, hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia hội đồng quản trị/ban điều hành.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm chứng khoán vốn, các khoản góp vốn đầu tư dài hạn khác có thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (ngoài các khoản góp vốn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và công ty con).

Các khoản đầu tư dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, các khoản đầu tư dài hạn được ghi nhận theo nguyên tắc thấp hơn giữa giá gốc trên sổ và giá thị trường (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(h) Các khoản đầu tư (tiếp theo)

(iii) Góp vốn, đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá được lập nếu tổ chức kinh tế ("TCKT") mà Vietcombank đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh ban đầu) theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại TCKT và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của Vietcombank so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại TCKT. Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng được thực hiện dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu (tương tự như dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh).

(i) Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản cho vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

(j) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản.

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Theo quy định của Thông tư này, tài sản cố định phải đồng thời thỏa mãn cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- Có thời gian sử dụng từ 1 năm trở lên;
- Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên.

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(j) Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

(i) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 25 năm
- Máy móc, thiết bị 3 - 5 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn 6 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác 4 năm

(k) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 25 tháng 4 năm 2013, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá tài sản cố định là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng (+) các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không ghi nhận là tài sản cố định vô hình bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất;
- Thuê đất trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê (thời gian thuê đất sau ngày có hiệu lực thi hành của Luật đất đai năm 2003, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) thì tiền thuê đất được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo số năm thuê đất;
- Thuê đất trả tiền thuê hàng năm thì tiền thuê đất được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ tương ứng số tiền thuê đất trả hàng năm.

Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất lâu dài hợp pháp không trích khấu hao.

Đối với tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất thuê, thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Vietcombank.

(ii) Các tài sản vô hình khác

Bản quyền, bằng sáng chế và các tài sản vô hình khác được khấu hao trong vòng 4 năm theo phương pháp đường thẳng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(l) Tiền gửi của khách hàng và chứng chỉ tiền gửi

Tiền gửi của khách hàng và chứng chỉ tiền gửi được ghi nhận theo nguyên giá.

(m) Giấy tờ có giá đã phát hành

Giấy tờ có giá đã phát hành được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản phân bổ phụ trội và chiết khấu. Giá gốc của giấy tờ có giá đã phát hành bao gồm số tiền thu được từ việc phát hành trừ đi các chi phí trực tiếp có liên quan đến việc phát hành.

(n) Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Ngân hàng và các công ty con tại Việt Nam từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì Ngân hàng và các công ty con tại Việt Nam phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc tính đến năm 2008 và mức lương bình quân trong vòng 6 tháng trước thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Theo Thông tư số 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012, Ngân hàng và các công ty con tại Việt Nam thực hiện chi trợ cấp thôi việc từ chi phí hoạt động trong kỳ.

(o) Vốn và các quỹ

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(iii) Cổ phiếu quỹ

Khi Vietcombank mua lại cổ phiếu đã phát hành, tổng số tiền thanh toán, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp cho việc mua lại cổ phiếu, sau khi trừ các ảnh hưởng về thuế, sẽ được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu mua lại được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được trình bày là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

(iv) Các quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ được sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng và Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Vietcombank dựa trên các tỷ lệ quy định theo trình tự sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá vốn điều lệ.
- Quỹ dự phòng tài chính: 10% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá 25% vốn điều lệ.
- Các quỹ đầu tư phát triển và các quỹ khác: trích lập theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(o) Vốn và các quỹ (tiếp theo)

(iv) Các quỹ dự trữ (tiếp theo)

Việc trích lập các quỹ được thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật.

Phần lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản trích lập các quỹ nói trên và chia cổ tức cho cổ đông được ghi vào lợi nhuận chưa phân phối của Vietcombank.

Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank trích lập các quỹ dự trữ theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 6 tháng 10 năm 2014.

(iii) Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái là các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính được lập bằng ngoại tệ của các công ty con ở nước ngoài sang đồng Việt Nam cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính

(p) Doanh thu và chi phí

(i) Thu nhập lãi và chi phí lãi

Vietcombank ghi nhận thu nhập lãi theo phương pháp dự thu đối với lãi của dư nợ được phân loại vào Nhóm 1 – Nợ đủ tiêu chuẩn. Lãi chưa thu phát sinh từ các khoản cho vay được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Vietcombank thực thu lãi.

Chi phí lãi được ghi nhận theo phương pháp dự chi.

(ii) Thu nhập phí, hoa hồng và thu nhập cổ tức

Các khoản thu nhập phí và hoa hồng được hạch toán theo phương pháp dự thu, dự chi. Cổ tức nhận được bằng tiền mặt từ hoạt động đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức của Vietcombank được xác định.

(iii) Ghi nhận cổ tức nhận dưới dạng cổ phiếu

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các khoản được chia bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu của các công ty cổ phần không được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất mà chỉ được ghi tăng số lượng cổ phiếu của công ty đó do Vietcombank nắm giữ.

(iv) Hạch toán doanh thu phải thu nhưng không thu được

Theo Thông tư số 05/2013/TT-BTC ngày 9 tháng 1 năm 2013, đối với các khoản doanh thu phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng đến kỳ hạn thu không thu được thì Vietcombank hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được các khoản này, Vietcombank sẽ hạch toán vào thu nhập hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(q) Thuê tài sản

(i) Đi thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

(ii) Cho thuê

Vietcombank ghi nhận giá trị tài sản cho thuê tài chính là khoản cho vay khách hàng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất bằng giá trị đầu tư thuần trong hợp đồng cho thuê tài chính. Các khoản cho thuê tài chính được ghi nhận là khoản dư nợ gốc cho vay khách hàng và thu nhập từ các khoản mục này được ghi nhận là các khoản "Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự". Vietcombank phân bổ thu nhập từ cho thuê tài chính trong suốt thời gian cho thuê dựa trên lãi suất thuê và số dư thuần cho thuê tài chính.

Vietcombank ghi nhận tài sản cho thuê hoạt động trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán. Chi phí cho thuê hoạt động, bao gồm cả khấu hao tài sản cho thuê, được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh.

(r) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(s) Các bên liên quan

Các bên liên quan của Vietcombank bao gồm các trường hợp sau đây:

- Công ty mẹ;
- Công ty con của Vietcombank;
- Công ty có cùng công ty mẹ hoặc cùng TCTD mẹ của Vietcombank;
- Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của công ty mẹ hoặc của TCTD mẹ của Vietcombank;
- Cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của công ty mẹ hoặc TCTD mẹ của Vietcombank;
- Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Vietcombank;
- Công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Vietcombank;
- Vợ, chồng, cha, mẹ, con (bao gồm cả cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi, bố chồng (bố vợ), mẹ chồng (mẹ vợ), con dâu (con rể), bố dượng, mẹ kế, con riêng của vợ hoặc chồng), anh ruột, chị ruột, em ruột (bao gồm cả anh, chị, em cùng mẹ khác cha hoặc cùng cha khác mẹ), anh rể, chị dâu, em dâu, em rể của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Vietcombank;
- Tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại Vietcombank;
- Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần cho Vietcombank.

Chính phủ Việt Nam, thông qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cổ đông của Vietcombank. Do vậy, trong báo cáo tài chính hợp nhất này, một số tổ chức thuộc Chính phủ Việt Nam, bao gồm Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, được coi là các bên có liên quan của Vietcombank.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Vietcombank tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Vietcombank được lập theo khu vực địa lý. Mẫu báo cáo bộ phận thứ yếu của Vietcombank được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

(u) Các hợp đồng phái sinh

(i) Các hợp đồng ngoại hối

Vietcombank ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Vietcombank.

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán bằng tiền. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được định kỳ đánh giá lại, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên vốn chủ sở hữu và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (xem Thuyết minh 2(d)) khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(u) Các hợp đồng phái sinh (tiếp theo)

(i) Các hợp đồng ngoại hối (tiếp theo)

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ được đánh giá lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên vốn chủ sở hữu và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi lập báo cáo tài chính (xem Thuyết minh 2(d)).

(ii) Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Các hợp đồng hoán đổi lãi suất là các cam kết thanh toán khoản tiền lãi tính theo lãi suất thả nổi hay lãi suất cố định được tính trên cùng một khoản tiền gốc danh nghĩa. Giá trị cam kết trong các giao dịch hợp đồng hoán đổi lãi suất không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch phát sinh từ các lãi suất hoán đổi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(v) Các cam kết và nợ tiềm ẩn

Vietcombank có các khoản cam kết tín dụng phát sinh từ hoạt động cho vay. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Vietcombank cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh cho nghĩa vụ của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó, các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, Vietcombank phải phân loại các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể vào 5 nhóm, tương tự các khoản cho vay khách hàng, cho mục đích quản lý (xem Thuyết minh 2(g)).

(w) Các khoản phải thu khác

Đối với các khoản nợ phải thu không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng và đã quá hạn thanh toán, Vietcombank thực hiện trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Theo đó, các khoản nợ phải thu này được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất không thu hồi được đối với các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết...

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng, Vietcombank thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tương tự các khoản cho vay khách hàng (xem Thuyết minh 2(g)).

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(x) Cấn trừ

Tài sản và công nợ tài chính được cấn trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi Vietcombank có quyền hợp pháp để thực hiện việc cấn trừ và Vietcombank dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

(y) Lãi trên cổ phiếu

Vietcombank trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Vietcombank (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Nếu cổ phiếu phát hành trong năm chỉ làm thay đổi về số lượng cổ phiếu mà không dẫn đến sự thay đổi về nguồn vốn, Vietcombank sẽ thực hiện điều chỉnh số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất, dẫn đến điều chỉnh tương ứng của chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

3. Trình bày công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC

Trong quá trình hoạt động, Vietcombank thường xuyên ký kết các hợp đồng làm phát sinh các tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu.

Các tài sản tài chính của Vietcombank chủ yếu bao gồm:

- Tiền;
- Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác;
- Cho vay khách hàng;
- Chứng khoán kinh doanh;
- Chứng khoán đầu tư;
- Đầu tư dài hạn khác;
- Các tài sản phái sinh; và
- Các tài sản tài chính khác.

Các khoản nợ phải trả tài chính của Vietcombank chủ yếu bao gồm:

- Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước;
- Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác;
- Tiền gửi của khách hàng;
- Giấy tờ có giá đã phát hành;
- Các khoản nợ phải trả phái sinh; và
- Các khoản nợ phải trả tài chính khác.

(a) Phân loại tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, Vietcombank đã phân loại một cách phù hợp các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC.

- Đối với tài sản tài chính, phân loại thành:
- Tài sản tài chính kinh doanh;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu; và
- Tài sản sẵn sàng để bán.

Đối với nợ phải trả tài chính, phân loại thành:

- Các khoản nợ phải trả tài chính kinh doanh; và
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

3. Trình bày công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

(b) Ghi nhận

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi và chỉ khi Vietcombank tham gia vào quan hệ hợp đồng về việc cung cấp công cụ tài chính có liên quan. Vietcombank ghi nhận tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày Vietcombank ký kết và thực hiện theo điều khoản hợp đồng có hiệu lực (kể toán theo ngày giao dịch).

(c) Dừng ghi nhận

Vietcombank dừng ghi nhận tài sản tài chính khi và chỉ khi quyền nhận được các luồng tiền từ tài sản tài chính chấm dứt hoặc Vietcombank đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản tài chính. Nợ phải trả tài chính được dừng ghi nhận khi và chỉ khi khoản nợ đã được thanh toán (nghĩa vụ nợ đã được thực hiện, hủy bỏ hoặc hết hạn).

(d) Đo lường và thuyết minh giá trị hợp lý

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC, Vietcombank thuyết minh thông tin về giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để so sánh với giá trị ghi sổ trong Thuyết minh 39(b).

Việc lập và trình bày giá trị hợp lý của các công cụ tài chính chỉ cho mục đích trình bày Thuyết minh 39(b). Các công cụ tài chính của Vietcombank vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất như được trình bày ở các thuyết minh trên.

Giá trị hợp lý thể hiện giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có sự hiểu biết và sẵn lòng thực hiện giao dịch trên cơ sở ngang giá tại ngày hạch toán.

Khi tồn tại một thị trường hoạt động, Vietcombank xác định giá trị hợp lý của một công cụ tài chính bằng giá niêm yết trên thị trường hoạt động của công cụ đó. Một thị trường được coi là thị trường hoạt động nếu giá niêm yết thường xuyên có sẵn và phản ánh các giao dịch thực tế và thường xuyên phát sinh trên thị trường.

Nếu không tồn tại một thị trường hoạt động cho các công cụ tài chính, Vietcombank xác định giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá. Kỹ thuật định giá được lựa chọn sử dụng tối đa các điều kiện thị trường, càng ít dựa vào các ước tính mang tính đặc thù đối với Vietcombank càng tốt, đưa vào tất cả các yếu tố mà các bên tham gia thị trường sẽ xem xét khi thiết lập một mức giá, và nhất quán với các phương pháp kinh tế được chấp nhận để đánh giá các công cụ tài chính. Các dữ liệu đầu vào phục vụ các kỹ thuật định giá phản ánh một cách hợp lý các ước tính thị trường và đo lường yếu tố rủi ro - lợi nhuận gắn liền với công cụ tài chính.

Trong trường hợp không đủ thông tin để sử dụng các kỹ thuật định giá, giá trị hợp lý của các công cụ tài chính không có thị trường hoạt động được xem là không ước tính được một cách đáng tin cậy và do đó, không được thuyết minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

4. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý

	31/12/2016 Triệu VNĐ	31/12/2015 Triệu VNĐ
Tiền mặt bằng VNĐ	7.550.927	7.092.670
Tiền mặt bằng ngoại tệ	2.140.681	1.425.873
Chứng từ có giá bằng ngoại tệ	445	791
	9.692.053	8.519.334

5. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

	31/12/2016 Triệu VNĐ	31/12/2015 Triệu VNĐ
Tiền gửi bằng VNĐ	11.205.807	3.258.590
Tiền gửi bằng USD	6.176.611	16.456.445
	17.382.418	19.715.035

Tiền gửi tại NHNN bao gồm số dư dự trữ bắt buộc ("DTBB") và tài khoản tiền gửi thanh toán.

Số dư bình quân tiền gửi thanh toán của Vietcombank tại NHNN không thấp hơn số tiền phải DTBB trong tháng. Số tiền DTBB trong tháng được tính bằng số dư tiền gửi huy động bình quân của từng loại tiền gửi phải DTBB trong tháng trước nhân với tỷ lệ DTBB tương ứng.

Tỷ lệ DTBB thực tế tại thời điểm cuối năm như sau:

Loại tiền gửi	31/12/2016	31/12/2015
Tiền gửi bằng VNĐ có thời hạn dưới 12 tháng	3%	3%
Tiền gửi bằng VNĐ có thời hạn từ 12 tháng trở lên	1%	1%
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn dưới 12 tháng	8%	8%
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn từ 12 tháng trở lên	6%	6%
Tiền gửi bằng ngoại tệ của TCTD ở nước ngoài	1%	1%

Lãi suất thực tế của tài khoản tiền gửi thanh toán tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2016	31/12/2015
Trong dự trữ bắt buộc bằng VNĐ	1,2%	1,2%
Trong dự trữ bắt buộc bằng USD	0%	0%
Vượt dự trữ bắt buộc bằng VNĐ	0%	0%
Vượt dự trữ bắt buộc bằng USD	0,05%	0,05%

6. Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2016 Triệu VNĐ	31/12/2015 Triệu VNĐ
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	35.746	125.186
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	32.965.428	29.566.958
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	48.491.747	35.187.102
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	21.743.132	27.708.291
	103.236.053	92.587.537
Cho vay các tổ chức tín dụng khác		
Cho vay bằng VNĐ	47.986.807	36.704.575
Cho vay bằng ngoại tệ	622.710	2.235.261
	48.609.517	38.939.836
	151.845.570	131.527.373

Phân tích chất lượng dư nợ cho vay, tiền gửi các tổ chức tín dụng khác:

	31/12/2016 Triệu VNĐ	31/12/2015 Triệu VNĐ
Nợ đủ tiêu chuẩn	151.845.570	131.479.873
Nợ cần chú ý	-	47.500
Số dư cuối năm	151.845.570	131.527.373

Biến động dự phòng cụ thể cho tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác như sau:

	Năm kết thúc 31/12/2016 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	-	22.877
(Hoàn nhập) dự phòng (xem Thuyết minh 31)	-	(22.877)
Số dư cuối năm	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

7. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2016 Triệu VNĐ	31/12/2015 Triệu VNĐ
Chứng khoán nợ	3.716.635	9.569.499
Chứng khoán Chính phủ, chính quyền địa phương	3.198.613	5.774.953
Chứng khoán do các TCTD khác phát hành	453.522	3.494.546
Chứng khoán do các TCKT trong nước phát hành	64.500	300.000
Chứng khoán vốn	554.727	371.890
Chứng khoán vốn do các TCTD khác phát hành	3	19.261
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	554.724	352.629
	4.271.362	9.941.389
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(37.833)	(16.343)
	4.233.529	9.925.046

Thuyết minh về tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh:

	31/12/2016 Triệu VNĐ	31/12/2015 Triệu VNĐ
Chứng khoán nợ	3.716.635	9.569.499
Đã niêm yết	3.652.135	9.269.499
Chưa niêm yết	64.500	300.000
Chứng khoán vốn	554.727	371.890
Đã niêm yết	444.856	309.504
Chưa niêm yết	109.871	62.386
	4.271.362	9.941.389

Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm kết thúc 31/12/2016 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	16.343	38.955
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng (xem Thuyết minh 26)	21.490	(22.612)
Số dư cuối năm	37.833	16.343

8. Cho vay khách hàng

	31/12/2016 Triệu VNĐ	31/12/2015 Triệu VNĐ
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	455.371.549	383.060.589
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	2.569.000	2.108.083
Cho thuê tài chính	2.854.489	2.499.785
Các khoản trả thay khách hàng	277	46.215
Cho vay đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài	13.153	8.265
	460.808.468	387.722.937

Phân tích dư nợ cho vay theo chất lượng nợ vay như sau:

	31/12/2016 Triệu VNĐ	31/12/2015 Triệu VNĐ
Nợ đủ tiêu chuẩn	445.948.836	371.208.595
Nợ cần chú ý	7.923.249	9.377.079
Nợ dưới tiêu chuẩn	1.359.294	796.645
Nợ nghi ngờ	1.330.025	750.489
Nợ có khả năng mất vốn	4.247.064	5.590.129
	460.808.468	387.722.937

Phân tích dư nợ cho vay theo thời gian đáo hạn như sau:

	31/12/2016 Triệu VNĐ	31/12/2015 Triệu VNĐ
Nợ ngắn hạn	260.095.610	230.755.013
Nợ trung hạn	53.767.184	43.842.359
Nợ dài hạn	146.945.674	113.125.565
	460.808.468	387.722.937

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

8. Cho vay khách hàng (tiếp theo)

Phân tích dư nợ cho vay theo loại hình doanh nghiệp như sau:

	31/12/2016 Triệu VNĐ	31/12/2015 Triệu VNĐ
Doanh nghiệp Nhà nước	91.143.102	90.340.826
Công ty trách nhiệm hữu hạn	96.800.842	81.743.726
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	30.651.691	26.082.944
Hợp tác xã và công ty tư nhân	7.459.542	7.720.166
Cá nhân	116.463.257	78.384.841
Khác	118.290.034	103.450.434
	460.808.468	387.722.937

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành như sau:

	31/12/2016 Triệu VNĐ	31/12/2015 Triệu VNĐ
Xây dựng	25.148.575	21.313.081
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước	28.619.537	27.270.622
Sản xuất và gia công chế biến	140.793.745	122.263.924
Khai khoáng	18.477.439	17.467.032
Nông, lâm, thủy hải sản	12.740.155	10.765.546
Vận tải kho bãi và thông tin liên lạc	26.914.695	24.106.631
Thương mại, dịch vụ	117.623.973	105.498.319
Nhà hàng, khách sạn	8.471.154	8.777.850
Các ngành khác	82.019.195	50.259.932
	460.808.468	387.722.937

9. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

	31/12/2016 Triệu VNĐ	31/12/2015 Triệu VNĐ
Dự phòng chung	3.374.690	2.706.385
Dự phòng cụ thể	4.749.462	5.903.493
	8.124.152	8.609.878

Biến động dự phòng chung cho các khoản cho vay khách hàng như sau:

	Năm kết thúc 31/12/2016 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	2.706.385	2.259.976
Trích lập dự phòng (xem Thuyết minh 31)	668.303	440.784
Chênh lệch tỷ giá	2	5.625
Số dư cuối năm	3.374.690	2.706.385

	Năm kết thúc 31/12/2016 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	5.903.493	4.824.395
Trích lập dự phòng (xem Thuyết minh 31)	3.018.283	5.109.836
Xử lý các khoản nợ khó thu hồi bằng nguồn dự phòng	(4.174.822)	(3.411.042)
Sử dụng đối với nợ bán cho VAMC	-	(620.575)
Chênh lệch tỷ giá	2.508	879
Số dư cuối năm	4.749.462	5.903.493

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

10. Chứng khoán đầu tư**(a) Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán**

	31/12/2016 Triệu VNĐ	31/12/2015 Triệu VNĐ
Chứng khoán nợ		
Trái phiếu Chính phủ	39.127.435	32.178.596
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	12.496.325	10.189.445
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	300.000	100.000
Chứng khoán vốn		
Chứng khoán vốn do các TCKT khác trong nước phát hành	8.190	-
	51.931.950	42.468.041
Dự phòng rủi ro tín dụng chung của chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(17.250)	(18.150)
	51.914.700	42.449.891

Biến động dự phòng chung cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết:

	Năm kết thúc 31/12/2016 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	18.150	18.150
(Hoàn nhập) dự phòng (xem Thuyết minh 31)	(900)	-
Số dư cuối năm	17.250	18.150

Biến động dự phòng cụ thể cho chứng khoán doanh nghiệp chưa niêm yết:

	Năm kết thúc 31/12/2016 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VNĐ
Số dư đầu kỳ	-	16.000
(Hoàn nhập) dự phòng (xem Thuyết minh 31)	-	(16.000)
Số dư cuối kỳ	-	-

10. Chứng khoán đầu tư (tiếp theo)**(b) Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)**

	31/12/2016 Triệu VNĐ	31/12/2015 Triệu VNĐ
Trái phiếu Chính phủ	62.660.834	51.564.369
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	2.400.099	100.347
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành (không bao gồm Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)	14.958.351	10.588.751
	80.019.284	62.253.467
Dự phòng chung chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	(113.536)	(74.466)
Dự phòng cụ thể chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	(49.341)	-
	79.856.407	62.179.001

Biến động dự phòng chung cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết:

	Năm kết thúc 31/12/2016 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	74.466	20.466
Trích lập dự phòng (xem Thuyết minh 31)	39.070	54.000
Số dư cuối năm	113.536	74.466

Biến động dự phòng cụ thể cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết:

	Năm kết thúc 31/12/2016 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng (xem Thuyết minh 31)	49.341	-
Số dư cuối năm	49.341	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

10. Chứng khoán đầu tư (tiếp theo)**(c) Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành**

	31/12/2016 Triệu VNĐ	31/12/2015 Triệu VNĐ
Mệnh giá Trái phiếu đặc biệt	-	3.564.811
Dự phòng Trái phiếu đặc biệt	-	(596.208)
	-	2.968.603

Biến động dự phòng cụ thể cho Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành

	31/12/2016 Triệu VNĐ	31/12/2015 Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	596.208	185.315
Trích lập dự phòng (xem Thuyết minh 31)	2.632.009	502.348
Dự phòng sử dụng trong năm	(3.228.217)	(91.455)
	-	596.208

(d) Phân tích chất lượng chứng khoán

	31/12/2016 Triệu VNĐ	31/12/2015 Triệu VNĐ
Nợ đủ tiêu chuẩn	18.548.351	12.908.751
Nợ cần chú ý	1.010.000	-
	19.558.351	12.908.751

11. Góp vốn đầu tư dài hạn**(a) Vốn góp liên doanh**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp	Giá gốc Triệu VNĐ	Giá trị ghi sổ Triệu VNĐ
Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank - Bonday - Bến Thành	Cho thuê văn phòng	52%	410.365	397.244
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank	Quản lý quỹ đầu tư	51%	135.150	132.307
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank - Cardif	Bảo hiểm nhân thọ	45%	270.000	273.547
			815.515	803.098

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp	Giá gốc Triệu VNĐ	Giá trị ghi sổ Triệu VNĐ
Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank - Bonday - Bến Thành	Cho thuê văn phòng	52%	410.365	342.641
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank	Quản lý quỹ đầu tư	51%	135.150	131.484
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank - Cardif	Bảo hiểm nhân thọ	45%	270.000	279.647
			815.515	753.772

Ngân hàng sở hữu 52% vốn góp của Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank - Bonday - Bến Thành và 51% vốn góp của Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank, tuy nhiên, điều lệ của các công ty này yêu cầu phải có sự thống nhất của các bên liên quan đối với mọi quyết định quan trọng về hoạt động và tài chính của các công ty này. Do đó, việc sở hữu quá 50% phần vốn góp của các công ty này không đồng nghĩa với việc Ngân hàng có quyền kiểm soát đối với các công ty này. Do vậy, các khoản đầu tư vào các công ty này được phân loại vào tài khoản "Vốn góp liên doanh" thay vì phân loại vào tài khoản "Đầu tư vào các công ty con".

Ngân hàng sở hữu 45% vốn góp của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Vietcombank - Cardif, tuy nhiên, điều lệ của công ty này yêu cầu phải có sự thống nhất của các bên liên quan đối với mọi quyết định quan trọng về hoạt động và tài chính của công ty. Do đó, khoản đầu tư vào công ty này được phân loại vào tài khoản "Vốn góp liên doanh" thay vì phân loại vào tài khoản "Đầu tư vào công ty liên kết".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

11. Góp vốn, đầu tư dài hạn (tiếp theo)**(b) Đầu tư vào công ty liên kết**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp	Giá gốc Triệu VNĐ	Giá trị ghi sổ Triệu VNĐ
Công ty TNHH Vietcombank – Bonday	Cho thuê văn phòng	16%	11.110	9.645
			11.110	9.645

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp	Giá gốc Triệu VNĐ	Giá trị ghi sổ Triệu VNĐ
Công ty TNHH Vietcombank – Bonday	Cho thuê văn phòng	16%	11.110	9.349
			11.110	9.349

Ngân hàng có ảnh hưởng trọng yếu thông qua việc tham gia vào Hội đồng Quản trị của công ty nhưng không kiểm soát về các chính sách hoạt động và tài chính của công ty này. Do vậy, khoản đầu tư vào công ty này được phân loại vào tài khoản "Đầu tư vào công ty liên kết" thay vì phân loại vào tài khoản "Đầu tư dài hạn khác".

11. Góp vốn, đầu tư dài hạn (tiếp theo)**(c) Đầu tư dài hạn khác**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp	Triệu VNĐ
Ngân hàng TMCP Xuất – Nhập khẩu VN	Ngân hàng	8,19%	582.065
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương	Ngân hàng	4,30%	123.452
Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	7,16%	1.242.989
Ngân hàng TMCP Phương Đông	Ngân hàng	4,72%	144.802
Quỹ bảo lãnh tín dụng các doanh nghiệp vừa và nhỏ	Bảo lãnh tín dụng	0,80%	1.864
SWIFT, MASTER và VISA	Dịch vụ thẻ, thanh toán	-	2.936
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	Bảo hiểm	10,04%	67.900
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan dầu khí	Dầu khí	0,21%	5.496
Công ty Cổ phần Thông tin tín dụng Việt Nam (PCB)	Dịch vụ thông tin tín dụng	6,64%	7.962
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Dịch vụ tài chính	10,91%	70.950
Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam	Đầu tư đường cao tốc	1,97%	75.000
Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam	Dịch vụ thẻ	1,83%	4.400
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	Hàng không	1,83%	499.602
			2.829.418
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác			(14.347)
			2.815.071

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

11. Góp vốn, đầu tư dài hạn (tiếp theo)**(c) Đầu tư dài hạn khác**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp	Triệu VNĐ
Ngân hàng TMCP Xuất - Nhập khẩu VN	Ngân hàng	8,19%	582.065
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương	Ngân hàng	4,30%	123.452
Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	7,16%	1.242.989
Ngân hàng TMCP Phương Đông	Ngân hàng	5,07%	144.802
Quỹ bảo lãnh tín dụng các doanh nghiệp vừa và nhỏ	Bảo lãnh tín dụng	0,80%	1.864
SWIFT, MASTER và VISA	Dịch vụ thẻ, thanh toán	-	2.936
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	Bảo hiểm	10,04%	67.900
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan dầu khí	Dầu khí	0,21%	5.496
Công ty Cổ phần Thông tin tin dụng Việt Nam (PCB)	Dịch vụ thông tin tin dụng	6,64%	7.962
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Dịch vụ tài chính	10,91%	70.950
Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam	Đầu tư đường cao tốc	1,97%	75.000
Công ty Cổ phần Chuyển mạch tài chính Quốc gia Việt Nam	Dịch vụ thẻ	2,99%	4.400
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	Hàng không	2,00%	499.602
			2.829.418
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác			(35.789)
			2.793.629

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác như sau:

	Năm kết thúc 31/12/2016 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	35.789	25.841
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng trong năm (xem Thuyết minh số 30)	(21.442)	9.948
Số dư cuối năm	14.347	35.789

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu VNĐ	Máy móc, thiết bị Triệu VNĐ	Phương tiện vận tải, truyền dẫn Triệu VNĐ	Tài sản hữu hình khác Triệu VNĐ	Tổng cộng Triệu VNĐ
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	3.018.662	3.230.707	681.072	731.294	7.661.735
Tăng trong năm	503.265	266.068	72.134	166.894	1.008.361
- Mua trong năm	478.419	265.749	72.134	148.968	965.270
- Tăng khác	24.846	319	-	17.926	43.091
Giảm trong năm	(7.835)	(17.379)	(10.968)	(11.918)	(48.100)
- Thanh lý, nhượng bán	(5.886)	(16.926)	(10.964)	(10.815)	(44.591)
- Giảm khác	(1.949)	(453)	(4)	(1.103)	(3.509)
Số dư cuối năm	3.514.092	3.479.396	742.238	886.270	8.621.996
Giá trị khấu hao lũy kế					
Số dư đầu năm	619.846	2.806.529	421.353	428.385	4.276.113
Tăng trong năm	153.432	292.958	71.772	155.043	673.205
- Khấu hao trong năm	153.246	292.958	71.772	154.692	672.668
- Tăng khác	186	-	-	351	537
Giảm trong năm	(5.600)	(17.352)	(10.964)	(10.452)	(44.368)
- Thanh lý, nhượng bán	(4.077)	(16.926)	(10.964)	(10.349)	(42.316)
- Giảm khác	(1.523)	(426)	-	(103)	(2.052)
Số dư cuối năm	767.678	3.082.135	482.161	572.976	4.904.950
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	2.398.816	424.178	259.719	302.909	3.385.622
Số dư cuối năm	2.746.414	397.261	260.077	313.294	3.717.046

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất Triệu VNĐ	Bản quyền và bằng sáng chế Triệu VNĐ	Tài sản vô hình khác Triệu VNĐ	Tổng cộng Triệu VNĐ
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1.637.129	477.772	96.898	2.211.799
- Mua trong năm	242.780	64.198	-	306.978
Số dư cuối năm	1.879.909	541.970	96.898	2.518.777
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	39.090	452.472	66.386	557.948
- Hao mòn trong năm	7.977	24.589	5.927	38.493
Số dư cuối năm	47.067	477.061	72.313	596.441
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	1.598.039	25.300	30.512	1.653.851
Số dư cuối năm	1.832.842	64.909	24.585	1.922.336

14. Tài sản Có khác**(a) Các khoản phải thu**

	31/12/2016 Triệu VNĐ	31/12/2015 Triệu VNĐ
Các khoản phải thu nội bộ	861.549	753.317
Các khoản phải thu bên ngoài (i)	2.089.128	2.200.646
	2.950.677	2.953.963

14. Tài sản Có khác (tiếp theo)**(a) Các khoản phải thu (tiếp theo)****(i) Các khoản phải thu bên ngoài**

	31/12/2016 Triệu VNĐ	31/12/2015 Triệu VNĐ
Tạm ứng mua sắm tài sản cố định	109.277	145.888
Phải thu từ ngân sách Nhà nước về hỗ trợ lãi suất	195.883	151.777
Tạm ứng thuế thu nhập doanh nghiệp (xem Thuyết minh 34)	67	216
Tạm ứng thuế giá trị gia tăng (xem Thuyết minh 34)	2.129	1.343
Tạm ứng thuế khác (xem Thuyết minh 34)	2	265
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (*)	404.096	767.021
Các khoản phải thu khác	1.377.674	1.134.136
	2.089.128	2.200.646

(*) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2016 Triệu VNĐ	31/12/2015 Triệu VNĐ
Xây dựng cơ bản dở dang	404.096	767.021
<i>Trong đó, những công trình lớn:</i>	281.995	410.052
- Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Hưng Yên	128.871	706
- Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Đông Sài Gòn	45.323	75
- Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Bình Thuận	37.623	31.348
- Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Vũng Tàu	30.112	30.056
- Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Bình Dương	14.170	583
- Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Khánh Hòa	11.072	11.072
- Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Thái Bình	9.750	6.026
- Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Đồng Nai	3.211	132.890
- Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Hà Nội	837	24.566
- Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Hà Tĩnh	595	10.158
- Dự án xây dựng trụ sở Chi nhánh Thanh Hóa	431	162.572

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

14. Tài sản Có khác (tiếp theo)**(b) Các khoản lãi, phí phải thu**

	31/12/2016 Triệu VNĐ	31/12/2015 Triệu VNĐ
Từ cho vay khách hàng	1.838.453	1.238.695
Từ tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	417.384	505.211
Từ các khoản đầu tư chứng khoán	3.509.975	3.064.315
Từ giao dịch phái sinh	20.286	41.314
	5.786.098	4.849.535

(c) Tài sản Có khác

	31/12/2016 Triệu VNĐ	31/12/2015 Triệu VNĐ
Đặt cọc tiền thuê nhà, thuê tài sản cố định	829.789	928.095
Vật liệu	94.973	88.824
Tạm ứng thanh toán thẻ	461.401	324.090
Chi phí thuê đất trả tiền trước một lần	252.750	73.700
Tài sản Có khác	423.351	181.364
	2.062.264	1.596.073
Dự phòng rủi ro cho các tài sản có khác	(937)	(1.067)
	2.061.327	1.595.006

15. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước

	31/12/2016 Triệu VNĐ	31/12/2015 Triệu VNĐ
Vay Ngân hàng Nhà nước	4.630.802	2.861.958
Vay theo hồ sơ tín dụng	3.903.811	2.321.634
Vay khác	726.991	540.324
Tiền gửi thanh toán của Kho bạc Nhà nước	42.752.358	26.049.857
Tiền gửi của Ngân hàng Nhà nước	6.768.253	12.567.738
	54.151.413	41.479.553

16. Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2016 Triệu VNĐ	31/12/2015 Triệu VNĐ
Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	53.282.230	51.743.682
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	3.246.953	6.064.969
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	38.323.368	35.061.617
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	6.150.000	3.910.000
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	5.561.909	6.707.096
Vay các tổ chức tín dụng khác	18.956.175	20.391.699
Vay bằng VNĐ	4.109.645	16.670.399
Vay bằng ngoại tệ	14.846.530	3.721.300
	72.238.405	72.135.381

17. Tiền gửi của khách hàng

	31/12/2016 Triệu VNĐ	31/12/2015 Triệu VNĐ
Tiền gửi không kỳ hạn	159.627.676	141.125.744
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	120.425.822	101.363.942
Tiền gửi không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	39.201.854	39.761.802
Tiền gửi có kỳ hạn	422.812.904	354.019.090
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	352.762.147	283.373.464
Tiền gửi có kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	70.050.757	70.645.626
Tiền gửi vốn chuyên dụng	6.227.201	4.825.786
Tiền gửi ký quỹ	1.783.563	1.191.930
	590.451.344	501.162.550

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng như sau:

	31/12/2016 Triệu VNĐ	31/12/2015 Triệu VNĐ
Các tổ chức kinh tế	263.487.641	224.730.484
Cá nhân	326.963.703	276.432.066
	590.451.344	501.162.550

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

18. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản/(khoản nợ) tài chính khác

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị hợp đồng Triệu VNĐ	Giá trị ghi sổ Triệu VNĐ	Giá trị hợp đồng Triệu VNĐ	Giá trị ghi sổ Triệu VNĐ
Hợp đồng hoán đổi tiền tệ	21.388.496	207.249	8.944.224	89.199
Hợp đồng kỳ hạn tiền tệ	2.314.850	23.409	7.784.153	(88.571)
	23.703.346	230.658	16.728.377	628

19. Phát hành giấy tờ có giá

	31/12/2016 Triệu VNĐ	31/12/2015 Triệu VNĐ
Chứng chỉ tiền gửi	5.423	6.081
Ngắn hạn bằng ngoại tệ	168	210
Trung hạn bằng VNĐ	324	415
Trung hạn bằng ngoại tệ	4.931	5.456
Kỳ phiếu, trái phiếu	10.280.953	2.472.989
Ngắn hạn bằng VNĐ	47	47
Ngắn hạn bằng ngoại tệ	103	103
Trung hạn bằng VNĐ	4.280.791	2.472.827
Trung hạn bằng ngoại tệ	12	12
Dài hạn bằng VNĐ	6.000.000	-
	10.286.376	2.479.070

20. Các khoản nợ khác**(a) Các khoản lãi, phí phải trả**

	31/12/2016 Triệu VNĐ	31/12/2015 Triệu VNĐ
Lãi tiền gửi của khách hàng	6.064.335	4.650.887
Lãi tiền gửi và vay của các TCTD khác	272.919	276.343
Lãi phải trả phát hành giấy tờ có giá	49.768	2.630
Lãi phải trả giao dịch phái sinh	64.016	58.445
Phí ủy thác đầu tư	3.136	-
	6.454.174	4.988.305

20. Các khoản nợ khác (tiếp theo)**(b) Các khoản phải trả và công nợ khác**

	31/12/2016 Triệu VNĐ	31/12/2015 Triệu VNĐ
Các khoản phải trả nội bộ (i)	2.050.613	1.700.312
Các khoản phải trả bên ngoài (ii)	2.915.229	4.043.086
Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.239.367	1.214.597
	6.205.209	6.957.995

(i) Các khoản phải trả nội bộ

	31/12/2016 Triệu VNĐ	31/12/2015 Triệu VNĐ
Các khoản phải trả cán bộ, công nhân viên	1.781.073	1.504.592
Các khoản phải trả khác	269.540	195.720
	2.050.613	1.700.312

(ii) Các khoản phải trả bên ngoài

	31/12/2016 Triệu VNĐ	31/12/2015 Triệu VNĐ
Thuế phải trả (xem Thuyết minh 34)	230.666	251.316
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả	113.522	181.477
- Thuế giá trị gia tăng chờ nộp ngân sách	29.483	24.641
- Các thuế khác phải trả	87.661	45.198
Lãi nhận trước chờ phân bổ	32.966	30.483
Phải trả xây dựng và mua sắm tài sản cố định	128.468	137.828
Tiền giữ hộ chờ thanh toán	161.071	182.115
Các khoản khác phải trả khách hàng	525.297	189.772
Các khoản chờ thanh toán khác	346.219	106.740
Lãi hỗ trợ lãi suất thu hồi phải trả Nhà nước	64.528	64.528
Vốn vay từ các tổ chức khác	-	1.500.000
Vốn vay Bộ tài chính	651.693	545.838
Phải trả khác	774.321	1.034.466
	2.915.229	4.043.086

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

21. Vốn và các quỹ

(a) Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Số dư tại ngày 1/1/2016	Vốn điều lệ Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Vốn khác Triệu VND	Quỹ dự trữ			Chênh lệch đánh giá lại tài sản Triệu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái Triệu VND	Lợi nhuận để lại Triệu VND	Lợi ích cổ đông thiểu số Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
					Quỹ bổ sung vốn điều lệ Triệu VND	Quỹ dự phòng tài chính Triệu VND	Quỹ đầu tư phát triển Triệu VND					
	26.650.203	5.725.318	45.160	1.617.448	3.253.253	70.661	4.941.362	89.222	79.969	7.475.808	165.300	45.172.342
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.831.725	19.276	6.851.001
Phát hành cổ phiếu mới theo NQ Đại hội đồng cổ đông	9.327.483	(5.724.125)	-	-	-	-	-	-	-	(3.603.358)	-	-
Tạm trích quỹ từ lợi nhuận năm 2016	-	-	-	336.544	669.800	-	1.006.344	-	-	(2.205.681)	-	(1.199.337)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 2015	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(8.798)	(551)	(9.349)
Trả cổ tức bằng tiền cho cổ đông	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.665.020)	(40.721)	(2.705.741)
Sử dụng trong năm	-	-	-	(7.300)	(7.300)	-	(7.300)	-	-	-	-	(7.300)
Điều chỉnh của KTĐL theo phương pháp vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.615	-	2.615
Chi phí phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược nước ngoài	-	(1.193)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.193)
Điều chỉnh trích quỹ 2015 theo NQ Đại hội đồng cổ đông	-	-	-	(12.46)	(2.493)	-	(3.739)	-	-	3.627	-	(112)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	-	-	-	4.276	-	197	4.473
Đánh giá lại tài sản	-	-	-	-	-	-	(5.937)	-	-	-	-	(5.937)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	28	20	48
Số dư tại ngày 31/12/2016	35.977.686	-	45.160	1.952.746	3.913.260	70.661	5.936.667	83.285	84.245	5.830.946	143.521	48.101.510

21. Vốn và các quỹ (tiếp theo)

(b) Cơ cấu cổ đông của Ngân hàng

	31/12/2016 Triệu VND	31/12/2015 Triệu VND
Cổ phiếu phổ thông		
Nhà nước	27.743.534	20.550.766
Cổ đông chiến lược nước ngoài (Mizuho Bank Ltd., Nhật Bản)	5.396.685	3.997.544
Cổ đông khác	2.837.467	2.101.893
	35.977.686	26.650.203

Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Ngân hàng là:

	31/12/2016		31/12/2015	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
Vốn cổ phần theo Giấy phép	3.597.768.575	35.977.686	2.665.020.334	26.650.203
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	3.597.768.575	35.977.686	2.665.020.334	26.650.203
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	3.597.768.575	35.977.686	2.665.020.334	26.650.203

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 VND.

(c) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(i) Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm kết thúc 31/12/2016 Triệu VND	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VND (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần	6.831.725	5.313.928
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (*)	(1.199.337)	(990.159)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.632.388	4.323.769

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

21. Vốn và các quỹ (tiếp theo)**(c) Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp theo)****(i) Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp theo)**

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2015 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2015 để phản ánh số quỹ khen thưởng phúc lợi đã trích trong năm 2016 từ lợi nhuận để lại của năm 2015.

(ii) Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông

	Năm kết thúc 31/12/2016	Năm kết thúc 31/12/2015 (Trình bày lại)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	2.665.020.334	2.665.020.334
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong năm	932.748.241	932.748.241
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	3.597.768.575	3.597.768.575

Theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30, nếu số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tăng lên do vốn hoá, phát hành cổ phiếu thưởng, tách cổ phiếu hoặc giảm đi do gộp cổ phiếu, công ty điều chỉnh hồi tố "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" cho tất cả các kỳ báo cáo (xem Thuyết minh 2(y)).

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm kết thúc 31/12/2016 VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2015 VNĐ (Trình bày lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.566	1.202

22. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

	Năm kết thúc 31/12/2016 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VNĐ
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	29.023.501	24.306.183
Thu nhập lãi tiền gửi	1.520.970	1.199.274
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ:	6.563.613	5.307.039
- Thu lãi từ chứng khoán đầu tư	6.446.456	5.072.617
- Thu lãi từ chứng khoán kinh doanh	117.157	234.422
Thu nhập lãi cho thuê tài chính	216.949	195.092
Thu phí từ nghiệp vụ bảo lãnh	313.387	283.154
Thu khác từ hoạt động tín dụng	66.752	30.117
Thu lãi từ nghiệp vụ mua bán nợ	8.000	39.870
	37.713.172	31.360.729

23. Chi phí lãi và các chi phí tương tự

	Năm kết thúc 31/12/2016 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VNĐ
Trả lãi tiền gửi	(17.938.402)	(14.956.105)
Trả lãi tiền vay	(840.751)	(596.262)
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	(349.491)	(278.523)
Chi phí khác cho hoạt động tín dụng	(56.817)	(76.807)
	(19.185.461)	(15.907.697)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

24. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ

	Năm kết thúc 31/12/2016 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VNĐ
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		
Thu từ dịch vụ thanh toán	2.765.256	2.147.481
Thu từ dịch vụ ngân quỹ	215.643	186.393
Thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý	21.722	8.248
Thu khác	1.323.862	1.215.182
	4.326.483	3.557.304
Chi phí từ hoạt động dịch vụ		
Chi về dịch vụ thanh toán	(1.694.872)	(1.280.848)
Chi về dịch vụ ngân quỹ	(58.074)	(50.158)
Chi về dịch vụ viễn thông	(88.295)	(76.999)
Chi về nghiệp vụ ủy thác và đại lý	(4.852)	(697)
Chi khác	(373.685)	(275.954)
	(2.219.778)	(1.684.656)
	2.106.705	1.872.648

25. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	Năm kết thúc 31/12/2016 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VNĐ
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	2.657.525	2.968.544
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	304.878	265.360
Lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ kinh doanh	2.687	670.207
Lãi đánh giá lại các hợp đồng phái sinh	4.929	-
	2.970.019	3.904.111
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(444.741)	(952.813)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(457.342)	(1.352.441)
Lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ kinh doanh	(198.781)	(26.283)
Lỗ đánh giá lại các hợp đồng phái sinh	(19.037)	-
	(1.119.901)	(2.331.537)
	1.850.118	1.572.574

26. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh

	Năm kết thúc 31/12/2016 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VNĐ
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	595.413	319.270
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(78.155)	(144.407)
Chi phí dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh (xem Thuyết minh 7)	(21.490)	22.612
	495.768	197.475

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

27. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư

	Năm kết thúc 31/12/2016 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VNĐ
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	52.590	212.758
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(142.006)	(60.404)
	(89.416)	152.354

28. Lãi thuần từ hoạt động khác

	Năm kết thúc 31/12/2016 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VNĐ
Thu nhập từ hoạt động khác		
Thu nhập từ các khoản cho vay đã xử lý bằng quỹ dự phòng rủi ro	2.121.544	1.834.236
Thu về nghiệp vụ tất toán Trái phiếu VAMC	57.110	212.882
Thu nhập khác	114.885	93.432
	2.293.539	2.140.550
Chi phí hoạt động khác		
Chi phí cho nghiệp vụ hoán đổi lãi suất	(132.417)	(4.310)
Chi về nghiệp vụ bán nợ	(2.026)	(110)
Chi công tác xã hội	(216.968)	(211.851)
Chi phí khác	(24.938)	(19.000)
	(376.349)	(235.271)
	1.917.190	1.905.279

29. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần

	Năm kết thúc 31/12/2016 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VNĐ
Cổ tức nhận được trong kỳ từ góp vốn, mua cổ phần	24.549	94.803
- Cổ tức từ các khoản góp vốn, mua cổ phần đã nhận	16.641	81.033
- Cổ tức từ chứng khoán vốn kinh doanh đã nhận	7.908	13.770
Hạch toán lãi theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	47.007	(47.468)
Thu từ thanh lý các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần	-	1.100
	71.556	48.435

30. Chi phí hoạt động

	Năm kết thúc 31/12/2016 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VNĐ
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	(213.132)	(165.500)
Chi phí cho nhân viên	(5.367.714)	(4.283.737)
<i>Trong đó:</i>		
- Chi lương và phụ cấp	(4.969.987)	(3.980.288)
- Các khoản chi đóng góp theo lương	(278.035)	(223.813)
- Chi trợ cấp	(1.952)	(2.196)
Chi về tài sản	(1.976.646)	(1.820.583)
<i>Trong đó:</i>		
- Khấu hao tài sản cố định	(711.161)	(644.239)
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	(2.030.266)	(1.692.881)
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	(355.746)	(292.895)
Hoàn nhập/(Trích lập) dự phòng giảm giá khoản đầu tư, mua cổ phần (xem Thuyết minh 11(c))	21.442	(9.948)
Chi phí hoạt động khác	(28.381)	(40.705)
	(9.950.443)	(8.306.249)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

31. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

	Năm kết thúc 31/12/2016 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VNĐ
Dự phòng cụ thể cho tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác		
Hoàn nhập dự phòng (xem Thuyết minh 6)	-	22.877
Dự phòng chung cho vay khách hàng		
(Trích lập) dự phòng (xem Thuyết minh 9)	(668.303)	(440.784)
Dự phòng cụ thể cho vay khách hàng		
(Trích lập) dự phòng (xem Thuyết minh 9)	(3.018.283)	(5.109.836)
Dự phòng chung cho chứng khoán doanh nghiệp chưa niêm yết		
(Trích lập) dự phòng (xem Thuyết minh 10(a) và 10(b))	(38.170)	(54.000)
Dự phòng cụ thể cho chứng khoán doanh nghiệp chưa niêm yết		
(Trích lập) dự phòng (xem Thuyết minh 10(a) và 10(c))	(2.681.350)	(486.348)
	(6.406.106)	(6.068.091)

32. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm kết thúc 31/12/2016 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	8.523.083	6.827.457
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
Lợi nhuận tính thuế của các công ty con	(220.863)	(210.059)
Cổ tức thu được trong năm (xem Thuyết minh 29)	(24.549)	(94.803)
Phân chia lỗ theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết (xem Thuyết minh 29)	(47.007)	47.468
Các khoản điều chỉnh hợp nhất không chịu thuế	(106.648)	-
Chi phí dự phòng đã trích lập trong năm 2013 nhưng chỉ đủ điều kiện khấu trừ khi tính thuế trong năm 2014 của Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank ("VCBS")	-	(127)
Chi phí từ các hoạt động không chịu thuế TNDN	1.325	1.984
Thu nhập chịu thuế	8.125.341	6.571.920
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính của Ngân hàng (thuế suất: 20%)	(1.625.068)	(1.445.822)
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính của các công ty con (thuế suất: 20%)	(45.474)	(47.813)
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính của các công ty con (thuế suất: 16,5%)	(1.540)	(1.465)
Chi phí thuế TNDN trong năm của toàn hệ thống	(1.672.082)	(1.495.100)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

33. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 Triệu VNĐ	31/12/2015 Triệu VNĐ
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ	9.692.053	8.519.334
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	17.382.418	19.715.035
Tiền, ngoại hối gửi tại và cho vay các TCTD khác đáo hạn trong vòng 3 tháng	143.017.177	122.367.566
Chứng khoán kinh doanh	4.271.362	9.941.389
Chứng khoán đầu tư đến hạn trong vòng 3 tháng	5.525.988	3.869.529
	179.888.998	164.412.853

34. Nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước

Triệu VNĐ

	Số dư tại 1/1/2016	Phát sinh trong năm		Số dư tại 31/12/2016		
		Phải trả	Đã trả	Phải trả	Ứng trước	Tổng cộng
Thuế giá trị gia tăng	23.298	337.045	(332.989)	29.483	(2.129)	27.354
Thuế TNDN hiện hành	181.196	1.672.193	(1.739.934)	113.522	(67)	113.455
<i>Trong đó:</i>						
- Thuế TNDN của Vietcombank	181.363	1.672.082	(1.739.923)	113.522	-	113.522
- Điều chỉnh thuế các năm trước	(112)	112	(11)	-	(11)	(11)
- Ảnh hưởng do chênh lệch tỷ giá của nghĩa vụ thuế năm 2008 của Vinafico đã được NH nộp NSNN	(55)	(1)	-	-	(56)	(56)
Thuế và phí khác	44.933	566.914	(524.188)	87.661	(2)	87.659
	249.427	2.576.152	(2.597.111)	230.666	(2.198)	228.468

35. Tình hình thu nhập của cán bộ công nhân viên

	Năm kết thúc 31/12/2016	Năm kết thúc 31/12/2015
Tổng số cán bộ, nhân viên (người)	15.615	14.755
Thu nhập của cán bộ, nhân viên		
Tổng quỹ lương và phụ cấp (Triệu VNĐ) (xem Thuyết minh 30)	4.969.987	3.980.288
Thu nhập bình quân tháng/người (Triệu VNĐ)	26,52	22,48

36. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Vietcombank thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Vietcombank ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoại bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Vietcombank khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Vietcombank cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Vietcombank cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Vietcombank phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Vietcombank trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Vietcombank thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Vietcombank đánh giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

37. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

	Mối quan hệ	Năm kết thúc 31/12/2016 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2015 Triệu VNĐ
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam			
Thu nhập lãi tiền gửi	Cơ quan quản lý	124.475	107.562
Chi phí lãi tiền gửi và tiền vay		(160.765)	(83.575)
Bộ Tài chính			
Thu nhập lãi tiền vay	Cơ quan quản lý	-	4.908
Chi phí lãi tiền gửi		(204.319)	(61.536)
Chi phí lãi tiền vay		(26.959)	(20.694)

(b) Số dư với các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2016 Triệu VNĐ	31/12/2015 Triệu VNĐ
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam			
Tiền gửi của Vietcombank tại NHNN	Cơ quan quản lý	17.382.418	19.715.035
Tiền gửi và tiền vay của Ngân hàng từ NHNN		(11.399.055)	(15.429.696)
Bộ Tài chính			
Tiền gửi tại Ngân hàng	Cơ quan quản lý	42.752.358	26.049.857
Vay Bộ Tài chính		(651.693)	(545.838)

30. Báo cáo bộ phận**(a) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

	Miền Trung và Tây Nguyên Triệu VNĐ	Miền Bắc Triệu VNĐ	Miền Trung và Tây Nguyên Triệu VNĐ	Miền Nam Triệu VNĐ	Nước ngoài Triệu VNĐ	Loại trừ Triệu VNĐ	Tổng cộng Triệu VNĐ
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	9.149.110	25.378.371	26.018	(50.170.164)	37.713.172	
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(6.538.261)	(18.075.757)	(5.364)	50.170.164	(19.185.461)	
I	Thu nhập lãi thuần	2.610.849	7.302.614	20.654	-	18.527.711	
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	384.512	1.602.892	21.175	(98.538)	4.326.483	
4	Chi phí từ hoạt động dịch vụ	(20.489)	(69.825)	(9.245)	23.949	(2.219.778)	
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	364.023	1.533.067	11.930	(74.589)	2.106.705	
III	Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	68.460	368.786	155	-	1.850.118	
IV	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	495.768	
V	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	-	-	-	-	(89.416)	
5	Thu nhập từ hoạt động khác	463.158	827.678	590	(3.164)	2.293.539	
6	Chi phí hoạt động khác	(94.186)	(60.021)	(5.770)	-	(376.349)	
VI	Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động khác	368.972	767.657	(5.180)	(3.164)	1.917.190	
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	-	-	-	-	71.556	
VIII	Tổng thu nhập hoạt động	3.412.304	9.972.124	27.559	(77.753)	24.879.632	
VIII	Tổng chi phí hoạt động	(983.337)	(2.678.762)	(35.330)	77.753	(9.950.443)	
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí phòng rủi ro tín dụng	2.428.967	7.293.362	(7.771)	-	14.929.189	
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(573.976)	(1.527.095)	(4.7)	-	(6.406.106)	
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.854.991	5.766.267	(7.818)	-	8.523.083	
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(370.998)	(1.153.254)	(15.40)	-	(1.672.082)	
8	Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-	-	-	
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(370.998)	(1.153.254)	(15.40)	-	(1.672.082)	
XIII	Lợi nhuận sau thuế	1.483.993	4.613.013	(9.358)	-	6.851.001	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

38. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)
(a) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Dịch vụ tài chính ngân hàng Triệu VND	Dịch vụ tài chính phí ngân hàng Triệu VND	Chứng khoán Triệu VND	Khác Triệu VND	Loại trừ Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	37.417.879	247.250	142.517	(117.113)	37.713.172
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(19.145.712)	(94.516)	(62.346)	117.113	(19.185.461)
I	Thu nhập lãi thuần	18.272.167	152.734	80.171	-	18.527.711
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	4.148.732	6.096	138.473	(98.538)	4.326.483
4	Chi phí từ hoạt động dịch vụ	(2.156.969)	(906)	(34.095)	23.949	(2.219.778)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	1.991.763	5.190	104.378	(74.589)	2.106.705
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.849.413	704	-	-	1.850.118
IV	Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	461.891	-	33.877	-	495.768
V	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	(89.416)	-	-	-	(89.416)
5	Thu nhập từ hoạt động khác	2.285.798	10.217	133	(3.164)	2.293.539
6	Chi phí hoạt động khác	(370.561)	(5.784)	(4)	-	(376.349)
VI	Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động khác	1.915.237	4.433	129	(3.164)	1.917.190
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	63.650	-	7.906	-	71.556
VIII	Tổng thu nhập hoạt động	24.464.705	163.061	226.461	(77.753)	24.879.632
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(9.781.671)	(69.813)	(146.287)	77.753	(9.950.443)
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	14.683.034	93.248	80.174	-	14.929.189
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế	(6.387.396)	(18.710)	-	-	(6.406.106)
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.295.638	74.538	80.174	-	8.523.083
8	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(1.625.068)	(14.843)	(14.454)	-	(1.672.082)
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.625.068)	(14.843)	(17.717)	-	(1.672.082)
XIII	Lợi nhuận sau thuế	6.670.570	59.695	65.720	-	6.851.001

39. Thuyết minh công cụ tài chính**(a) Thuyết minh về tài sản đảm bảo**

Vietcombank không nắm giữ tài sản thế chấp mà Vietcombank được phép bán hoặc đem tài sản đó đi thế chấp cho bên thứ ba trong trường hợp chủ sở hữu tài sản vẫn có khả năng trả nợ.

(b) Thuyết minh về giá trị hợp lý

Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu thuyết minh về phương pháp xác định giá trị hợp lý và các thông tin về giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính để có thể so sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ.

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Vietcombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

39. Thuyết minh công cụ tài chính (tiếp theo)

(b) Thuyết minh về giá trị hợp lý (tiếp theo)

	Kinh doanh Triệu VND	Giữ đến ngày đáo hạn Triệu VND	Cho vay và phải thu Triệu VND	Sẵn sàng để bán Triệu VND	Hạch toán theo giá trị phần bổ Triệu VND	Giá trị ghi số	
						Tổng cộng giá trị ghi số Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND
Tài sản tài chính							
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	-	-	9.692.053	9.692.053
II	Tiền gửi tại NHNN	-	-	-	-	17.382.418	17.382.418
III	Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác	70.234.879	48.609.517	-	-	151.845.570	152.262.954
IV	Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	4.271.362	4.272.548
V	Các công cụ tài chính phải sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	-	-	230.658	230.658
VI	Cho vay khách hàng	-	460.808.468	-	-	460.808.468	*
VIII	Chứng khoán đầu tư	80.019.284	-	51.931.950	-	131.951.234	135.242.063
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn khác	-	-	2.829.418	-	2.829.418	2.843.766
XII	Tài sản tài chính khác	-	9.143.904	-	-	9.143.904	*
		64.577.665	518.561.889	54.761.368	-	788.155.085	*
Nợ phải trả tài chính							
I, II	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN và tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	126.389.818	126.389.818	126.662.736
III	Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	590.451.344	590.451.344	*
VI	Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	10.286.376	10.286.376	*
VII	Các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	-	-	7.551.288	7.551.288	*
		-	-	-	734.678.826	734.678.826	*

(*) Do không đủ thông tin để sử dụng các kỹ thuật định giá, giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính không có thị trường hoạt động này không ước tính được một cách đáng tin cậy và do đó, không được thuyết minh.

39. Thuyết minh công cụ tài chính (tiếp theo)

(b) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính

Hội đồng Quản trị có quyền hạn và nhiệm vụ cao nhất trong việc điều hành tất cả các hoạt động của Vietcombank liên quan đến quản lý rủi ro, bảo đảm hoạt động kinh doanh của Vietcombank không ngừng phát triển, an toàn và bền vững.

Để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm ban hành các chính sách và chiến lược quản lý rủi ro phù hợp trong từng thời kỳ; xác lập các giới hạn kinh doanh an toàn; trực tiếp phê duyệt các giao dịch kinh doanh có giá trị lớn theo quy định của pháp luật và Vietcombank trong từng thời kỳ; quyết định cơ cấu tổ chức và các vị trí nhân sự chủ chốt.

Các chính sách, hoạt động quản lý rủi ro của Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định tại Điều lệ của Vietcombank và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong từng thời kỳ.

Ủy ban Quản lý Rủi ro là bộ phận do Hội đồng Quản trị ra quyết định thành lập và chịu trách nhiệm giúp việc cho Hội đồng Quản trị trong việc quản lý mọi loại rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh của Vietcombank.

ALCO là bộ phận do Tổng Giám đốc ra quyết định thành lập, Chủ tịch ALCO là Tổng Giám đốc. Các thành viên của ALCO là các cán bộ chủ chốt đang thực hiện nhiệm vụ quản lý rủi ro trong Vietcombank.

ALCO có nhiệm vụ giám sát và quản lý tổng thể các hạng mục tài sản có và tài sản nợ trong bảng cân đối kế toán hợp nhất và riêng của Vietcombank nhằm tối đa hoá lợi nhuận và tối thiểu hoá các tổn thất phát sinh do những biến động bất lợi từ thị trường; quản lý rủi ro thanh khoản; điều hành lãi suất và tỷ giá phù hợp.

Trong phạm vi phân cấp, ALCO được quyền ra các quyết định liên quan đến quản lý rủi ro.

(i) Rủi ro tín dụng

Vietcombank luôn phải đứng trước các rủi ro tín dụng, đó là nguy cơ mất mát về tài chính khi các bên đối tác không thể hoàn thành nghĩa vụ đúng hạn. Rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu trong nghiệp vụ cho vay dưới hình thức các khoản vay và tạm ứng, trong đầu tư dưới hình thức các chứng khoán nợ. Các công cụ tài chính ngoại bảng, như cam kết cho vay, cũng tiềm ẩn rủi ro tín dụng. Quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng được thực hiện thông qua các chính sách và thủ tục có liên quan, trong đó có chính sách quản lý rủi ro tín dụng và hoạt động của Ủy ban Quản lý Rủi ro và Hội đồng Tín dụng.

Vietcombank tiến hành phân loại nợ đối với các khoản cho vay khách hàng và các tổ chức tín dụng khác, cam kết ngoại bảng, các khoản ủy thác cho vay, ủy thác và đầu tư trái phiếu tổ chức kinh tế chưa niêm yết dựa trên yêu cầu của Thông tư 02 và Thông tư 09 (xem Thuyết minh 2(g)), qua đó thường xuyên đánh giá rủi ro của các khoản nợ có vấn đề, nợ xấu và đề xuất biện pháp xử lý phù hợp.

Để quản lý rủi ro tín dụng, Vietcombank sử dụng các công cụ: xây dựng chính sách và ban hành các quy định liên quan đến công tác quản lý rủi ro tín dụng; xây dựng các quy trình tín dụng; thực hiện rà soát rủi ro tín dụng; xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ và phân loại nợ; phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tín dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

39. Thuyết minh công cụ tài chính (tiếp theo)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(i) *Rủi ro tín dụng (tiếp theo)*

Số liệu trình bày dưới đây thể hiện mức độ rủi ro tín dụng nội bảng tối đa của Vietcombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, không tính đến tài sản đảm bảo hay hỗ trợ tín dụng, bao gồm:

	Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá Triệu VNĐ	Đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá Triệu VNĐ	Đã bị giảm giá và lập dự phòng đầy đủ Triệu VNĐ	Tổng cộng Triệu VNĐ
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	151.845.570	-	-	151.845.570
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	103.236.053	-	-	103.236.053
Cho vay các tổ chức tín dụng khác	48.609.517	-	-	48.609.517
Cho vay khách hàng – gộp	444.031.825	1.917.011	14.859.632	460.808.468
Chứng khoán đầu tư – gộp	130.941.234	-	1.010.000	131.951.234
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	51.931.950	-	-	51.931.950
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	79.009.284	-	1.010.000	80.019.284
Tài sản Có khác	9.143.904	-	-	9.143.904
	735.962.533	1.917.011	15.869.632	753.749.176

Mô tả và giá trị ghi sổ của tài sản đảm bảo Vietcombank nắm giữ làm tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	Triệu VNĐ
Tiền gửi	53.666.664
Giấy tờ có giá	71.395.538
Bất động sản	339.959.056
Tài sản thế chấp khác	389.759.801
	854.781.059

39. Thuyết minh công cụ tài chính (tiếp theo)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(ii) *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro khi luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính diễn biến bất thường do những biến động của lãi suất thị trường.

Thời hạn điều chỉnh lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho tới kỳ điều chỉnh lãi suất gần nhất của các khoản mục trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Vietcombank.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng để phân tích thời hạn điều chỉnh lãi suất thực tế của các khoản mục tài sản và công nợ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Vietcombank:

- Tiền mặt, vàng bạc đá quý, góp vốn đầu tư dài hạn và các tài sản có khác (bao gồm tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác) được xếp vào nhóm các khoản mục không chịu lãi.
- Chứng khoán kinh doanh được xếp vào khoản mục đến 1 tháng.
- Thời hạn điều chỉnh lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh phụ thuộc vào quy định về lãi suất của tổ chức phát hành đối với từng loại chứng khoán.
- Thời hạn điều chỉnh lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng, cho vay khách hàng, các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác và tiền gửi của khách hàng được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: thời hạn điều chỉnh lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: thời hạn điều chỉnh lãi suất thực tế dựa trên kỳ điều chỉnh lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.
- Thời hạn điều chỉnh lãi suất thực tế của các giấy tờ có giá đã phát hành được xác định dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá; phụ thuộc vào quy định về lãi suất của Ngân hàng đối với từng đợt phát hành.
- Thời hạn điều chỉnh lãi suất thực tế của các khoản vay khác là từ 1 đến 5 năm.
- Thời hạn điều chỉnh lãi suất thực tế của các khoản nợ khác là từ 1 đến 3 tháng. Trên thực tế, các khoản mục này có thể có thời gian điều chỉnh lãi suất khác nhau.

Bảng dưới đây trình bày thời hạn định lại lãi suất của các tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

39. Thuyết minh công cụ tài chính (tiếp theo)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(ii) *Rủi ro lãi suất (tiếp theo)*

	Quá hạn Triệu VND	Không chịu lãi suất Triệu VND	Trong vòng 1 tháng Triệu VND	Từ 1 đến 3 tháng Triệu VND	Từ 3 đến 6 tháng Triệu VND	Từ 6 đến 12 tháng Triệu VND	Từ 1 đến 5 năm Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tài sản								
I	-	9.692.053	-	-	-	-	-	9.692.053
II	-	-	17.382.418	-	-	-	-	17.382.418
III	-	-	129.095.007	14.422.171	557.359	7.771.033	-	151.845.570
IV	-	-	4.271.362	-	-	-	-	4.271.362
V	-	-	-	230.658	-	-	-	230.658
VI	5.404.880	43	107.427.801	167.331.713	121.291.994	41.360.077	1,124,216	460.808.468
VIII	-	8.190	1.319.863	9.155.123	14,271,092	5,544,427	32,751,003	131,951,234
IX	-	3,642,161	-	-	-	-	-	3,642,161
X	-	5,639,382	-	-	-	-	-	5,639,382
XII	-	10,800,982	-	-	-	-	-	10,800,982
Tổng tài sản	5.404.880	29.782.811	259.496.451	191.139.665	136.120.445	54.675.537	33.875.219	796.264.288
Nợ phải trả								
I, II	-	-	100,212,951	13,312,107	10,050,407	2,814,353	-	126,389,818
III	-	7,062	310,573,557	126,916,064	79,356,585	71,042,522	5,346	590,451,344
VI	-	-	286,376	-	-	2,000,000	-	10,286,376
VII	-	12,677,844	-	-	-	-	-	12,677,844
Tổng nợ phải trả	-	12.684.906	411.072.884	140.228.171	89.406.992	75.856.875	10.550.208	739.805.382
Mức chênh lệch cảm với lãi suất	5.404.880	17.097.905	(151.576.433)	50.911.494	46.713.453	(21.181.338)	75.219.072	33.869.873
Lũy kế chênh lệch cảm với lãi suất	5.404.880	22.502.785	(129.073.648)	(78.162.154)	(31.448.701)	(52.630.039)	22.589.033	56.458.906

39. Thuyết minh công cụ tài chính (tiếp theo)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(iii) *Rủi ro tiền tệ*

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VNĐ. Ngân hàng có 2 công ty con tại nước ngoài và hạch toán theo đồng tiền bản địa, tuy nhiên giá trị tài sản của các công ty con này không ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị tài sản của Vietcombank. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VNĐ. Các khoản cho vay khách hàng của Vietcombank chủ yếu bằng VNĐ, USD và EUR. Một số tài sản khác của Vietcombank bằng ngoại tệ khác ngoài VNĐ, USD và EUR. Vietcombank đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của Vietcombank và các quy định của NHNN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Vietcombank sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và nợ phải trả bằng các đơn vị tiền tệ khác được quy đổi sang VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

39. Thuyết minh công cụ tài chính (tiếp theo)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(iii) Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

		Triệu VND				
	VND	USD	EUR	Ngoại tệ khác	Tổng cộng	
Tài sản						
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	7.550.927	1.594.111	296.978	250.037	9.692.053
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	11.205.807	6.176.611	-	-	17.382.418
III	Tiền, vàng gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - góp	96.514.300	31.313.748	16.418.418	7.599.104	151.845.570
IV	Chứng khoán kinh doanh - góp	4.271.362	-	-	-	4.271.362
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	6.906.789	(10.435.465)	3.489.440	269.894	230.658
VI	Cho vay khách hàng - góp	379.801.538	80.404.012	183.123	419.795	460.808.468
VIII	Chứng khoán đầu tư - góp	76.553.734	55.397.500	-	-	131.951.234
IX	Góp vốn đầu tư dài hạn - góp	3.642.161	-	-	-	3.642.161
X	Tài sản cố định	5.637.958	588	-	836	5.639.382
XII	Tài sản Có khác - góp	9.296.474	964.213	315.343	224.952	10.800.982
	Tổng tài sản	601.381.050	165.415.318	20.703.302	8.764.618	796.264.288
Nợ phải trả						
I, II	Tiền gửi của và vay từ NHNN và các tổ chức tín dụng khác	46.629.502	59.994.725	16.029.765	3.735.826	126.389.818
III	Tiền gửi của khách hàng	476.525.664	106.911.061	4.651.060	2.363.559	590.451.344
VI	Phát hành giấy tờ có giá	10.281.161	5.215	-	-	10.286.376
VII	Các khoản nợ khác	11.922.863	598.144	20.141	136.696	12.677.844
	Tổng nợ phải trả	545.359.190	167.509.145	20.700.966	6.236.081	739.805.382
	Trạng thái tiền tệ nội bảng	56.021.860	(2.093.827)	2.336	2.528.537	56.458.906

39. Thuyết minh công cụ tài chính (tiếp theo)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(iv) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là tình huống Vietcombank không thể thực hiện các cam kết tài chính đã thỏa thuận đối với khách hàng hoặc đối tác do không huy động đủ vốn hoặc không thanh khoản được tài sản.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Vietcombank đến kỳ thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Vietcombank:

- Tiền gửi tại NHNN được xem như tiền gửi thanh toán, bao gồm cả tiền gửi dự trữ bắt buộc;
- Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán theo như quy định của đơn vị phát hành;
- Thời gian đáo hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa trên ngày đến hạn mà hợp đồng quy định. Thời gian đáo hạn thực tế có thể thay đổi do các hợp đồng cho vay được gia hạn;
- Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là hơn 5 năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định; và
- Các khoản tiền gửi, tiền vay của các tổ chức tín dụng và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản vay này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Ví dụ: tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán dùng để thực hiện yêu cầu giao dịch của khách hàng nên được xếp loại không kỳ hạn, thời gian đáo hạn với các khoản vay và tiền gửi có kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trên thực tế, các khoản vay này có thể được quay vòng và duy trì trong thời gian lâu hơn.

Bảng dưới đây phân tích thời gian đáo hạn còn lại của các tài sản và nợ phải trả tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2016:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

39. Thuyết minh công cụ tài chính (tiếp theo)

(c) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính (tiếp theo)

(iv) Rủi ro thanh khoản

	Nợ quá hạn trên 3 tháng Triệu VND	Nợ quá hạn đến 3 tháng Triệu VND	Nợ trong hạn					Tổng cộng Triệu VND
			Đến 1 tháng Triệu VND	Từ 1 đến 3 tháng Triệu VND	Từ 3 đến 12 tháng Triệu VND	Từ 1 đến 5 năm Triệu VND	Trên 5 năm Triệu VND	
Tài sản								
I Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	9.692.053	-	-	-	-	9.692.053
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	-	-	17.382.418	-	-	-	-	17.382.418
III Tiền, vàng gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - góp	-	-	129.095.006	14.422.171	8.328.393	-	-	151.845.570
IV Chứng khoán kinh doanh - góp	-	-	4.271.362	-	-	-	-	4.271.362
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	-	230.658	-	-	-	230.658
VI Cho vay khách hàng - góp	4.240.373	1.164.506	41.799.722	105.749.545	146.077.832	101.946.112	59.830.378	460.808.468
VIII Chứng khoán đầu tư - góp	-	-	1.319.864	4.206.124	9.905.518	82.919.725	33.600.003	131.951.234
IX Góp vốn đầu tư dài hạn - góp	-	-	-	-	-	-	3.642.161	3.642.161
X Tài sản cố định	-	-	-	-	-	-	5.639.382	5.639.382
XII Tài sản Có khác - góp	-	-	-	10.800.982	-	-	-	10.800.982
Tổng tài sản	4.240.373	1.164.506	203.560.425	135.409.480	164.311.743	184.865.837	102.711.924	796.264.288
Nợ phải trả								
I, II Tiền gửi của và vay từ NHNN và các tổ chức tín dụng khác	-	-	100.175.262	13.065.345	12.448.246	608.814	92.151	126.389.818
III Tiền gửi của khách hàng	-	-	164.978.585	139.341.992	175.362.542	44.611.931	66.156.294	590.451.344
VI Phát hành giấy tờ có giá	-	-	286.376	-	-	4.000.000	6.000.000	10.286.376
VII Các khoản nợ khác	-	-	-	12.677.844	-	-	-	12.677.844
Tổng nợ phải trả	-	-	265.440.223	165.085.181	187.810.788	49.220.745	72.248.445	739.805.382
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	4.240.373	1.164.506	(61.879.798)	(29.675.701)	(23.499.045)	135.645.092	30.463.479	56.458.906

40. Thuyết minh về biến động lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 so với năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 tăng 1.519 tỷ đồng (tương đương 28%), nguyên nhân chủ yếu do lợi nhuận trước thuế của Ngân hàng tăng so với năm 2015 khoảng 1.696 tỷ đồng (tương đương 25%) do các khoản mục chính sau:

	Ảnh hưởng	
	Tuyệt đối Tỷ VND	Tương đối %
Khoản mục có biến động chủ yếu		
Tăng Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	769	11,27
Tăng Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	278	4,07
Thu nhập từ các khoản cho vay đã xử lý bằng quỹ dự phòng rủi ro (thuộc Thu nhập từ hoạt động khác)	287	4,21
	1.334	19,55

41. Các sự kiện xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Cho đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2016 có thể ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Vietcombank.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

42. Thay đổi số liệu so sánh do thay đổi chính sách kế toán

Trong năm 2016, do ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán và yêu cầu trình bày báo cáo tài chính theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 áp dụng cho Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank là công ty con của Ngân hàng, một số khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất này.

Trích từ Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015:

	Ngày 31/12/2015 Triệu VNĐ (Số đã trình bày trước đây)	Phân loại lại theo Thông tư 210 Triệu VNĐ	Ngày 31/12/2015 Triệu VNĐ (trình bày lại)
Chứng khoán kinh doanh	9.467.305	457.741	9.925.046
Chứng khoán kinh doanh	9.468.255	473.134	9.941.389
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(950)	(15.393)	(16.343)
Cho vay khách hàng	378.541.826	571.233	379.113.059
Cho vay khách hàng	387.151.704	571.233	387.722.937
Chứng khoán đầu tư	108.055.236	(457.741)	107.597.495
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	42.941.175	(473.134)	42.468.041
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	(704.217)	15.393	(688.824)
Tài sản Có khác	9.971.680	(571.233)	9.400.447
Các khoản phải thu	3.532.456	(578.493)	2.953.963
Các khoản lãi, phí phải thu	4.842.275	7.260	4.849.535
Tiền gửi của khách hàng	500.528.267	634.283	501.162.550
Các khoản nợ khác	12.600.027	(634.283)	11.965.744
Các khoản phải trả và công nợ khác	7.592.278	(634.283)	6.957.995

Trong năm 2016, Vietcombank thực hiện phát hành cổ phiếu thưởng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 09/TN2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 04 năm 2016. Bên cạnh đó, lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2015 đã được điều chỉnh lại để phản ánh khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2015. Do vậy, khoản mục Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2015 đã được trình bày lại để phản ánh được những thay đổi trên.

	Ngày 31/12/2015 VNĐ (Số đã trình bày trước đây)	Ảnh hưởng VNĐ	Ngày 31/12/2015 VNĐ (trình bày lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.626	(424)	1.202

43. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được Ban Điều hành phê duyệt ngày 29 tháng 3 năm 2017.

Hà Nội, Ngày 29 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Người duyệt:

Bà **Nguyễn Thị Thu Hương**

Bà **Phùng Nguyễn Hải Yến**

Ông **Nguyễn Danh Lương**

Phó phòng
Tổng hợp và Chế độ Kế toán

Kế toán Trưởng



Phó Tổng Giám đốc



**NGÂN HÀNG TMCP
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (+84) 4 3934 3137 Fax: (+84) 4 3826 9067
Swift: BFTV VNVX Website: www.vietcombank.com.vn